

ÔN NHƯ
NGUYỄN VĂN NGỌC

TRUYỀN CÔ

NUỚC NAM



NGƯỜI TÀ — TẬP I

THANG LONG



NGUYỄN VĂN NGỌC, biệt hiệu ÒN-NHU, (1890-1942) là một nhà văn đã soạn và biên tập được nhiều sách nhất trong nhóm « Cổ kim thư xã ». Trong khoảng mười năm, từ 1927 đến 1936, ông đã xuất bản được chín bộ sách : *Đông Tây ngữ ngôn*, *Nhi đồng lạc viên*, *Truyện cổ nước Nam*, *Nam thi hợp tuyển*, *Câu đối*, *Đào nương ca*, *Cổ học tinh hoa* (gồm 2 quyển, soạn cùng với Trần Lê Nhân), *Tục ngữ phong dao*, *Đề mua vui*.

Những sách của ông biên soạn thật công phu, rất có ích cho những người muốn học tập quốc văn và muốn biết đại lược về những tư tưởng của cổ Trung-Hoa. Trong lớp tiên phong, ông đáng liệt là một nhà văn xuất sắc nhất.

ÔN NHƯ
NGUYỄN VĂN NGỌC

TRUYỆN CỎ NƯỚC NAM

QUYỀN THƯỢNG:
NGƯỜI TA

10142f

THANG LONG
1 9 5 2

MAO ĐAU

« Nước ta cổ những hơn bốn nghìn năm » câu nhiều người Nam ta thường nói, mà như cô y tự-phụ cho cái « cổ » là quý.

Vậy mà nước Nam cổ ở những cái gì ?

Nòi-giống cổ, lịch-sử cổ, phong-tục cổ, chế-độ cổ, văn-chương, mỹ-thuật cổ, đền-đài, di-tích cổ, người cổ, óc cổ, tiền cổ, đồ cổ, truyện cổ...

Cổ nhiều hay ít, hay hay dở, lợi hay hại, chúng tôi không nói đến.

Cổ nên yêu hay nên ghét, nên trọng hay nên khinh, nên giữ hay nên bỏ, chúng tôi cũng không bàn đến.

Chúng tôi chỉ biết đối với những cái gọi là « cổ », không phải ai cũng sở thích như ai : kẻ mến chùa cổ, người ưa hát cổ, kẻ chuộng cổ tục, người quý cổ văn...

Về phần chúng tôi, thì chúng tôi xin thú rằng chúng tôi có cái nhược-diểm hâm-mộ, luyện-ái riêng với những « *Truyện cổ* » hơn là bao nhiêu cái cổ khác.

Nên đã lâu năm, chúng tôi hằng để tâm đến truyện cổ, tìm-tòi truyện cổ, góp-nhặt truyện cổ, ghi-chép truyện cổ, thu-xếp truyện cổ, nghe-ngóng, kể-lẽ truyện cổ, mua-chuộc, giữ-gìn truyện cổ... chẳng khác chi một nhà mê chơi đồ cổ mà chứa chất đồ cổ vậy.

* * *

Thói đời, những người có đồ cổ thường hay đem ra khoe-khoang phô-bày cho bà con anh em thưởng-thức. Nên có được

ít « Truyện cổ » nào, chúng tôi cũng dám bao-dạn đưa ra cho in, gọi là thứ bất-chước phò-bày xem sao.

Quyền sách chúng tôi cho xuất-bản đây chính là quyền đầu về những « **Truyện cổ** » ấy.

Đồ cổ, xưa nay thiên-hạ trân-trọng, bất cứ là đồ sành, đồ sứ, đồ đồng, đồ thiếc, đồ gỗ, đồ sơn, đồ ngọc ngà, hay bức tranh, nét chữ... hầu-hết là đồ của người Tàu, tự các đời xưa nào bên Tàu để lại cả.

Còn những truyện cổ chúng tôi sưu tập đây, chúng tôi dám quyết rằng thật là của riêng của nước Nam, tự người Nam sáng-tác, xuất-sản ra, chứ không phải đi vay, đi mượn, nhờ vả vào ai mà được. Một chứng cứ rõ ràng : Hơn 120 truyện trong sách, không có mấy truyện là không hàm một, đôi câu thành-ngữ, hay sáo-ngữ, ca hát hay phong-dao bằng tiếng Nam, nghĩa là một thứ tiếng riêng nó làm cho nước Nam mới thật là nước Nam vậy. Gián-hoặc có một đôi truyện, phảng-phất tương-tự giống như truyện Tàu, thì chẳng qua cũng chỉ là bất-kỳ ngẫu-nhiên mà thôi. Còn bảo có nhiều truyện tất đã chịu một cái ảnh-hưởng xa-xôi tự ngoài đem vào, thì cái ảnh-hưởng đó chắc là do từ đạo Phật bên Ấn-độ tràn sang, hơn là của đạo Khổng bên Chi-na đưa lại. — Vả chẳng đã là người, dù ở phương đông hay phương tây, dù phân da trắng hay da vàng, cũng là thuộc về một nhân-loại cũng cùng chung một tư-tưởng như nhau được. Vậy người nước Nam cũng là người có một cái óc, cái tâm-tinh như người, thì há lại không tự nghĩ-ngợi, phát-minh nên được một cái gì giống như người hay sao !

Nên chúng tôi đề nhan quyền truyện cổ này là « **Truyện cổ nước Nam** » thật không lấy làm thẹn với ngòi bút, mà lại như muốn phò-chương tỏ-rõ rằng nước Nam ta cổ là ở đó, xưa văn-minh sớm hơn người ở như đó, và nay già-cỗi chậm hơn người có nhẽ cũng vì đó.

* * *

Muốn cho đúng cách biên-tập, đáng nhẽ những truyện trong sách chúng tôi phải xếp riêng ra từng loại, từng mục, có thứ-tự

phân-minh, khiến người nghiên-cứu về sau được dễ dàng tra-khảo.

Đại-đề, chúng tôi có thể chia phác ra làm năm mục như sau này :

1. — Những truyện thuộc về cái lối cổ-tích hoặc giả-sử, cha mẹ hay ông bà tối tối thường kể cho con, cháu nghe ;

2. — Những truyện mà kết cục đã thành câu phương-ngôn, lý-ngữ, hoặc trái lại, xuất-xứ từ những câu lý-ngữ phương-ngôn ấy ra :

3. — Những truyện thuần về văn-chương trong có những câu ca, bài hát nôm-na mà vui-thú, giản-dị mà tự-nhiên, xưa kia đâu đó vẫn thường truyền tụng ;

4. — Những truyện trong ngu một cái ý cao xa thuộc về triết-lý, may ra so bì được với Bách-tử bên Trung-quốc, và sau này, có thể đem vào môn học cổ-diễn của nước nhà ;

5. — Những truyện vui chơi cười đùa có lý-thú, đề tiêu sầu khiến muộn, nhưng chưa quá thuộc về cái thể gọi là « Tiểu-lâm » các nhà đạo-đức nghiêm-ngộ vẫn quen chê là nhảm-nhí.

Tự trung, hoặc có một đôi truyện vật-vĩnh không rõ thuộc hẳn về mục nào, và người xem có nhẽ cho như không được nòng, măn lăm. Nhưng chúng tôi cũng không nở bỏ qua, cứ liệt cả vào đây, vì chẳng gì nữa, thì những truyện ấy cũng được một cái đặc-tính là truyện cổ.

Tuy nhiên trong sách, chúng tôi không cho in phân tách rõ ra từng mục-loại như thế.

Chúng tôi tùy liệu mà dàn xếp gián-đoạn đi. Như sau một vài truyện hoang đường quá ư cổ, chúng tôi để một truyện ngụ-ngôn cổ mà kim, trước một truyện khuyến thiện, thuộc về tôn-giáo, chúng tôi lại xen năm ba truyện câu văn bóng-bẩy, thú-vị, hay nhời nhẽ bông-lơn vui cười thỏa-thích.

Xếp như vậy, chúng tôi thiết tưởng người đọc bất-cứ là người nhớn hay trẻ con, cũng có thể theo lần lượt, mà đọc hết bài trên đến bài dưới, bài ngắn đến bài dài, mà không đến nỗi lấy làm chán-nản. Đã không chán nản, thì truyện nào cũng có

hứng-thú, cũng dễ hiểu biết, dễ ghi nhớ, cũng có thể xem, mà rồi kể lại được, khác nào như khi ngồi vào mâm được dùng nhiều món ăn thay đổi, mỗi món, một vị khác nhau, nếu không bồi-bổ cả được cho sức lực thì cũng thơm ngon ít nhiều cho khứu-giác và vị-giác.

* * *

Những chuyện chúng tôi nhật đây, hầu hết là còn ở trong tiếng nói hơn ở trong chữ viết, xưa nay chỉ mới được người kể cho tai nghe, chớ chưa mấy ai chịu nhật-nhanh biên chép, ấn-hành thành sách vở (1).

Bởi thế mà cũng cùng một truyện, thường có khi sai lạc khác nhau xa. Người kể thế này, kể nói thế nọ, đây ngắt rút nửa chừng, đó dài thêm hai ba đoạn. Thật là dài ngắn khôn đo, thêm bớt khó liệu, đầu Ngô, mình Sở, râu ông nọ mà cằm cằm bà kia.

Nên khi sưu-tập, chúng tôi phải hết sức nghe người này, hỏi người nọ, tìm nơi này, lục nơi khác, dẫn-đo so sánh, suy-xét, cân nhắc từng li từng tí, sau mới dám hạ bút chấm-chước mà dàn-sếp, mà phô-điển, mà sửa-sang mà chau mài cho thành được câu truyện có đầu đuôi, có ý-nghĩ, có kỳ-thú, có văn-vẻ.

Chúng tôi cũng biết trong sách còn có truyện ghi chép chưa được tinh-trường, lộn-đủ, nhờ nhờ chưa được chất-phác gãy gọn hẳn như của cổ-nhân. Sau này, chúng tôi xin sửa-chữa dần. Chúng tôi lại dám mong rằng bà con ai xem truyện, được chỗ nào biết hơn chúng tôi, làm ơn chỉ bảo giúp đỡ chúng tôi bồi bổ lại, thì chúng tôi được lấy làm hân-hạnh vô cùng.

Công việc tồn cổ, không bảo một người hay năm ba người, một lúc mà làm nổi.

* * *

Lại vẫn theo ý riêng chúng tôi, thì trong việc tồn cổ, moi lục những truyện cổ, rồi đem xây dựng, tô-điểm lại, cho thành văn, thành bài, thật không phải là một việc đáng bỏ qua, như có người quá ư thiên với kim, ra điều muốn bỏ qua vậy.

(1) Có được ít nào, thì lại là người Pháp tò-mò ghi chép cho người Nam xem !

Văn-chương Pháp — nói cả văn-chương Âu-Mỹ — còn bảo đợi bao nhiêu bạn thiếu-niên tân-tiến sau này nghiên cứu, phiên dịch, dân-giải, ban-bổ ra, không sợ rồi không ai nghĩ tới.

Văn-chương Tàu — nói rộng cả văn-chương Nhật, Ấn — vẫn có người xói đắp, vun giồng, duy-trì ủng-hộ, không ngại rồi có ngày suy-chuyển, lưu-lạc mất.

Còn chính văn-chương Việt-nam nhà, gác cái phần chữ Hán ra ngoài, chỉ một phần chữ nôm, về bên gọi là « học-giả thành lập » thì nay hiện đã được ít người lưu tâm sao-lục, và đem ra xuất-bản, ta không lo rằng có khi tiêu-diệt mai-một đi nữa. — Nhưng về bên gọi là « dân-gian thành-lập » thì ngán thay ! từ bao giờ đến giờ, lắm người vẫn có như không kể vào đâu, không có địa-vị, giá trị nào, khinh-khỉnh thờ-ơ coi thường, như coi thường chính bọn dân gian hay dân đen « chân lấm, tay bùn » vậy.

Ôi ! nhưng nghĩ kỹ, sở-dĩ thành được nước Nam, nước Nam sở-dĩ còn được đến nay, thật gốc ở như bọn dân đen cổ-lỗ, chất-phác, « khố rách áo ôm » ấy nhiều, thì sở-dĩ thành được văn Nam — hay văn Nôm — văn Nam sở-dĩ còn lưu đến nay, tất cũng phải nhờ vào những tiếng, những câu, những nhời, những truyện sinh sản từ những chốn quê-mùa cực-kịch, ngõ hẻm hang cùng của những bọn cổ-lỗ chất-phác, « khố rách áo ôm » ấy mà ra.

* * *

Nên khi chúng tôi góp nhặt những truyện này, dù cho mất bao nhiêu công-phu, thời giờ, chúng tôi cũng lấy làm vui lòng và coi như mọi cái nghĩa vụ thiêng-liêng đối với quá nửa phần văn-chương của nước nhà.

Thành-trị cổ có sụt đổ, vùi rập xuống đất, còn hòng có lúc, có người đào bới, mò-phỏng mà xây-đắp lại được. Chớ những truyện cổ, không ai ghi chép, cứ để trong nhời nói, trong cái lối gọi là « truyền khẩu, truyền tụng » mà đã quên đi, là mất hẳn, sau này thật không tài nào cứu vớt, gây dựng lại cho được. Cứ xem như hiện trạng, truyện cổ bỏ mất cũng đã nhiều rồi. Huống hồ trong vòng hai ba mươi năm nữa, nếu cứ như thế này mãi,

thì chúng tôi e dẽ rồi có ngày, không còn mấy người mẹ, người bà kể được một đời truyện cổ-tích nào của nước nhà cho con cháu nhà nghe nữa.

Nếu quả thật thế, thì rất là đáng tiếc !

Nên chúng tôi hết lòng sốt-sắng thành-thực dám ước-ao rằng những sĩ-phu dẫu đó trong nước, nên lưu tâm mà thu-thập lấy những nhời cổ, những truyện cổ hiện còn có thể thu-thập được. Chúng tôi lại mong có nhiều người thích xem, thích kể truyện cổ, sau gây nên một hạng *người sành truyện cổ*, cũng như hạng *người sành đồ cổ* vậy. Không phải nói quá, những truyện cổ thật là một kho vàng vô giá của ông cha để lại làm cái vốn rất quý cho con cháu được nhờ. Các nhà văn-sĩ bây giờ có thể nhân đây, biến hóa, bày đặt ra nhiều lối văn mới khác, mà không phải cứ ép mình, cúi đầu, đi mượn cả bao nhiêu cốt-cách, điển-tích của người ngoài.

Giữa lúc cổ, kim xung-đột, kim có thể mạnh, như muốn nuốt cổ, mà ta cố lựa-lọc giữ được một vài phần hay trong những cái cổ của ta, nó khiến ta bao giờ cũng phải nhớ *ta là ta, không phải là ai*, thì cái công việc ta làm quyết-nhiên không phải là vô-ích.

Làm người Nam nên biết truyện cổ nước Nam. Tinh thần người Nam hiện ra ở đây, tinh-hoa nước Nam muốn lưu lại cũng ở đây.

Dám xin độc-giả lượng xét.

Tại Hà-nội, ngày mồng một,
tháng tám, năm Nhâm-thâm (1-9-1932)

Ô. N. NG. V. NG.

CHUM VÀNG BẮT ĐƯỢC

Xưa có người nhà nghèo, một hôm ra ruộng cày, cày thấy một chum vàng. Người ấy đào lên, lễ-mễ bung để trên bờ ruộng.

Tối về nhà khoe với vợ rằng :

— Hôm nay tao đi cày, bắt được một chum vàng to. Tao bung để trên bờ ruộng.

Vợ bảo :

— Cửa giời đã cho, sao không mang về. Ngộ đêm nay có đũa nào lấy mất, thì làm thế nào ?

Chồng nói :

— Thật có phải của giời cho, thì tự nhiên đem về nhà này, chẳng đũa nào lấy được cả. Mà không thật của giời cho, đũa nào nó lấy thì lấy tao không tiếc.

Đang lúc hai vợ chồng trò-chuyện với nhau, thì có hai thằng kẻ trộm rình ở ngoài nhà, nó nghe được hết cả.

Hai thằng bèn bảo nhau tìm ra bờ ruộng. Quả-nhiên, thấy chum vàng ở đấy. Hai thằng lấy làm mừng rỡ, vội vàng khiêng về nhà.

Nhưng đến lúc mở ra, chọn-chừng chọn-chạc định chia nhau, thì vàng chẳng thấy đâu, chỉ thấy đầy một chum rỗng. Hai thằng sợ hãi, chưa kịp đồ ra xem, thì giời đã sáng, vội dậy nắp lại và để giấu một nơi.

Sáng hôm sau, người kia lại ra ruộng cày, thì chẳng thấy chum vàng đâu nữa.

Xong buổi cày, về nhà, vợ hỏi :

Thế nào ? chum vàng làm sao ?

Chồng nói :

— Hôm qua tao để chum vàng trên bờ ruộng rõ ràng. Hôm nay tao đi cày, không thấy đâu nữa. Không biết đứa nào nó đem đi đâu rồi ấy.

Vợ bảo :

— Ai bảo con người khờ dại thế ! Của đã bắt được mà không đem về. Bỏ ở giữa gò, thì tất có đứa nó phải khiêng đi, yện làm sao được !

Lúc hai vợ chồng nói chuyện, thì ra hai thằng kẻ trộm lại rình, chúng nghe rõ cả đầu đuôi, lấy làm tức giận bảo nhau rằng :

— Rắn mà nó trông ra vàng ! Hai vợ chồng nó đang tiếc với nhau ! Ta lại đem ra bờ ruộng ta giả nó cho nó biết.

Nói rồi, hai thằng liền về nhà, khiêng cái chum vàng, đem ra bờ ruộng giả.

Sáng hôm sau, người kia ra đi cày thì lại thấy cái chum ở đấy rồi. Người ấy đem mở ra xem, thì thấy vàng vẫn còn nguyên như trước.

Tối về nhà, lại khoe với vợ rằng :

— Này nhà nó này ! Tao đã bảo mà, của gò đã cho mình, thì chẳng ai lấy được. Hôm nay, tao đi cày, lại thấy chum vàng ở bờ ruộng.

Vợ nói :

Thôi đi ! Đừng nói lếu nữa đi. Cứ nay bắt được chum vàng, mai đã mất chum vàng, ngày kia lại thấy chum vàng... Ai mà tin được !

Chồng bảo :

— Thì thật mà ! Tao lại thấy cái chum ở bờ ruộng, tao mở ra xem rõ-ràng có vàng thật mà. Nhưng tao chẳng đem về làm gì. Có phải của gò cho, thì tự khắc nó phải bỏ về nhà.

Đêm ấy hai thằng kẻ trộm vẫn còn rình nữa, nghe thấy hai vợ chồng nhà ấy nói chuyện, lấy làm tức mình, bảo nhau rằng :

— Ừ mà bảo nó bỏ về nhà, thì ông cho nó bỏ về để nó cắn chết cả hai vợ chồng mày cho bỏ ghét.

• Rồi hai thằng mò ra bờ ruộng, con mắt cháo-chung mở chum ra xem lại. Quả chỉ thấy lúc-nhúc những rần. Chúng vội vàng đây nấp lại, và khiêng bỏ vào nhà người cày ruộng, rồi chạy mất.

Người kia sáng dậy, ra vườn, thấy chum vàng ở đấy rồi, gọi vợ lại bảo :

« Bu nó này! Tao nói có sai đâu! Cửa giời đã cho thì tự nhiên nó phải bò về nhà. Cái chum vàng ở kia kia rồi. Bu nó mau ra mà xem »

Vợ chạy ra xem, thì quả nhiên đầy một chum vàng thật.

Bấy giờ chồng mới chịu lấy vàng cất vào trong nhà. Và tự đó, hai vợ chồng mới đem cái vàng ấy ra mà làm giàu làm có, ăn tiêu rất sung-sướng.

Vị tích này, mới rõ câu :

*« Số giàu đem đến những nhưng,
« Lọ là con mắt cháo chung mới giàu »*

là có nghĩa vậy.

KÉO CÂY GIẢ NỢ

Xưa, có một người tên gọi là Chu-văn-Địch làm ăn vất-vả, cửa nhà đói kém, nhưng tính khí hiền lành, ăn ở thật-thà, có nhân, có đức.

Trong hạt, có một nhà giàu thường cho người ấy vay nợ, năm nào cũng vậy, vay vay, giả giả đã nhiều.

Phải một năm mất mùa, người ấy không giả được nợ, mà ông nhà giàu cũng không hỏi đến. Mấy năm sau người ấy chết đi, nợ vẫn còn lại. Nên lúc hấp-hối còn giới lại với con rằng :

*Nợ nần chưa giả được ai,
Hồn này thác xuống tuyền-đài chưa yên.*

Một đêm, ông nhà giàu kia nằm mơ, nghe có tiếng người đến nói bên tai rằng :

*Tái sinh chưa dứt hương thờ,
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.*

Sáng ngày dậy, thấy con trâu để ra được con nghé trên lưng có hai chữ « Văn-Địch ».

Con nghé mỗi ngày một nhón, khôn ngoan, dễ bảo, cày bừa rứt khỏe. Người ngoài biết truyện, ai cũng bảo rằng :

*Người ăn thì còn,
Con ăn thì hết,
Đã đến lúc chết
Hãy còn nhớ ơn.*

Cách đây ít năm, hai đứa con Văn-Địch khôn nhón lên, làm ăn nhờ giời cũng khá.

Một hôm đang cày ngoài đồng, nghe thấy ở thửa ruộng gần đây có người bảo con trâu rằng :

— Văn-Địch ! Văn-Địch ! nhanh chân, mau bước, kéo đã trưa rồi.

Hai đứa con nghe thấy tên bố, ngạc-nhiên chạy sang bên ruộng hỏi, thì người kia nói rằng :

— Con trâu này từ lúc sinh ra, trên lưng có hai chữ Văn-Địch, mà có gọi đúng tên nó như thế, thì nó mới chịu làm.

Lúc về, hai đứa con vội sang nhà ông nhà giàu hỏi truyện, tỏ ý muốn mua con trâu, thì ông ấy bảo rằng :

— Trước, tên Chu-văn-Địch có vay nợ ta, không giả được, ta cũng không đòi. Có nhẽ bởi vậy, mà phải hóa kiếp làm con trâu này để giả nghĩa cho ta. Đã mấy năm nay nó làm ăn chịu khó, trong nhà ta đây cũng được thịnh vượng. Nợ giả như thế, ta cho cũng là đủ rồi. Vậy nếu hai anh có phải là con, muốn mua chuộc về, thì ta để lại cho. Ta lại giả cả văn-khế cũ đem về mà hóa kiếp cho yên hồn cha.

Khi hai đứa con chuộc được con trâu về, vừa đem bực văn-khế ra hóa, thì nó lăn ra nó chết. Thế là nó đã giả sạch được nợ kiếp trước rồi.

Sau hai đứa con làm ăn mỗi ngày một nẩy nở và trở nên giàu sang, ai cũng có bụng yêu bụng quý.

Thấy truyện này, người ta mới đặt câu « *Kéo cây giả nợ* » thành câu tục-ngữ.

Người ta lại còn phụ thêm một câu hát rằng :

*Ở cho có nghĩa, có nhân.
Cây đức lắm chồi, người đức lắm con.
Ba vuông sánh với bảy tròn,
Đời cha nhan đức, đời con sang giàu.*

CAI CÁN THỦY NGÂN

Xưa có một nhà làm nghề buôn-bán, âm mưu chế ra một cái cân cán rồng, trong đồ thủy-ngân, hai đầu bịt đồng, không ai biết.

Khi cân hàng bán cho người ta thì dốc cán cân vào đàng móc. Khi cân hàng mua của ai, thì lại dốc cán cân vào đàng quả. Như vậy một cái cân vừa nặng, vừa nhẹ được, và bao giờ phần lợi cũng về mình.

Vì buôn-bán diên-dảo như thế, mà không bao lâu nhà ấy trở nên giàu có.

Giời cho, lại sinh ra được hai đứa con giai, mặt mũi khôi-ngô học-hành thông-thạo. Thiên-hạ ai nấy đều khen là nhà có đại hồng-phúc,

Một hôm, hai vợ chồng ngồi bàn với nhau rằng :

— Nhà ta bây giờ đã giàu có hơn người nhiều, lại sinh được hai đứa con khôn-ngoa, giỏi-giang, « Một mặt người bằng mười mặt của », thời thì bây giờ ta đem phá bỏ cái cân diên-dảo kia đi, để dành cái đức lại cho con về sau.

Bàn xong, hai vợ chồng thuận tình sửa cái lễ xám-hối trên thì cúng Phật, dưới thì cáo ông bà ông vải.

Rồi đem cái cân ra chẻ. Thì khi chẻ, ghé thấy thấy trong cái cân có đọng một cục máu đỏ hơn hồng.

Từ đó, hai vợ chồng bảo nhau ăn ở tu nhân tích đức, tránh điều dữ, làm điều lành.

Nhưng cách đó vài năm, bỗng một hôm một đứa con lăn ra chết, và không bao lâu, còn đứa kia cũng lăn ra chết nốt.

Hai vợ chồng kêu gào khóc lóc, rất là thảm thiết, nghĩ rằng mình đã có bụng cái ác vi thiện mà giới không chứng quả.

Hai vợ chồng rầu-rĩ khổ-sở, cứ ngồi than dài thở vắn trong mấy tháng giới, không buồn động đến việc gì nữa.

Một đêm, hai vợ chồng cùng nằm mơ thấy có ông Bụt đến bảo rằng :

Vợ chồng mày hãy nèn lo toan làm ăn tu tỉnh lại. Chớ vội ngồi vậy mà trách Giới không có mắt. Giới thương chúng mày lắm đó ! Trước Giới thấy chúng mày buồn bán lọc-lừa, Giới đã sai hai con quỷ xuống đầu làm con để phá tán cho hết những của phi nghĩa chúng mày chắt bóp nhặt-nhặt bao nhiêu năm nay. May mà chúng mày sớm biết hối-hận, cải tà qui chánh, tránh dữ làm lành, Giới mới sai bắt hai con quỷ ấy về. Đừng thương tiếc chúng nó làm chi nữa. Chúng mày cứ ăn ở ngay lành rồi Giới lại đền cho hai đứa con khác để ngày sau mà nhờ.

Hai vợ chồng biết thế, không thương khóc con nữa, lại làm ăn như cũ, và lúc nào cũng tâm-tâm niệm-niệm cố gắng làm bao nhiêu điều từ-thiện, phúc đức.

Quả nhiên sau lại sinh được hai đứa con giai khác. Hai đứa cùng hiền-lành tử-tế, văn hay chữ tốt và sau nhón lên, làm cho cha mẹ thật được vẻ-vang vui sướng về cái cảnh già.

CÂY TRE TRĂM MẮT

Xưa có một người có đứa con gái đẹp lắm. Trong nhà phải thuê một thằng ở để giúp việc. Ông chủ muốn lợi dụng nó, mới bảo nó rằng :

— Mày chịu khó làm ăn với tao, rồi tao gả cô cho mày.

Thằng ở mừng lắm và ~~gia~~ công, ~~gia~~ sức làm việc cho chủ, không quản nắng sương, không nại mệt nhọc sớm khuya gì cả.

Nó ở đã được ba năm, trong nhà làm ăn mỗi ngày một giàu có.

Ông chủ bấy giờ mới nghĩ bụng rằng :

Nhà mình giàu có thế này mà gả con cho đứa ở, thì chẳng là uổng con mà người ta lại chê cười cho ru !

Nghĩ thế rồi, bèn lật nó luôn mà đem con gả cho một nhà khác giàu sang nhất nhì trong làng.

Sáng hôm sắp đưa dâu, ông chủ gọi thằng ở ra lừa nó, bảo rằng :

« Bấy giờ mày chịu khó lên rừng tìm lấy một cây tre trăm mắt đem về đây làm đũa ăn cưới, thì tao cho mày lấy cô mày ngay ».

Thằng ở thật-thà, lập tức vác dao lên rừng.

Nhưng suốt buổi kiếm hết khu này, khu khác, chẳng đâu thấy có cây tre đủ được trăm mắt.

Nó buồn, nó ngồi nó khóc hu-hu.

Bỗng thấy một ông lão đầu tóc bạc phơ, đến hỏi rằng :

— Làm sao con khóc. Nói cho ta nghe.

Thằng kia thưa đầu đuôi câu chuyện.

Ông lão nghe rồi, bảo rằng :

Mày đi chặt tre đếm đủ trăm cái mắt, rồi đem lại đây ông bảo.

Nó làm y theo như nhời.

Ông lão bảo nó đọc :

« Khắc nhập, khắc nhập (1) »

Nó vừa đọc ba lần như thế, thì một trăm đoạn tre tự-nhiên liền lại với nhau mà thành một cây tre đủ trăm mắt.

Nó mừng quỳnh, ghé vai định vác về. Nhưng cây tre dài quá, nhắc lên vương, không đi được.

(1) Vào ngay, vào ngay.

Nó lại ngồi nó khóc hu-hu.

Ông lão lại đến hỏi :

— Làm sao con khóc ?

Nó nói tre dài quá không sao vác được về nhà.

Ông lão bảo nó đọc :

Khắc xuất, khắc xuất (2)

Nó vừa đọc xong ba câu thì cây tre lại tức khắc rời ra từng đoạn.

Nó bèn bỏ cả lại mà gánh về nhà.

Lúc về tới nơi thấy hai họ đang ăn uống tung bừng, sắp đến lúc rước dâu, nó mới biết là ông chủ lừa nó đem con gái gả cho người ta rồi.

Không nói gì cả, nó cứ lẳng-lặng đem trăm đoạn tre xếp dang-dang dưới đất. Rồi nó lằm bằm nó đọc :

Khắc nhập, khắc nhập.

Tự-nhiên một trăm đoạn tre kia chấp liền lại thành một cây tre trăm mắt dài lắm.

Ông chủ thấy truyện lạ-lùng, chạy lại gần xem.

Nó cũng đọc luôn.

Khắc nhập, khắc nhập.

Thì ông kia cũng dính liền ngay vào cây tre, không tài nào đẩy ra cho được.

Ông thông gia thấy vậy chạy ra, định gỡ cho ông chủ.

Nó đợi lúc tới gần, nó cũng lại đọc :

Khắc nhập, khắc nhập.

Thì cả ông ấy cũng dính chặt luôn với cây tre, không sao lìa ra được nữa.

Hai họ thấy vậy, không còn ai dám bạ-men đến đó.

Còn hai ông kia thì van-van lạy-lạy để nó thả ra cho : ông thông-gia thì xin về nhà ngay, còn ông chủ thì xin gả con gái cho nó.

(2) Ra ngay, ra ngay.

Lúc bảy giờ nó mới đọc :

Khắc xuất, khắc xuất,

Thì hai ông kia rời ngay cây tre ra, và cây tre cũng rời ngay ra trăm đoạn.

Rồi quả-nhiên lấy được cô ả, không ai dám trêu nó nữa.

Vì truyện này mà sau thành có câu ví rằng :

Chê ta rồi lại lấy ta,

Tuy là đũa ở ^{những} mà có công.

CÁ RÔ RẠCH NGƯỢC

Xưa có người đàn bà, chồng chết, một hôm mời những tay thông thái trong làng có chân trong hội « Tur-văn » đến làm lễ giúp.

Khi dâng đồ lễ, thịt cá rất nhiều, trông thích mắt lắm.

Có ông « Tur-văn » ngó thấy đĩa cá rô ngon-lành, lén cắp ngay một con, giắt vào trong khăn đầu.

Vò phúc, lại phải người đàn bà nó trông thấy.

Nó mới vừa khóc chồng nó, vừa kể câu rằng :

Giời mưa, giời gió đã lâu,

Cá rô rạch ngược lên đầu tur văn,

Câu ấy sau thành một câu nói giễu (1)

CÁ CUỐNG VỚI NGƯỜI TỊT MŨI

Xưa có một người đã phải cái tật hai lỗ mũi tịt, lại thêm được cái tinh ngòi đầu thấy ai nói gì, là cũng nói theo luôn như thế.

(1) Chính tục ngữ, thì có câu rằng :

« Năm nay mưa gió rồi-rào,

« Cá rô rạch ngược lên đầu non cao ».

Một hôm đang khi ăn uống đồng-đức, có người đưa mắm-tôm-canh cho anh ta ăn và hỏi rằng :

— Ăn có thơm không ?

Anh ta đáp theo rằng :

— Thơm lắm ! nó phảng-phất như mùi hương trầm.

Một chốc, người kia lại đưa nước mắm cà-cuống cho anh ta ăn và hỏi rằng :

— Ăn có thối không ?

Anh ta cũng đáp theo rằng :

— Thối lắm ! Nó thum-thum như mùi thây ma.

Cả bàn nghe nói, cười ầm.

Vì câu truyện này, mới thành ra câu người ta thường nói rằng :

Cà-cuống đừng cho người lịt mũi ăn.

NGÃNH MẶT BÊN NÀO ?

Xưa một anh có hai vợ.

Cứ đêm đêm vợ nhón năm trong, vợ bé năm ngoài, còn anh ta thì chen vào năm giữa. Ai chẳng bảo thế là sướng ! Nhưng khốn một nỗi vợ nhón muốn anh ta ngánh mặt vào trong, thì vợ bé lại đòi anh ta ngánh mặt ra ngoài. Lúng-túng không biết ngánh về bên nào là phải, anh ta mới bảo hai vợ rằng :

Bây giờ ai mà ví được câu gì thật hay, thì ta ngánh mặt về bên ấy.

Vợ nhón nghe nói liền ví rằng :

Anh có thương em,

Thì anh ngánh mặt vào trong,

Đến mai em đi chợ,

Em mua bún với lòng về anh ăn.

Anh ta đã toan giở mình ngánh mặt vào trong, thì lại nghe thấy vợ bé vi luôn rằng :

Anh có thương em.

Thì anh ngánh mặt ra ngoài.

Đến mai em đi chợ,

Em mua mặt với khoai-mài anh xoi.

Anh kia nghe vi, nghĩ bún ăn với lòng cũng thú; mà khoai-mài chấm với mặt cũng ngon, nên anh ta lại vẫn lúng-túng không biết ngánh mặt về bên nào. Chẳng nhẽ lại suốt đêm cứ nằm ngửa mặt mà trông lên đình màn sao ! Anh ta mới cũng lên giọng vi một câu rằng :

Trông cho Giời đề lâu dài,

Bún lòng thì bún, khoai-mài thì khoai.

Rồi đành cứ ngánh vào bên trong một tí, rồi lại ngánh ra bên ngoài một tí.

GIẢ CHẾT BẮT QUẠ

Xưa có một thằng đi ở có tính hay cờ bạc, thành mắc nợ nhiều lắm.

Một buổi sớm mai, nó đem trâu ra cày, bị các chủ nợ bắt mất trâu đi.

Nó buồn quá, lên bờ ruộng nằm giả làm chết.

Một chốc có hai con quạ ngõ là xác người chết thật, mới dần dần bay lại định móc mắt ăn.

Nó giơ tay ra, vớ ngay được một chú, mắng rằng :

— Mày tưởng tao chết, định đến móc mắt tao. Nay tao bắt được mày, tao giết chết mày đi.

Con quạ sợ lắm, van rằng :

— Xin anh tha cho tôi. Rồi tôi xin giả ơn cho anh một cái của rất quý.

— Nó hỏi : Cửa quý của mày đâu ? Mau mau đưa ra đây, không thì chết lập tức.

Con qua bèn nhả ra một hòn ngọc, nói rằng :

— Có hạt ngọc này, thì ước gì, được nấy.

Thằng kia cầm hạt ngọc, liền ước thử rằng :

— Ước sao ta được một con trâu để đem về giả chủ.

Thì tự nhiên có một con trâu ở đâu đến ngay trước mặt thật.

Nó bèn buông tha cho con qua ; dắt con trâu về giả chủ và xin ra ngay không làm nữa.

Đoạn nó ra ngồi giữa giời, cầm hạt ngọc mà ước rằng :

— Ước sao ta được một tòa nhà, rộng năm phượng bảy, thật lịch-sự.

Vừa nói xong, thì thấy được ngay thật một tòa nhà, rộng năm, phượng bảy, lại đủ cả đồ đạc bày-biện rất trang-hoàng.

Được ở nhà rồi, nó lại ước rằng :

— Ước sao ta được một khoảng đồng cò bay thẳng cánh bò công cấy cày.

Vừa nói xong, thì thấy được ngay một khoảng đồng cò bay thẳng cánh, trâu bò cày bừa đủ cả thật.

Nó được giàu có rồi, lấy làm sướng thân lắm.

Một hôm nó lại ngồi, nó ước rằng :

— Ước sao ta được một người vợ, mắt phượng mày ngài, đẹp như tiên giáng thế.

Vừa nói xong, thì thấy một đứa con gái một nhà giàu đẹp nhất vùng ấy lại ăn ở với nó và xin gả nghĩa vợ chồng,

Được ít lâu, đứa con gái lân-la, một hôm tò-mò hỏi nó rằng :

— Trước anh khổ-sở lắm, anh làm thế nào mà được chóng giàu sang như thế này ?

Thằng kia thật thà đáp rằng :

— Ta chẳng làm gì cả, ta chỉ có được hạt ngọc của con qua nó cho. Ta muốn cần gì là ta được ngay cái nấy.

Đứa con gái biết vậy, một hôm rình lúc nó ra đồng vắng, ở nhà lấy trộm hạt ngọc rồi bỏ về ở với cha mẹ.

Lúc thẳng kia về, thấy mất vợ, lại mất cả hạt ngọc, tìm kiếm đâu cũng không thấy. Nó lên núi ngồi và nó khóc.

Bông có ông Bụt hiện xuống, hỏi rằng :

— Người kia mất gì, ngồi đấy mà khóc ?

Nó nói rằng :

— Tôi có một hạt ngọc qua, vợ tôi nó lấy trộm mất. Tôi tiếc của, tôi ngồi tôi khóc.

Bụt bảo rằng :

— Con chớ lo, ông bày cho con một mẹo, nó phải giả ngọc lại cho con.

Rồi Bụt đưa cho một cành hoa đỏ, một cành hoa trắng mà dặn rằng :

— Dem cành hoa trắng về gài vào cửa nhà nó, thì trong nhà nó sẽ sinh ra chuyện tức cười. Xong lại cầm cành hoa đỏ đến chữa cho nó khỏi, thì nó giả lại ngọc cho.

Thẳng kia nghe nhời Bụt dạy, liền đem cành hoa trắng đến cắm trước cửa nhà vợ, rồi về. Mùi hoa thơm đưa lên ngào-ngạt, hai ông bà và cô ả bảo nhau chạy ra xem.

Thấy bông hoa thơm, ông tranh người, bà tranh người, cô ả cũng tranh người.

Quái sao ! người xong, bông chốc ông thấy mũi ông cứ dài ra, bà thấy mũi bà cứ dài ra, cô ả cũng thấy mũi cô ả cứ dài ra đến mấy gang tay, lủng-la lủng-lẳng ở trước ngực, chẳng khác nào như cái vòi voi vậy.

Ông nhìn bà, mẹ nhìn con, con nhìn bố, ngo ngoe ngần ngần, nửa khóc nửa cười, không biết là cái bệnh quái gì mà quái ác đến thế.

Sau chữa bao nhiêu thuốc, chạy bao nhiêu thầy, cái mũi vẫn cứ dài, không làm thế nào cho ngắn lại được như xưa.

Cách đó mấy bữa, thẳng kia giả dạng lại chơi. Nó thấy bố mẹ vợ và vợ thế, nó tức cười không thể nhịn được.

Hai ông bà vừa khóc, vừa bảo nó rằng :

— Nhà ta chẳng biết tội tình gì mà phải cái bệnh lạ-lùng như thế này.

Thằng kia bảo :

Ấy chỉ tại vợ tôi nó ăn trộm ngọc của tôi đem về nhà đấy thôi. Nếu ông bảo nó giả lại ngọc tôi, thì tôi đây chữa khỏi bệnh ngay tức thì. Hai ông bà vừa như van nó vừa nói :

Của là gạch, nghĩa là vàng.

Của chàng, lại giả cho chàng lo chi.

Chàng mà chữa được thôi (1) đi

Vợ thì chàng lấy, ngọc thì chàng mang.

Rồi gọi con đem ngọc ra giả.

Thằng kia cầm lấy ngọc, rồi mới đưa cành hoa đỏ ra cho ông ngửi, thì mũi ông ngửi luôn lại như cũ, đưa cho bà ngửi, thì mũi bà co ngay lại như xưa, đưa cho cô ả ngửi, thì mũi cô ả liền rút như trước, vừa sinh vừa đẹp.

Xong người con gái lại theo nó về làm vợ. Và từ đó, không còn dám đá-dộng đến hòn ngọc, nó có đưa cho cầm, cũng không dám cầm nữa. Sau hai vợ chồng thằng ấy ăn ở với nhau, thuận hòa vui sướng, sinh được một giai, một gái đẹp như ngọc và thông minh không ai bằng.

Khi nó già sắp chết, thì thấy hai con quạ đến đậu trước nhà kêu rằng :

Cho mau, cho mau.

Giả ngọc cho mau

Vút chốc thấy sáng rực, rồi hạt ngọc tự nhiên biến đi mất.

SINH CON RỒI MỚI SINH CHA

Xưa có hai người ở hai tỉnh xa, cùng đi lính với nhau, và ăn ở với nhau rất là thân-thiết.

(1) Thôi cũng nghĩa như khỏi.

Đến lúc thôi linh về nhà, thì một người làm nên giàu có, còn người kia vẫn nghèo đói.

Người nhà giàu nhớ bạn, đến hỏi thăm, thấy bạn nghèo khổ, liền đưa cho vay mười lạng bạc để làm vốn.

Cách đã mấy năm, không được tin tức gì của bạn, người nhà giàu nghĩ bụng rằng :

Bạn ta có nhẽ vẫn còn túng, nên chưa có tiền giả ta. Ấu là bây giờ ta lại sang thăm anh ta cũng đem đi mười lạng bạc, nếu anh quả còn nghèo đói, thì ta lại đưa giúp anh lần nữa.

Nghĩ vậy, rồi đi.

Khi vừa đến cổng, thấy nhà bạn trang-hoàng lịch sự, thì người kia đem bạc giấu ở trên đầu cổng rồi mới vào.

Vợ chồng bạn thấy mặt, ngỡ là sang đòi nợ, mời vào nhà thết đãi ăn uống tử-tế, rồi lập tâm bát-nhân, đợi đến đêm khuya, giết quách đi, và đem xác chôn dưới góc cây khế.

Ít lâu, cây khế chỉ sinh được một quả to lắm. Người vợ trông thích mắt, hái xuống ăn. Rồi thụ thai, đủ ngày tháng, sinh ra một đứa con giai khỏe mạnh, khôi ngô, nhưng phải cái tật không biết nói.

Hai vợ chồng lấy làm buồn bực, một hôm phân nàn với nhau rằng :

Nhà ta giàu có không thiếu gì. Giới cho sinh được một mụn con, thì giới lại bắt nó phải cái tật câm ! Rõ người có năm, có mười thì tốt, mình chỉ có một, thì lại vô duyên ! »

Đứa con nghe thấy hai cha mẹ than-thở, tự nhiên bật nói ra rằng :

Thầy mẹ cho mời quan huyện qua đây chơi với con. Rồi con nói cho cha mẹ xem.

Hai vợ chồng lấy làm quái lạ, hỏi gặng nó mãi, thì nó lại câm như trước, không nói gì nữa.

Sau bàn-bạc với nhau thử chiều ý con xem sao, bèn đem lễ lên trên huyện, kể chuyện đầu đuôi và cố mời quan đến chơi nhà thật.

Quan bằng lòng đi. Đến nhà liền cho lính gọi thẳng bé ra hỏi :

Có sao mà mày không chịu nói để cha mẹ mày phải lên trình với ta ?

Thằng bé ra, lễ-phép cúi lạy quan huyện, rồi thưa rành-mạch rằng :

Quan đã đến đây, xin quan soi-xét cho con được nhờ, kéo oan con lắm :

Nguyên con với anh này — chỉ vào cha — xưa có đi lính làm bạn với nhau rất thân. Lúc mãn khóa, anh em cùng giở về lập nghiệp làm ăn. Sau con đến nhà anh ấy chơi, thấy anh ấy nghèo đói, con đem cho vay mười lạng bạc để làm vốn. Lâu không thấy anh ấy giả, con tưởng anh ấy còn bán tưng, lại sang thăm anh ấy và cũng đem theo mười lạng bạc, định giúp anh ấy lần nữa. Nhưng lúc đến nơi thấy anh ấy giàu có, con giắt mười lạng bạc ấy ở ngoài cổng, rồi mới vào. Chẳng ngờ, anh ấy lừa đến nửa đêm, giết chết con đi và đem xác con chôn dưới gốc cây khế. Hồn con bấy giờ nhập ngay vào cây khế. Cây khế sinh được một quả vừa to, vừa ngọt. Hồn con lại biến vào quả khế. Vợ anh ấy ăn quả khế mà sinh ra con. Dám xin quan lớn thân oan cho con. Quan cho người ra đào gốc khế, xem có còn cái xác con, và ra bới trên mái cổng, xem có còn mười lạng bạc không.

Quan liền sai lính làm theo như nhời khai, thì quả-nhiên ở dưới gốc khế có cái xác người và ở trên cổng nhà còn mười lạng bạc thật.

Chúng có rõ ràng, hai vợ chồng nhà kia không còn chối cãi làm sao được, tự phải thú nhận hết tội, không đợi quan tra hỏi. Quan liền phê án trị tội luôn cả hai vợ chồng.

Còn thằng bé lạy tạ quan xong, xin giở về nhà cũ.

Lúc về tới nơi, tính lại, kể từ ngày ra đi đến ngày ấy được hơn hai mươi năm, khi đi vợ mới có thai, khi về thì con đã có cháu

Bởi truyện này nên mới có câu cổ-ngữ rằng :

Tham vàng, phụ nghĩa cố-nhân,

*Oan hồn, hồn hiện, giờ gần chẳng xa.
Sinh con, rồi mới sinh cha,
Sinh cháu giữ nhà, rồi mới sinh ông. (1)*

ĂN MÀY ĐÁNH ĐỒ CẦU AO

(Thần gió bị quở)

Xưa có người nghèo đói đi ăn xin đã bao lâu, nay mới được, một hôm, có một nhà giàu bố-thí cho bát gạo.

Anh ăn mày mừng rỡ, hí-hửng đem gạo xuống vo dưới cầu ao.

Chẳng may, lúc đang vo, gió dâu nổi tứ-tung, làm lật giá gạo đổ cả xuống ao.

Anh ăn mày khóc-lóc thảm-thiết, không biết bắt đền ai. Càng nghĩ, càng giận trận gió, anh ta bèn làm đơn lên kiện tại Thiên-dinh.

Đơn rằng :

*Nay tôi đói khát
Ở quận Hà-đoái,
Đi khắp mọi nơi.
Kiếm ăn độ khẩu.
Hôm nay mới thấu,
Đến cửa nhà giàu,
Nói hết trước sau,
Cho được đấu lúa,
Cửa nhà không có,
Chẳng biết vô đâu,
Ra đến cái cầu,*

(1) Câu *Sinh con rồi mới sinh cha.*

Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông.

Người ta còn thường dùng làm câu đố về cây tre (con : măng, cha : cây, cháu : cành, cỗi : ông).

Ngồi mà vo đó
 Phút đầu trận gió,
 Lúa đổ xuống ao,
 Không vọt, không lao,
 Làm sao vọt được ?
 Vậy nên đến trước :
 Gác phượng, lầu rồng,
 Tấu lạy Cửu trùng,
 Thương cho kẻ khổ.

Giời chấp đơn. Rồi sai quỷ-sứ xuống đòi Thần làm gió lên tra hỏi.

Nhờ Thần gió khai rằng :

— Vì có người lái buôn, buôn mấy thuyền thóc, gặp phải độ không gió, không sao về được, mới làm lễ đề cầu phong..., cho nên tôi phải thổi gió cho thuyền nó chạy (1)

Giời nghe rồi, quở Thần gió rằng :

— Người làm việc nhà Giời như thế thật là bất-công, bất-chính. Kẻ đói, người cùng, thì không thấu tình thương đến nó. Còn đũa giàu nó đem lễ vật nó dâng, thì tham của tối mắt lại, nó bảo làm chi, cũng làm.

Đoạn Giời phạt tội Thần gió, bảo phải bắt người phú-thương kia đền giá người ăn mày một bát gạo :

Người phú-thương cũng chịu đền. Nhưng nó không khỏi không oán Thần gió. Nên mới có câu người ta vẫn thường ví rằng :

Ăn mày đánh đồ cầu ao,
 Vì nhờ Phong-sứ (2) cho tao phải đền.

(1) Truyện này, còn có người kể rằng Thần gió khai với Giời là phải buổi đi vắng, đưa con ở nhà làm gió thổi chơi. Giời sai đánh chết đứa con ấy. Hồn nó xuống hạ giới, không biết làm nghề gì, phải đi ở chăn trâu, chăn bò cho người ta. Sau lại chết mà hóa ra cây *ngải gió*. Bởi vậy mà người ta nghiệm khi cây ngải gió cuốn bông, cuốn lá lại, là Giời sắp có gió, vì cây ấy biết trước. Người ta lại thường dùng cây ấy chữa bệnh cho trâu bò, bởi vì trước anh Ngải gió làm nghề chăn trâu bò.

(2) Phong-sứ hay phong-bá là Thần làm gió.

CÁI GÌ ƠN TO HƠN

Xưa có ba người, một hôm, ngồi uống rượu, tán chuyện cùng nhau.

Ba người hỏi nhau câu rằng :

Như trong nhà thì cái gì công to hơn cả ?

Một người nói : Cứ như tôi, thì cái nhà ở công to hơn cả.

Người nữa nói . Như ý tôi, thì cái bếp nấu công to hơn cả.

Người thứ ba nói : Như tôi nghĩ, thì cái giường nằm lại công to hơn cả.

Ba người nói mỗi người một nhẽ, không ai chịu ai, cứ cãi lẫn nhau mãi.

Chợt thấy một ông già ở đâu hiện xuống giữa sân, tóc vàng rời-rợi, mình mặc áo vàng, đầu đội khăn đỏ, vừa cao vừa đẹp, cất tiếng nói rằng :

— Cái nhà che nắng, che mưa, ở được yên-lành, cái bếp nấu nướng đồ ăn, ăn được no nê, cái giường nằm ngồi nghỉ ngơi, sức được khỏe-mạnh. Ba cái cùng có ơn to cả. Các người chớ khá tranh-giành cãi nhau vô ích.

Nói xong, ông già lại hát một câu rằng :

Công ơn nhất thì cái nhà,

Nhì thì cái bếp, thứ ba cái giường

Rồi ông biến mất.

MƯỜI VOI

Xưa một nhà có ba người con rể.

Hai người rể nhớn thì giàu có. Còn người rể thứ ba, thì nghèo khổ, không có cóc khò gì, nhưng được cái mồm nói huyênh, nói hoảng, chỉ một tác đến giới.

Khi bố vợ mất, hai người rể nhớn, người thì đem lợn gạo, người thì đem gà vịt đến làm lễ viếng.

Còn anh thứ ba trơ ra chẳng có gì, lại còn đon-đả nói ở nhà vợ rằng :

— To gì con lợn ! Nhón gì gà vịt. Đề ta đi mua hẳn mười voi thật to, thật nhón về làm lễ cúng ông cho mà xem.

Nói rồi bỏ đi. Đi luôn mấy hôm, cả nhà đợi mãi chẳng thấy về. Cập-kỳ đến lúc đám đã cất rồi, mới thấy anh ta lù-lù dẫn cái mặt đến, vừa làm ra bộ giận-dữ, vừa như lấy làm tiếc xót xa trong lòng mà phàn-nàn rằng ;

— Rõ thật tức cả mình ! Mình định mua thật kỳ được mười voi. Một người đã có tám con đem bán, mình bảo được đủ cả mười mới mua. Họ đi kiếm mãi không xong, rồi lại bỏ đi mất hút đằng nào, làm cho mình chờ đợi mất công mà vô-ích.

Thì thật quả là :

« Mười voi không được bát nước sáo »

Câu tục-ngữ nói nào có sai.

NEM CÔNG CHẢ PHƯỢNG

RÀU RỒNG

Xưa ở gần chốn kinh-kỳ có một nhà của cải giàu có, ăn uống xa-hoa không thiếu thứ gì.

Một hôm, chồng muốn thử vợ, nói rằng :

Kể cả miếng ăn, thì nhà ta đây không còn thêm thường gì nữa. Thiên-hạ xưa nay vẫn cho ở đời có ba thứ ăn ngon nhất là « nem công, chả phượng với râu rồng. » Chả phượng với râu rồng thì ta đã từng được nếm qua rồi. Chỉ còn thứ nem công, ta chưa được ăn bao giờ cả. À... này mình ạ ! Tôi thấy ở Vườn cấm nhà vua, có một con công to lắm. Hay ta đi bắt trộm về ta làm thịt, hai vợ chồng ăn cho biết mùi.

Vợ nghe nói, thêm nuốt nước dãi, bảo chồng mau mau làm thế nào được nem công ăn, thì làm.

Chồng mày-mò cố đi lấy trộm được con công về cho vợ trông thấy thật. Nhưng đến lúc làm thịt, thì đem công giấu đi một nơi, rồi lấy thịt gà giả làm nem công.

Vợ ăn tám tắc khen ngon, cho chồng là người sành-sỏi.

Được mấy hôm, trong Vườn cấm, thấy mất công, lập tức có nhời rao ra rằng :

— Ai lấy trộm công của nhà vua, thì người ấy có tội. Còn ai bắt được người lấy trộm công của nhà vua, hay tìm đâu thấy công đem về nộp, đàn ông thì được làm quan to, đàn bà thì được phong tước phi.

Đã được ăn nem công, vợ nghe thấy rao, lại còn muốn làm bà Phi liền lên quan tố-giác là chính chồng mình đã lấy trộm công để ăn thịt.

Quan lập tức sai lính đi bắt chồng điếu đến.

Người chồng vừa đến vừa đem công theo, và thưa quan rằng :

— Con công nó đậu lạc vào nhà tôi. Tôi thử lòng vợ tôi, hỏi có muốn ăn nem công không. Nó thèm quá đòi ăn thật. Nhưng tôi không làm thịt công sợ mang tội. Tôi phải đem giấu đi một nơi, mà làm thịt gà thay vào. Bây giờ nó lại đi tố-giác tôi, xin quan soi-xét.

Quan nghe nói, xử tội người vợ và phong cho chồng nó được làm quan.

Bởi có sự tích này, mới có câu hát rằng :

*« Nem công, chả phượng, râu rồng,
Có hai vợ chồng, chẳng hết lòng nhau. »*

TRANG ÉCH

Xưa có ông quan lấy một người nàng hầu rất đẹp. Nhưng vì tại vợ cả ghen tuông quá lắm, ông quan phải đưa tiền bạc cho người nàng hầu về đi lấy chồng khác.

Người nàng hầu đi giữa đường, gặp một anh câu ếch, phải duyên phải kiếp làm sao lấy ngay làm chồng và ăn ở với nhau thuận-hòa lắm.

Một hôm, người câu ếch câu được một con ếch vàng to. Nhân ngày giỗ cha, chồng bảo vợ làm thịt con ếch để cúng. Khi làm thịt, vợ thấy trong mình con ếch có một hòn ngọc bèn đưa cho chồng.

Cách đó ít lâu, có chiếu trong Triều ban ra nói là vua đau mắt, ai có ngọc ếch đem dâng để vua rõ mắt mà vua qua khỏi, thì sẽ được phong làm quan.

Người câu ếch bạo-dạn xin vào chữa.

Vua khỏi, người ấy được làm một chức quan nhỏ.

Năm sau, phải khi đại-hạn, vua lại ra chiếu khắp trong nước rằng ai cầu được cho giời mưa ngay, thì vua cho làm Trạng-nguyên.

Viên quan câu ếch, quen xem chân ếch, biết giời gần mưa, lại quả quyết ra ứng chiếu xin cầu cho giời mưa.

Sáng làm lễ cầu-đạo, thì chiều đến, giời quả mưa to, và mưa rất nhiều.

Vua và các quan coi người câu ếch xấu-xí đê-hèn, không đáng làm ông Trạng. Nhưng chót đã có nhờ chiếu, bất-đắc-dĩ cũng phải cho làm Trạng thật, nhưng gọi giễu là « Trạng Ếch ».

Rồi sai luôn đi sang sứ Tàu cho khỏi thấy mặt.

Trạng Ếch không biết đi xứ là thế nào. Nhưng đã có lệnh trên, không nỡ từ chối, cứ phải đi xem sao. Khi sang đến Tàu, lại gặp cả ba ông sứ ba nước khác cùng đến.

Một hôm, vua Tàu đã đãi tiệc chung cả bốn sứ. Trên bàn có bốn chiếc bánh. Ba ông sứ kia chưa kịp ăn, thì Trạng Ếch đã vội xoi luôn cả bốn.

Bỗng chốc thấy viên quan Tàu ngồi tiếp yến, giơ ra bốn ngón tay. Ba viên xứ kia không hiểu ra sao cả. Chỉ có Trạng Ếch tưởng viên quan Tàu chê mình ăn những bốn cái bánh liền dựa cả hai bàn tay sẽ ra tám ngón có ý bảo: « Tám chiếc bánh như thế, ta ăn cũng hết ».

Một chốc lại thấy quan Tàu lùa một ngón tay vào giữa bụng. Ba viên sứ kia vẫn không hiểu gì cả. Chỉ có Trang Ếch, tướng viên quan ấy chế mình ăn lăm nút bụng ra, liền sẽ đưa bàn tay ra mà vỗ, có ý bảo : « Bánh ăn nhỏ bằng lòng bàn tay, có gì mà nút bụng ».

Bữa yến xong, Trang Ếch thấy viên quan Tàu kính phục mình hơn trước nhiều, rồi vào tâu với vua Tàu. Thì thấy vua Tàu cho vời đến và phong cho làm « Lương-quốc Trang-nguyên » rồi ban cho bao nhiêu vàng bạc, gấm vóc mà giở về nước.

Khi về đến nước nhà, vua quan đều phải trọng-vọng không dám khinh nhờn gọi là « Trang Ếch » nữa mà tôn gọi là « Trang hai nước ».

Nhưng cả nước vẫn không ai tán ra tại sao chỉ vì ăn bánh, giơ ngón tay, và vỗ bàn tay mà khiến cho người Tàu phải tôn kính đến thế.

Mãi sau mới có người Tàu diễn ra rằng : Viên quan Tàu, khi giơ bốn ngón tay là ra về đối :

Từ ừ lai tàn (1)

Mà trang An-nam giơ tám ngón tay là để đối lại :

Bát man tiến cống (2)

Còn khi viên quan Tàu lùa một ngón tay vào bụng là ra về đối :

Hung trung binh giáp (3)

Mà trang An-nam vỗ tay, là đối lại :

Chưởng thượng kinh luân (4)

CÓ AI LÀM CHỨNG

Xưa có ông nhà giàu chỉ làm nghề cho vay lãi.

(1) Bốn rợ khách lại.

(2) Tám man dâng cống.

(3) Binh giáp ở trong bụng.

(4) Kinh luân ở bàn tay

Trong vùng, có một nhà đói khó vay ông được ba mươi quan tiền.

Ông nhà giàu đi đòi đã năm bảy bận, mà nhà ấy không sao giả được cứ nhất lần.

Một hôm ông đến đòi nữa thì cả nhà đi vắng, chỉ có một đứa bé đang tỉnh-nghịch ngoài sân.

Ông mới hỏi đứa bé rằng :

— Cha mẹ mày đi đâu vắng cả ?

Đứa bé làm thinh không đáp.

Ông kia tức mình hỏi mãi :

— Cha mẹ mày đi trốn nợ, hay đi đâu? mày phải nói cho thật.

Đứa bé bấy giờ mới thủng thỉnh đáp rằng :

— Cha tôi thì đi chém cây sống, giồng cây chết. Mẹ tôi thì đi bán gió mà mua que.

Ông kia nghe nói, chẳng biết cha mẹ nó làm cái gì, mà nó nói lạ thế. Ông gắng hỏi nó đòi ba lần, nó cứ cười không đáp ra sao cả.

Thấy vậy, ông mới dõ-dành nó rằng :

— Cha mẹ mày làm gì, mày cứ nói cho thật. Rồi cha mẹ mày còn nợ tao bao nhiêu, thì tao cho mày cả, tao không đòi nữa.

Thằng bé làm ra truyện ngụ-ngờ nói rằng :

Tôi biết ông lừa tôi đấy! Ông cứ nói chuyện đưa trâu qua dò làm gì thế !

— Ông kia bảo : Không, tao nói thật mà !

Nó nói : — Thật à ! Thế thì tôi phải đi mời người đến làm chứng. Rồi tôi hãy xin nói.

Ông kia nghĩ bụng : « Thằng bé này đáo-đề. Thi ngay lúc ấy, vừa trông thấy một con mối, ông muốn xui trẻ ăn cứt gà, mới bảo với nó rằng :

— Có con mối kia nó làm chứng cho cũng được rồi...Mày cứ nói đi.

Thằng bé thấy có chứng-cớ tử tế mới nói rằng :

Cha tôi đi chém cây sống, giồng cây chết tức là cha tôi đi cấy : còn mẹ tôi đi bán gió mua que tức là đi bán quạt.

Ông kia nghe nói, ngẫm nghĩ chịu thẳng bé là tài, giở ra về.
Cách được mấy hôm, ông kia lại cứ đến hỏi nợ...

Người cha lại năn-ni xin khất, nhưng thấy thẳng con lon ton chạy ra bảo :

Cha không phải giả món nợ ấy nữa. Ông ấy đã cho con cả rồi.

Ông kia nói :

Trẻ con đừng nói láo ! Ai cho mày ?

Nó bảo :

— Thì có chứng cớ tử-tế, ông còn cãi gì...

Ông kia giận-giữ vung văng ra về, lằm bằm dọa rằng :

Ừ rồi tao xem cha con nhà mày có phải giả tao không !

Người cha nghe nói sợ hãi, hỏi lại con :

— Ông ấy bảo cho mày nợ, mày nói có chứng-cớ, thì chứng cớ gì mà chứng cớ đâu ?

Thằng con nói :

— Cha chớ lo. Cha cứ đừng giả, để đó mặc con. Khôn ngoan lên đến cửa quan mới biết. Quả nhiên được mấy hôm, có trát quan về đòi người kia lên thật. Vì ông nhà giàu đã đầu đơn kiện tại công-đường.

Người cha cứ thục, trình rằng :

— Bẩm, tôi có nợ ông ấy ba mươi quan tiền. Tôi đã có nhời khất rồi tôi xin giả. Nhưng con tôi nó bảo đừng giả, vì ông ấy đã cho nó cả rồi, mà nó nói lại có chứng-cớ tử-tế.

Ông nhà giàu cãi :

— Thằng bé nó nói láo ! Chờ tôi có cho nó bao giờ đâu, mà có chứng-cớ gì đâu. Xin quan cho đòi nó lên mà tra hỏi.

Quan nghe, lập tức cho đòi thẳng bé lên.

Thằng bé vào quan, chào lạy rất lễ-phép, rồi kể lại rành-mạch đầu đuôi câu chuyện,

Quan hỏi vặn nó :

— Nhưng lúc bấy giờ có ai làm chứng cho câu nói của ông kia không ?

Nó thưa : Bẩm có, có người làm chứng, chính ông ấy, lúc bấy giờ, chỉ vào một con mối đang leo trên cột nhà, bảo làm chứng.

Ông kia nghe nó nói sai, đỏ mặt cãi rằng:

— Lúc ấy chỉ có con mối đậu trên chiếc đĩa cà, chớ làm gì có con mối leo ở cột nhà.

Quan nghe ông kia cãi, cười mà nói rằng:

— Thế thì ông có nói cho nó thật rồi. Mà lúc ông nói, có con mối làm chứng cho nó thật rồi. Ông còn cãi gì nữa. Ông tưởng lừa trẻ được nhưng ngờ đâu nó lại lừa lại được ông. Con cháu bây giờ thật khôn hơn ông vài dấp ông ạ.

Rồi quan xử cho người kia không phải giả nợ nữa.

Ông nhà giàu phải cắn răng chịu, lấy làm căm tức lắm, nhưng trong bụng vẫn khen thầm thằng bé sao mà khôn ngoan tài giỏi đến bực ấy (1).

CÂU ĐỐ NÊN VỢ, NÊN CHỒNG

Xưa có người học trò đi hỏi vợ. Gặp phải chị ả hay vi-vọng đố đáp, thách rằng:

— Gái này chẳng văn-chương, phú-lục gì cả, gái này chỉ đố một câu, hễ chàng đáp được, thì gái này bằng lòng.

Người học-trò ừ.

Người con gái liền đố rằng:

Dưới đời gì nhón hơn voi?

Gì cao hơn núi, gì dài hơn sông?

Người học trò ứng khẩu đáp ngay rằng:

(1) Thằng bé này, có người cho là Vũ-công-Duệ, một bậc văn-tà nước Nam, đỗ trạng về đời Thánh-tôn nhà Lê. Nhưng truyện này hơi khác truyện Vũ-công-Duệ mà kể có lý-thú hơn nhiều. Không rõ người làm truyện Vũ-công-Duệ có mượn ít nhiều ở truyện cổ này chăng? Thử hỏi tác-giả quyển « Tang thương ngẫu lục ».

Anh đây dạ nhớn hơn voi.

Tiếng cao hơn núi, tình dài hơn sông.

Chị ả chịu là tài.

Rồi, chỉ vì một câu đố đáp ấy mà nên vợ, nên chồng.

CÓ VÚ, KHÔNG ĐẦU

Một hôm, một người vào rừng bắn chim. Có đứa con gái hát
bẽn một câu rằng :

*Chim gì trên rừng có vú,
Cá gì dưới bể không đầu?
Anh mà đổi được,
Em xin làm hầu thứ hai.*

Người đi bắn liền đáp lại rằng :

*Con giời trên rừng có vú,
Con cua dưới bể không đầu,
Anh đã đổi được,
Em về làm hầu nhà anh.*

Đứa con gái nghe đáp, cảm đầu chạy mất.

QUÍT LÀM, CAM CHỊU

Xưa có hai người, một người bé nhỏ tên gọi là Quit, một
người to hơn tên gọi là Cam, hai người kết bạn, đi lại với nhau
thân lắm, không mấy khi dờn nhau.

Một hôm, Quit rủ Cam đi chơi. Quit bảo Cam rằng :

— Tôi đưa anh đến nhà trò, anh em ta đánh bạc chơi.

Cam từ chối :

— Tôi không biết đánh...

Quit nói :

— Anh không biết đánh, thì anh ngồi anh xem tôi đánh,
cũng vui đáo-đề.

Cam nề nhời cùng đi với Quit.

Đến nhà trò hai người cùng ngồi vào đám bạc. Một mình Quit đánh, Cam ngồi bên xem, thì thấy Quit, thò đánh cái nào, là thua cái nấy. Càng thua Quit càng cay, đánh mãi bao nhiêu tiền lưng đã hết sạch, lại còn vay thêm nhà trò nữa.

Lúc tan cuộc bạc, Quit đứng lên khất với nhà trò rằng :

— Cái chỗ tôi còn chịu đấy, xin khất năm ba bữa nữa, tôi sẽ đem lại giả phân minh.

Chủ nhà trò bảo :

— Giấy trắng mực đen là đèn thiên-hạ, chứ phải làm giấy ký kết cho tôi thế nào mới được.

Quit không nhẽ chối, phải cầm đầu viết văn tự nợ, rồi đưa cho nhà chủ. Nhưng chủ nhà trò, còn chưa chịu, bảo rằng :

— Hiện nay có chú Cam đây, chú ấy cũng phải ký kết vào văn tự này mới được. Bằng không thì hai chữ cũng không được về.

Quit thấy vậy, dõ cam rằng :

— Sự vay mượn mặc tôi, không việc gì đến anh cả. Thế nào, rồi tôi trang trải cũng xong. Bây giờ anh chỉ ký qua vào đây vài chữ để hai ta về cho khỏi lòi-thời. Anh đừng ngại gì cả.

Cam thấy Quit nói khôn-khéo, cũng bùi tai nghe, hạ bút ký tên vào văn-tự.

Hết hạn khất, nhà trò cho người đến nhà Quit hỏi nợ.

Quit gay-gắt nói rằng :

Quit quít đấy ! Quit quít đấy ! Quit không giả đâu mà đòi.

Nhà trò không biết làm thế nào, đến nhà Cam hỏi.

Cam ngon ngọt bảo rằng :

— Tiền là anh Quit anh ấy vay, chớ tôi có vay đâu mà đòi.

Tay nhà trò, không phải tay vừa, nó dọa rằng :

— Tôi chẳng biết Quit, Cam, Cam Quit nào cả. Tôi cứ chiếu lên ký trong văn-tự tôi đòi. Món tiền đây kể cũng không bao nhiêu, các anh mà biết điều, thì các anh phải giả ngay tôi, kéo tôi đem lên thưa quan thì chẳng những các anh phải giả nợ tôi, mà các anh lại còn thêm tù tội nữa.

Cam thấy nhà trò nói cứng, phải đấu đũa hỏi rằng :

— Thế hiện nay tính cả gốc lãi là bao nhiêu ?

Nhà trò nói :

— Chẳng có mấy. Cả gốc lãi, chỉ có ba mươi sáu quan thôi.

Cam nghĩ đã trót đại, không biết làm sao được. Vả lại sợ lòi-thời đến việc thừa kiện, bắt đặc-dĩ phải vào nhà lấy đủ ba mươi sáu quan tiền giả cho nhà trò mà đòi văn-tự lại.

Lúc nhà trò đi khỏi, Cam tìm đến nhà Quít lấy điều phải chăng, nói với Quít rằng :

Tôi đã giả nợ cho nhà trò rồi bây giờ anh giả lại cho tôi. Chẳng nhẽ anh lại để tôi phải giả món tiền mà chính tôi không được tiêu đồng nào. Cái tình anh em, thân-mật quán-quít với nhau, anh lên nghĩ lại...

Quít không để nói hết, lên giọng chanh chua lấp liếm rằng :

— Quít quít, Quít quít đấy ! Cam làm chi thì Cam cứ việc làm.

Cam thấy Quít dâm liều, còn biết làm thế nào, đành lủi-thủi về nhà, vừa đi vừa lăm bằm một mình :

— Quít làm Cam chịu, Quít làm Cam chịu. Sự đã chót vậy, ta cam tâm ta chịu vậy (1).

CHÚ LINH ẮN KHO

Xưa có ngườ
lưng chỉ còn đượ

Anh ta đi qua r
biết ăn gì cho vừa t

Khi dạo qua hàn
nói rằng :

Cháo ăn lỏng-vỏ.

Khi lượn qua hàn
rằng :

(1) Kể truyện « Quít »
chúng tôi sẽ nhật nữa.

— Lòng đang bồi-hồi, tôi chẳng ăn xôi.

Sau đến qua hàng khoai-lang, thấy bày ra từng củ, nhà hàng cũng chào mời.

Anh ta nghĩ bụng ăn khoai có nhẽ vừa tiền, mới hỏi rằng :

— Máy đồng một củ ?

Nhà hàng nói :

— Ba đồng.

Anh ta mà-cả :

— Hai đồng. Bán chẵn ?

Nhà hàng nói :

— Ừ thì tôi bán rẻ cho cậu.

Người linh bèn ngồi xuống ghế, vắt chân chữ-ngũ, chọn một củ khoai, bóc vỏ tươm tất để lại một bên, rồi bữa khoai ăn.

Ăn xong, anh ta làm ra dáng, gọi nhà hàng bảo : — Bớt cô nhà hàng mức tôi bát nước.

Lúc nhà hàng ngoảnh vào mức nước, anh ta còn đói, vội bốc ngay đồng vỏ khoai bóc ra lúc nãy, bỏ vào mồm.

Nhà hàng cầm gáo nước quay ra, thấy anh ta đang lúng-búng nhai, hỏi rằng :

— Cậu ăn gì thế ?

Bảo ăn vỏ khoai sợ xấu hổ, anh ta phải nói rằng :

— À, tôi ăn đồng đậu.

Nhà hàng nói :

— Một đồng đậu, hai đồng khoai là ba đồng.

Bấm lưng chỉ có ba đồng tiền, mà nhà hàng đã tính cả ba đồng rồi, người linh đành xĩa ra giả, rồi bấm bụng đứng dậy đi, không dám ngó tới bát nước nữa.

Vì truyện này nên mới có câu người ta thường hát rằng :

Vắt chân chữ ngũ,

Banh củ khoai lang,

Bớt mụ nhà hàng !

Hết anh bát nước.

đã lâu năm, lúc mần khóa về trong
tiền.
?, trong bụng đói lắm, nhưng kh
hà hàng chào mời ăn
ng ăn cháo.
à hàng lại
lưu » thì còn

BẮT TÉP NUÔI CÒ

Xưa có hai vợ chồng nhà nghèo đi mua một đôi cò trắng về nuôi, định để kiếm lời.

Ngày nào, vợ chồng cũng đi tát dầm, tát đĩa để nhặt con tôm con tép, về cho cò ăn.

Cò ăn nhiều, mỗi ngày cò một béo.

Cách năm ba tháng, hai vợ chồng một hôm bàn với nhau rằng :

— Ta nuôi cò lâu ngày, cò đã quen ta lắm rồi. Bây giờ ta đem nó ra sông cho nó kiếm ăn lấy. Ta khỏi mất công mò tôm, mò tép ta nuôi nó.

Nói rồi, hai vợ chồng đem hai con cò ra bờ sông thả.

Nhưng cò được rộng chân, chẳng thấy cò bảo nhau xuống sông kiếm ăn, lại thấy cò vù-vù bay đậu ngay lên trên một cái cây cao gần đó.

Hai vợ chồng thấy thế, trước còn đứng nhìn, sau đợi mãi, nóng ruột, chồng bảo vợ lên bắt, vợ bảo chồng đuổi xuống.

Đôi cò bỏ cây bay đi nơi khác, chồng lại bảo vợ chạy theo, vợ lại bảo chồng đón lại.

Nhưng đôi cò cứ thế nó bay mãi, nó bay xa, một con nó bay lên ngàn, một con nó bay ra biển.

Hai vợ chồng tiu-nghỉu, đành về tay không, trong lòng luống những thiết-tha, tha-thiết.

Có người biết truyện, theo sau, ghéu-ngao câu rằng :

Công anh bắt tép nuôi cò.

Cò ăn cho béo cò dò lên cây.

CHỬA ĐÁNH, ĐÁNH ĐƯỢC

Xưa có một nhà có một nương khoai thật lắm củ.

Phải một đêm, có đũa nghèo đói đến đánh trộm mất ít khoai.

Nhà chủ bắt hụt, hung-hăng tức giận, đổ mặt tia tai, bảo rằng hễ bắt được đũa lấy trộm thì đập cho kỳ chết.

Đêm sau, ra nương đình

Quả-nhiên, tên nghèo đói lại đến đánh trộm khoai nữa.

Nhà chủ vớ được, sẵn gậy trong tay, vụt lấy vụt để một hồi.

Nó kêu, nó la, nó rên nó khóc, nó giả rầy chết, nó nằm lăn ăn vạ.

Nhà chủ sợ cuống tái cả người, phải dõ dành nó, phải xin van nó, phải biếu nó khoai, phải cho nó tiền, lại phải đem nó về tận nhà.

Người làng biết, ai cũng cười rằng :

Rõ thật :

Chừa đánh được người mặt đỏ như vang.

Đánh được rồi mặt vàng như nghệ.

Từ đó về sau, người kia cách cho đến già.

MẶC ÁO TÔI MÀ CHẾT

Xưa có hai ông bà già lụ-khụ chỉ có một con gái, lại lên ở chùa làm tiểu.

Một hôm, gặp buổi trời mưa sì-sút suốt ngày, hai ông bà thong-thả ngồi nhìn nhau, ra có vẻ buồn.

Chợt cụ ông thấy con gà trống đập con gà mái, cụ hưng tình lên sao, mới bảo cụ bà cùng làm gà để chơi cho vui.

Cụ bà giả làm gà mái, thì hai tay chống xuống đất, hai mông chổng lên trời. Còn cụ ông thì đi lấy chiếc áo tôi, buộc vào cổ sù-sù, để giả làm gà trống.

Cụ bà mồm kêu cục-cục, cụ ông lượn quanh mấy vòng rồi nhảy vào, cụ bà muốn giữ vai gà mái cho thật hết, làm ra chiều gái tơ hất hủi, mới hầy cụ ông một cái. Chẳng may hất mạnh quá, cụ ông ngã bở chũng, thế nào chết quách.

Cụ bà thấy vậy, chạy lại ôm thây cụ ông, vừa ôm, vừa sụt-sùi nói rằng :

*Ông hỡi, ông ơi
Già chẳng chót đời,
Mặc áo toi mà chết !*

Rồi vì khóc quá: thương nhiều, cụ cũng dần dần lả người đi, cụ ngã lăn ra cụ chết luôn bèn cụ ông.

Khi được tin hai cha mẹ cùng chết, con mới mời sư về làm lễ tụng kinh cho hồn cha mẹ được siêu sinh tịnh-độ.

Hồn hai cụ ông, cụ bà cùng hóa ra làm hai con ếch.

Bởi truyện này mà bây giờ khi nào giờ mưa, thì loài ếch cứ hai con ra ngồi chấp với nhau mà kêu « cúc-cúc » và thịt ếch ăn cũng gần giống như thịt gà (1).

Sau có người làm bài thơ về con ếch rằng :

*Các loài lục súc khác loài ma !
Đặt lên là ếch chẳng phải gà,
Ngoài da gấm vóc thêu trăm vẻ,
Trong bụng khăng-khăng giữ một lòa.*

BÀ CHỦ VÀ NGƯỜI ĐI CÂY

Xưa có một bà chủ, một hôm bảo thằng người nhà đem trâu ra ruộng cây, và dặn nó trước rằng :

Khi nào nghe thấy tiếng cóc kêu, thì hãy về nhé.

Người kia cày suốt buổi, đã mệt-nhọc chán-chê lại bụng đói như cào, mà đợi mãi, cũng chẳng thấy tiếng cóc kêu đâu cả. Người ấy buồn-bực mới hát rằng :

*Cóc kia sao chẳng thấy kêu,
Đề tao cày mãi đến khi nao mới được về?*

Bà chủ mãi không thấy thằng người nhà về, nghĩ bụng rằng :

— Tại nó chưa nghe thấy tiếng cóc kêu, cho nên nó không dám về.

(1) Người ta thường gọi là « gà đòug »

Rồi bà bèn ra đứng núp dưới bụi cây, giả làm cốc kêu to lên cho nó nghe thấy tiếng.

Khi nó nghe thấy tiếng tưởng rằng cốc kêu thật, nó lấy làm giận lắm, vừa tháo bấp cày vừa lầu-bầu rằng :

— Cốc gì mà cốc ! Cả buổi đi đâu, đến giờ mới cốc. Tao xem cho mày !

Rồi nhân cái bấp cày cầm tay nó đem, nó phang luôn vào bụi định đập cho chết cốc.

Ngờ đâu, nó thấy bà chủ trong bụi chui ra, vừa run vừa nói :

— Chớ đánh ! Chớ đánh ! Tao đây ! Tao đây ! Không phải cốc đâu.

Thằng người nhà thấy vậy bật cười. Và cả bao nhiêu người làm đồng gần đấy cũng đều chê cười cả bà chủ lẫn đứa ở.

Bởi truyện này, mới có câu người ta thường hát rằng :

*Cày thời cứ buổi mà về,
Đừng nghe tiếng cốc, kẻ chê người cười.*

VỢ HAI, VỢ CÁ

Xưa có một người lấy hai vợ. Vợ cả thì đẹp mà hiền lành. Vợ hai đã xấu lại chua ngoa, độc ác.

Ban đầu hai người vợ cùng ở chung một nhà. Nhưng sau, hai người ngày nào cũng cãi nhau, đánh nhau, chồng không sao chịu được, cho mỗi người ở riêng ra một nhà, nhưng không cách xa nhau mấy.

Có một khi người chồng đi buôn bè vắng, vợ cả nghe thấy vợ hai ở bên nhà nghêu-ngao hát rằng :

*Chồng chung, chồng chạ !
Ai khéo hầu-hạ,
Thời được chồng riêng.
Chi mà sợ, chi mà kiêng !*

Vợ cả biết nó muốn gây sự với mình, cứ làm thinh không nói năng gì cả. Nhưng trong bụng không thể không giận được.

Hôm sau về nhà, kể chuyện cho mẹ, cho em nghe.

Mẹ thì khuyên :

— Một sự nhin là chín sự lành. Thôi, con hãy cứ nhin nó đi, đừng dối đáp nó làm gì. Đợi chồng con về sẽ hay.

Em cũng nhủ rằng :

— Can gì chi phải để tâm. Chị không nghe người ta nói :

*Dù anh năm bảy nàng hầu
Em đây cũng cứ ngồi đầu chính-thê !*

Người kia nghe mẹ, nghe em nói, yên lòng về, tịnh vô không một nhời gì nặng nhẹ cả.

Nhưng cái trò đời, được đằng chân, lân đằng đầu, vợ hai thấy vợ cả càng nhin bao nhiêu, lại càng làm già bấy nhiêu. Nó độc ác lập tâm làm cho mất tâm mất tích đi.

Một đêm, nó thuê mấy tên còn-quang giết chết người vợ cả, đem chôn một nơi, rồi sẵn có thấy người chết trôi bèn sông, nó cho lôi vào nhà, rồi đốt cháy cả nhà vợ cả, lẫn cả nhà nó.

Cách đó một tháng, người chồng đi buôn mới về. Nghe thấy câu truyện nhà, tuy có thương tiếc vợ cả, nhưng không nghi-ngờ gì, lại lấy tiền làm nhà ở nơi đất cũ, và lo làm ăn như trước.

Có một hôm, người chồng đang ngồi trong hiên nom ra, người vợ hai đang giặt áo ngoài cầu ao, thì bỗng thấy có con xanh-xanh bay đến, đậu trên cành cây giữa sân, hót to lên rằng :

*Giặt áo chồng tao,
Thì giặt cho sạch.
Giặt mà không sạch,
Tao vạch mặt ra.*

Người vợ hai nghe nói, sợ tái người đi. Còn chồng nghe hót, lấy làm lạ.

Khi người vợ giặt áo xong sắp đem phơi, thì lại thấy con chim hót rõ-ràng rằng :

*Phơi áo chồng tao,
Thì phơi trên sào.
Đừng phơi hàng rào,
Tao cào mặt ra.*

Người chồng nghe phảng-phất như tiếng vợ cả, xua, bèn chạy đến bên gốc cây, rũ tay áo ra, nói rằng :

*Xanh-xanh kia hỡi xanh-xanh !
Có phải vợ anh, chui vào tay áo.*

Thì con xanh-xanh quả-nhiên bay vào trong tay áo thật. Rồi một chốc biến đâu mất, không thấy nữa (1).

Người chồng bấy giờ mới nghi-ngờ, đem người vợ hai ra tra khảo. Vợ hai không dám dấu-diếm, phải thú thực cả đầu đuôi. Rồi sợ quá, đến đêm ra đâm đầu xuống ao tự-lử.

VĂN-MAI VÀ THI-MẬT

Xưa có hai người, người con gái tên là Văn-Mai, người con trai tên là Thi-Mật, bên chưa có vợ, bên chưa có chồng.

Một hôm, Mai đi chơi, gặp Mật muốn kết đạo tao-khang, mới hát đùa một câu rằng :

*Có duyên ta gặp nhau đây,
Sóng Ngân xin bắc ngày này cầu Ô.*

Mật nghe hát, không thềm nói đi nói lại. Sau thấy Mai cứ lai-nhai mãi, lấy làm giận lòng, mới hát đáp lại câu rằng :

*Thiếu chi kẻ đón người đưa,
Trong như bột lọc, vẫn còn chờ nước trong.*

Mai nghe câu hát, nghĩ sự khó khăn, bèn về cạy băng-nhân đi hỏi. Mai nói với băng nhân rằng :

— Bà cố khéo ngọt-ngon đầu lưỡi thế nào, may ra cô ả êm tai xong việc, thì tôi xin đền giả công bà thực hậu.

Băng-nhân đi ngỏ nhờ, nghe chừng đàn đã êm cung, to-hồng muốn kết, chỉ hồng dẽ xe, bèn về nói với Mai định ngày nạp-cát để rước Mật về mà hòa hợp lứa đôi.

(1) Khúc truyện này có người kể cả vào truyện Tấm, Cám.

Hôm cưới Mật về nhà, Mai giả làm ra ý giận. Đêm, tuy nằm chung một chiếu một giường nhưng nghĩ muốn làm cho Mật biết sự trước, cứ ngoảnh mặt vào tường, không nói không rằng gì cả.

Thị-Mật khi ấy không biết đồ dành thế nào, mới lên giọng ngọt-ngào hát một câu rằng :

Xin anh ngoảnh mặt ra ngoài,

Đến mai em sẽ đi chợ mua mật với khoai mài anh ăn.

Trước, Mai còn làm thính, nhưng thấy Mật cứ nhời bàn giải, nghe tiếng dịu-dàng êm-ái, mới thuận đạo vợ chồng.

Rồi từ đó Mai Mật quấn-quít với nhau, một dây một huộc ai dăng cho ra. Cho đến lúc chết cũng còn quyến-luyến cùng nhau không rời nhau ra được. Vì người ta cho rằng Mai chết thì hóa làm khoai mài, Mật chết hóa làm cây mía, và thành ăn khoai mài, phải có mật chấm mới ngon là sự-tích thế.

MỘT HẠT GIÒI CHO

Xưa một nhà có hai anh em, anh thì giàu có, em thì nghèo khổ.

Em mới đến nói xin anh ít ruộng để cày.

Anh nghĩ cũng thương tình, chia cho em một nửa ruộng.

Nhưng quái cái số nó xui khiến ra sao.

Nhà giàu giồng lau ra lúa

Con nhà kẻ khó giồng lúa ra lau.

Mà khu ruộng của anh thì lúa mọc đều-dặn tốt tươi, còn khu ruộng của em thì vắn-vện chỉ được có một bông nhưng cái hạt thật to.

Lại giới làm, đến ngày ngọn lúa cô-độc kia vừa chín có con quạ tự đâu bay đến, nó mổ vào cái hạt mà tha đi.

Người em luống cuống chạy đuổi theo con quạ, đuổi mãi đến một nơi rừng rậm, thì thấy con quạ nhả hạt gạo trao cho một bà Tiên.

Người kia đang dờ dẩn thế nào thì bà Tiên gọi lại bảo rằng :
— Người muốn gì, ta cho người ước ba điều, ta sẽ cho được như ý sở nguyện.

Người kia cuống-quít nói rằng :

— Tôi chỉ ước được nhiều lúa, nhiều người và nhiều vàng bạc.

Nói vừa xong, cả bà Tiên, cả con qua, cả hạt thóc biến đi đâu mất.

Người kia thất vọng đành giở về nhà thì quái lạ ! Trong nhà thấy lúa, thấy người và thấy vàng bạc tự đâu đến đã đầy rẫy cả ra rồi.

Bởi truyện này, mới có câu tục ngữ rằng :

« Một hạt giời cho, bằng kho người làm ».

THỊT BÒ, LỘC SẮN

Xưa có một anh làng cày, trong nhà cũng khá, dư dật miếng ăn.

Anh ta sinh được một đứa con giai cho ăn, cho học ân-cần chu tất.

Đứa con đi học, tính đã mười hai năm tròn nhưng chỉ biết lếu-láo năm ba quyển sách, chớ chưa hòng thi cử gì được. Song cái trò, dốt vẫn hay khoe, con thường nói với bố rằng :

— Tôi học thật giỏi đi rồi, không còn kém cạnh gì ai nữa.

Cha nghe con nói, có ý mừng thầm, chắc rồi con ta thế nào cũng làm nên. Nên chi ngồi đâu, đi đâu, cha cũng khoe với thiên hạ rằng :

— Con tôi học thật giỏi đi rồi. Rồi sao cũng có thịt bò ăn mà chớ !

Có một hôm, gặp một người rất béo-lẻo, biết anh ta thường hay khoe như thế, mới nói mơn với anh ta rằng :

— Ông bảo con ông học đã giỏi, là thịt bò cầm chắc rồi. Nhưng mà thịt bò phải có lộc sắn mới ngon. Bây giờ tôi coi

trong nhà ông đây chưa có cây sắn nào cả. Đợi đến khi cậu cả thi đỗ làm nên thì lấy gì mà ăn với thịt bò ?

Anh kia thật thà nói :

Tưởng cần gì mới khó, chớ cây sắn thì ta giồng được.

Người kia phỉnh luôn rằng :

— Nay, muốn ăn hết thì phải đào giun, thì muốn ăn thịt bò, phải giồng sắn.

Lúc người kia nói chuyện ra về, anh ta liền đi lụng khắp nơi, mua bao nhiêu sắn về giồng đầy một nương.

Khi nương sắn tốt đẹp rồi, anh ta liền tìm đến nhà người nói khéo kia, bảo rằng :

— Trước kia bác nói nhà tôi không có sắn. Bây giờ bác thử lại nhà tôi mà coi, xem biết cơ man nào mà kể. Tha-hồ mặc sức cả làng, cả huyện ăn cũng không hết.

Người kia nghe nói, hỏi kháy rằng :

— Sắn đã có nhiều rồi thật à ? Thế thì bò đã có chưa ?

Anh kia đáp :

— Chưa có.

Người kia rằng :

— Thế thì còn đợi đến bao giờ ? Bò mà chưa có, thì lộc sắn rồi ăn với gì ?

Anh kia nghe nói, liền về nhà lấy tiền băm-băm bỏ-bỏ đi tậu bò về nuôi.

Từ đó, ngày đêm anh ta cứ ngồi mà khẩn cho chóng đến khoa thi.

Khoa thi gần đến, anh ta giục con sấm sửa vác lều vác trống vào tràng.

Không nói ai cũng biết, cậu con anh làng cày sức còn kém lắm, chưa kịp vào kỳ đệ nhất thì đã vội rớt xuống biển rồi.

Thiên-hạ hay tin rủ nhau đến trọ anh làng cày ta đủ miếng.

Người thì nói : « Cậu học thế mới giỏi », kẻ thì rằng : « Cậu thi ấy mới tài ». Người lại kêu : « Bò nuôi mãi già đi » ; kẻ lại cười : « Sắn giồng lâu cội mất ! ».

Anh làng cày bị mả-mai xấu-hổ quá, diên tiết đem búa ra nương có bao nhiêu cây sắn đang tươi tốt đều bổ đập xuống ráo. Còn bò, tức mình anh ta cũng cho đem ra chợ bán rẻ bán đắt cho mau không muốn trông thấy nữa.

Thành thử, cả nhà, cả họ anh ta, cả người đồng lương đồng quận với anh ta và cả chính anh ta mong đợi con anh ta suốt đời, mà không được hưởng cái vị thịt bò ăn với lộc sẵn nó ra thế nào cả.

CHUA ĐỒ ÔNG NGHÈ

Xưa có một người học-trò nghèo, nhưng hay chữ, ngày-ngày thường đi học ở một làng khác. Gần đó có một cái đền thờ, hễ khi người học trò đi qua trước cửa, thì nghe thấy bên trong có tiếng chuyển-động, như có người đứng dậy muốn chào hỏi.

Một đêm, người từ giữ đền nằm mơ thấy Thần về bảo rằng :

— Mai đây, người phải sắm sửa ngoài đền cho trang-trọng : có Quan lớn vào chơi đền ta.

Người từ y như nhời, sớm mai dọn dẹp, quét tước, giầu nước, dóm điếu thật tươm-lắt. Nhưng ngồi đợi suốt ngày chẳng thấy quan lớn quan bé nào đến cả.

Mãi đến chiều tối mới thấy người học trò xác kia đi nghe sách vở, ghé qua vào đền chơi.

Người từ cho làm thường, không để ý đến.

Cách mấy hôm sau, lại thấy ông Thần báo mộng như bận trước.

Người từ lại quét-dọn, sửa sang chờ đợi mãi cũng chẳng thấy ai, chỉ thấy người học-trò độ nọ vào nghỉ đấy một lúc.

Đến lượt thứ ba Thần lại báo mộng, người từ lại quét dọn, rồi cũng như hai lần trước, lại cũng chỉ thấy người học-trò ấy thôi chớ chẳng thấy quan lớn, quan bé nào cả.

Người từ cho là sự lạ mới nhẹ mồm bảo người học trò rằng :

— Thầy sau chắc làm nên công nghiệp lớn.

Người học-trò ngạc nhiên hỏi :

— Anh lấy cái gì mà biết được trước ?

Người từ nói :

— Tôi hầu nhà Thánh đây, mấy bận thấy báo mộng rằng có quan lớn đến chơi, bắt tôi phải dọn-dẹp, bắt tôi phải quét tước

cho tiêm-tất. Mà bạn nào, tôi cũng chẳng thấy quan lớn nào cả, tôi chỉ thấy một thầy đến thôi. Nên tôi chắc là ngày sau thế nào thầy cũng làm nên được Quan Lớn.

Người học-trò nghe nói có ý mừng lắm. Đêm hôm ấy về nhà ngồi học ở dưới bóng trăng nghĩ thầm trong bụng rằng :

Minh học tài bộ làm nên Quan Lớn là phải. Nhưng mình phải con vợ xấu quá không đáng làm Bà Lớn chút nào. Minh mà đồ rồi, thì mình phải bỏ nó đi mà lấy một người vợ khác thật xinh đẹp.

Sáng hôm sau, có người hàng tổng lại đòi nợ. Vừa bước vào đến sân, thì người học trò đã lên mặt mắng luôn rằng :

— Ta chưa có mà giả. Chớ nên cậy giàu vội ! Khoa này ta đỗ về, ta sẽ liệu đồ vườn đất nhà ngươi ta ở. Rồi xem còn giàu được nữa không ?

Mấy hôm sau, người từ năm mộng thấy ông Thần về bảo rằng :

— Người học-trò kia không đỗ, không làm nên công nghiệp gì nữa đâu.

Người từ hỏi :

— Tại sao vậy ?

Thần bảo :

— Trước ta lên châu giới, thấy sổ Thiên-tào định lấy mấy ông Tiến-sĩ tân-khoa, mà tên người ấy đứng đầu. Hôm nay ta lên, thì lại thấy trong sổ đã tước tên người ấy đi mà điền tên người khác vào rồi. Dưới lại có bản án kết tội rằng :

Nguyệt hạ phóng thê (1)

Đình tiền tử chạch (2)

Vị đắc ý, cố thất đức (3)

(1) *Nguyệt hạ phóng thê* : dưới giăng bỏ vợ. Người học trò đây ngồi dưới bóng giăng mà nghĩ như vậy.

(2) *Đình tiền tử chạch* : Trước sân dỡ nhà. Người học trò đây dọa người chủ nợ lúc người ấy vừa bước vào trước sân. Về các Triều trước, ai đỗ Tiến-sĩ được phép lấy ba mẫu đất làm nhà ở, bất cứ muốn cắm đâu cũng được, không phân đất tư, đất công gì cả.

(3) *Vị đắc ý, cố thất đức* : Chưa được như ý đã mất đức, nghĩa là chưa đo cho toại ý mình, thì đã phạm vào tội làm điều thất đức rồi.

Khoa ấy quả nhiên người học trò vừa vào thi kỳ đầu đã, hồng ngay, bao nhiêu chữ nghĩa như đổ xuống sông, xuống biển sạch.

Bởi truyện này mới có câu tục ngữ rằng :

Chưa đỗ ông Nghè, đã đe hàng tổng.

ANH CẨM BẬT NÓI

Xưa có một thằng cẩm đi đánh cá, đánh được ít nhiều còn để ở trong đó cả. Bữa cơm về ăn khí vội, bỏ quên cái đó trên bờ ao.

Đến lúc cơm xong chạy ra tìm đó, thì giờ mưa đổ xuống như trút, mà cái đó thì đã mất tự bao giờ không biết.

Phần mắt đó tiếc cá, phần bị mưa ướt hết quần áo, thằng cẩm vừa giận người, vừa căm giờ quá, thế nào tự-nhiên, bật ra được mà chửi câu rằng :

*Giời mưa, giờ gió,
Vác đó đi đơm,
Chạy về ăn cơm,
Giở ra mất đó,
Cha mẹ con chó,
Lấy đó tao đi !*

Rồi thành vì bữa căm tức ấy mà từ đó thằng cẩm hóa nói được, và câu nó nói ấy thành ra câu trẻ con bây giờ vẫn thường hát.

TAY QUÈ, MẶC TAY

Xưa có một nhà có đứa con gái đã nhận gả cho một nhà ở trong làng. Nhà giai sêu tết đã đôi ba năm, và nhà gái đã hẹn đến năm sau thì cho cưới. Hai đứa con giai, con gái cũng có lòng ưa nhau.

Chẳng may trong năm, đưa con giai trèo cây thế nào, ngã què tay.

Cha mẹ đưa con gái toan lật không muốn cho cưới, định đem gả cho nhà khác.

Nhưng đưa con gái nhất định không nghe.

Cha mẹ bảo sao cũng không được, ai nói gì, thì nó chỉ hát rằng :

*Hai tay vin bẻ chanh, chà,
Vừa đôi thì lấy, tay què mặc tay.*

Cha mẹ sau phải thuận theo ý nó vậy.

CHÚ CHỊCH, CỔ CHÒE

Xưa có một ông nhà giàu làm lễ cưới cho con giai. Con ông thì lùn thấp le-te mà lấy một đứa con gái ở làng bên, thì bé nhỏ li-ti.

Giữa lúc nghênh-hôn, hai họ đang ngồi uống rượu, thì có một người qua đường, ra dáng học-trò, vào xin ăn.

Ông nhà giàu nửa tỉnh, nửa say, bảo người ấy rằng :

— Buổi nay nhà ta có việc vui mừng. Thân thích bạn bè, kẻ mừng câu đối, người mừng bài thơ, đủ cả. Bây giờ bác đã vào đây, mà chắc bác là người có chữ, thì bác cũng phải kiếm năm ba chữ gì mừng cho các cháu. Bác mà làm cho cả hai họ chúng tôi đây được vui cười, thì chẳng những tôi mời bác ăn, mà tôi lại còn thưởng tiền bác nữa.

Người kia nói :

— Câu đối mừng, thơ mừng, có cả rồi. Tôi biết kiếm câu gì được bây giờ ! Hay tôi xin hiến một câu tục ngữ cổ có được chăng ?

Ông cụ gật-gù bảo :

— Được.

Người kia liền lên giọng hát một câu rằng :

*Chú Chích mà lấy cô Chèo,
Thôi cơm chẳng chín, nấu chè chẳng sôi*

Hai họ nghe, ai nấy cùng vỗ tay cười.
Người kia được cơm rượu lại được ba quan tiền.

CÓ CÒ THÌ CÓ KIA

Xưa có người học hay chữ, kén vợ mãi năm ngoài ba mươi tuổi còn chưa lấy ai.

Cha mẹ khuyên bảo không được, anh em họ hàng dõ-dành cũng không nghe.

Sau có một cô con gái cũng hay chữ viết cho anh một cái thơ. Trong có mấy câu rằng :

*Có cò thì có mãng,
Có ếch, thì có lá lốt.
Có rươi thì có vỏ quít,
Có giai anh hùng, thì có gái thuyền quyên (1)*

Kén gì mà kén mãi ! Chỉ sợ già kén, rồi lại kén hom. Giai đã ngoài ba mươi xuân, còn non điều gì ?

Người kia cố tìm cho được cô con gái ấy. Rồi đôi bên kết làm vợ chồng, ăn ở với nhau rất tử-tế, lắm con, lắm cái và làm nên làm ra.

PHƯỢNG-HOÀNG ĐẬU CÂY KHẾ

Xưa một nhà có hai anh em, khi cha mẹ mất đi, người anh tranh hết cả ruộng vườn để cho người em chỉ có mỗi một cây khế.

(1) Khúc này đã thành ra phong dao cổ

Người em cũng vui lòng chịu, không dám nói gì đến anh.

Sau, một hôm có đàn phượng-hoàng tụ đậu bay lại, đậu trên cây khế, có bao nhiêu quả ăn hết sạch.

Người em thấy vậy ra ngồi dưới gốc cây vừa khóc vừa nói với chim phượng rằng :

— Co-nghiệp tôi chỉ có mỗi cây khế đó thôi. Bây giờ các ngài lại xoi hết cả thì tôi biết mong cây vào đậu cho có ăn !

Phượng-hoàng nghe nói bảo rằng :

— Ta vốn hay đậu nơi cây ngô-dồng và tắm mát chốn hồ sen. Ta mà đến đây chẳng qua chỉ để nghỉ chân chốc lát thôi. Ta có ăn mất trái khế nào, thì ta sẽ đền ơn giả lại không sợ thiệt.

Nói rồi phượng-hoàng nhả trong mồm ra rơi xuống một cây khế khác, bao nhiêu hoa tinh là bạc, bao nhiêu quả tinh là vàng cả.

Người em, vì thế mà được giàu có hơn anh nhiều.

Anh thấy em giàu, hỏi tại duyên có làm sao.

Em kể lại câu chuyện phượng-hoàng cho anh nghe.

Anh bèn nghĩ muốn đổi cả vườn ruộng cho em, để lấy cây khế, nhưng mong phượng hoàng lại đến ăn quả, lại cho cây khế bằng vàng bằng bạc.

Em bằng lòng.

Nhưng anh, được cây khế, đợi mãi bao lâu, chẳng thấy chim phượng-hoàng nào đến cả, chỉ thấy lũ quạ đen, ngày nào, nó cũng rủ nhau đến kêu « Xấu hổ ! Xấu hổ !

THẮNG BỊP CỐC

Xưa có một bà già sinh được một đứa con đặt tên là thắng Bịp-Cốc.

Lúc Bịp nhón lên, đi thời lủi như cước, bạc thời đánh như sấm, đã sa vào đám nào, ai đánh nhỏ cũng cốc, ai đánh to cũng cốc, không trừ cái nào cả.

Mẹ nó bảo nó không được, dạy nó không nghe, đánh đập nó không chừa ; cả ngày nó đi không nghĩ chi sớm tối ; cả đêm nó đi, không quản gì khuya, sáng.

Có một bận nó đi suốt ba ngày đêm không thấy về. Đến lúc về, trên đầu chỉ còn nửa mảnh khăn thâm, dưới mình chỉ còn một manh áo xác.

Mẹ nó hỏi khăn áo đâu, thì nó nói thua bạc sạch cả rồi. Mẹ nó giận lắm, đưa nó ra trình ông Chánh.

Ông Chánh trừng phạt, đánh nó ba mươi roi, rồi dọa nó rằng :

— Từ nay về sau, không được đánh bạc nữa. Nếu không cứ nhời tao, thì tao đưa ra làng. Làng sẽ bắt mày, đánh đập mày đến chết. Liệu mà chừa thôi cớ bạc ngay đi. Có thân thì phải giữ.

Xong ông đuổi nó về.

Nhưng thói nào tật ấy, chừa sao cho được. Ngay tối hôm ấy, Bịp lại lên đi đánh bạc, mãi đến gà gáy canh ba mới mò về.

Mẹ nó thấy vậy, càng giận, nói rằng :

— Tao dạy mày năm bảy phen, mày không ăn nhời. Ông Chánh đánh mày ba mươi roi, mày không chịu nghe. Thôi việc quá lắm thế này, tao phải đem mày ra cáo làng để nhờ làng phân xử.

Rồi mẹ Bịp đưa Bịp ra cáo với làng thật.

Làng xử rằng :

— Ông Chánh đã có nhời giao với mày làm sao, mà mày không biết ăn-năn sửa tội. Có phải mày đã cứ thói mày, thì làng cũng cứ khoán làng : Mày phải chịu đòn ba mươi roi và nộp ba mươi quan tiền. Nếu mày không chịu, thì mày phải đi làm mỗ cho cả làng. Hai đảng, mày chịu đảng nào, thì phải chịu ngay.

Vừa ương, vừa liều, Bịp nói với làng rằng :

— Đánh đòn thì tôi đau, tiền nộp thì tôi không có. Làng bắt tôi làm mỗ, thì tôi làm.

Làng bảo :

— Ừ, mày mà làm mỗ, thì đêm nào, cứ đến trống canh ba, mày cũng phải đi khắp nơi đánh một hồi mỗ mà kêu làng.

Bíp hỏi :

— Kêu làng gì, mà đêm nào cũng phải kêu ?

Làng nói :

— Trong làng, nghe còn nhiều đũa cũng đánh bạc như mày, thì cứ đêm nào mày cũng phải đi kêu. Nếu mày không kêu, thì làng đập chết.

Bíp thưa làng rằng :

— Vậy kêu thế nào xin làng dạy cho.

Ông lý thay nhờ làng, bảo rằng :

— Đêm đêm cứ đến trống canh ba, mày phải gióng lên một hồi mõ, rồi mày đi kêu khắp làng rằng :

« Làng đã cấm bạc rồi, hễ ai còn đánh, mà làng bắt được, kẻ đàn anh thì phải phạt ba quan tiền, kẻ đàn em thì phải đánh ba mươi roi »

Bíp nghe làng xử xong về nhà. Đêm hôm ấy giữa trống canh ba, nó đem mõ ra, gõ inh-ỏi một hồi, rồi nó cất tiếng rao to lên rằng :

Cốc, cốc, cốc, cốc...

Gõ mõ sừng bò,

Bao nhiêu phường bạc

Tối mò đến tôi,

Cốc, cốc, cốc, cốc.

Làng nghe nó rao thế, sáng sớm hôm sau liền hội họp, đòi Bíp đến hỏi rằng :

— Đêm hôm qua, mày rao cái gì đó ? Nếu đêm nay mà mày còn rao như thế nữa, thì làng đập chết không tha.

Nó thưa với làng rằng :

— Tôi tối dạ, nên tôi quên mất câu ông lý dặn. Hôm qua tôi rao thế nào, bây giờ tôi cũng không nhớ nữa. Để đêm hôm nay tôi xin rao lại, không dám rao như đêm hôm trước.

Đêm hôm ấy giữa trống canh ba, nó lại đem mõ ra, gõ inh-ỏi một hồi, rồi nó lại lên giọng rao to lên rằng ;

Cốc, cốc, cốc, cốc...
Gõ mõ sừng trâu,
Bao nhiêu nhà thờ,
Mua dầu thắp khuya.
Cốc, cốc, cốc, cốc.

Làng nghe nó rao như thế, sáng sớm hôm sau, lại họp ngay đòi Bịp đến hỏi :

— Đêm hôm qua mày lại rao câu bậy gì thế? Hay mày muốn cho làng đập chết mày ngay bây giờ?

Bịp thưa với làng rằng :

— Ban đêm tôi đang ngủ mê, trông ba tôi phải dạy, thần-hồn nát thần-tính, tôi chẳng nhớ câu gì cả. Cứ bạ gập tiếng gì, là tôi lại kêu tiếng ấy thôi. Thôi đêm nay, tôi cố thức cho tỉnh-táo, tôi xin rao đúng như câu ông lý dặn. Nếu làng còn nghe thấy tôi rao bậy nữa, làng có đập chết, tôi cũng cam tâm.

Làng bảo :

— Ừ thôi, làng cũng không chấp chi những thứ bìm-bịp. Làng hãy dong thứ cho một phen nữa là bắt quá tam. Nhưng nếu đêm nay mà mày còn rao láo, làng hẳn không tha...

Đêm hôm ấy, giữa trống canh ba, nói lại đem mõ ra nó gõ inh-ỏi một hồi, rồi nó giang mõm nó rao to lên rằng :

Cốc, cốc, cốc, cốc,
Gõ mõ sừng tê.
Bao nhiêu con gái,
Mua mê bện đ.
Cốc, cốc, cốc, cốc.

Làng nghe nó rao bậy này láo hơn hai bậy trước nhiều, không đợi giờ sáng để hội-họp gì nữa, kéo nhau ra, người mắng, người chửi người đập, người đánh nó thậm-tệ. Cực thân quá, nó vừa gõ mõ, vừa kêu rằng :

Cốc, cốc, cốc, cốc,
Giữa trống canh ba,
Cả làng ngủ cả,

Vất-cả mình tôi,
 Chết đi thì thôi,
 Cốc, cốc, cốc, cốc, cốc.

Kêu xong, nó lúi-vào trong bụi, không biết bị con gì cắn phải nó, sáng sớm lang dậy, thì đã thấy nó chết còng-queo từ bao giờ, tay vẫn còn cầm cái mõ... Sau hồn nó nhập vào một giống bìm-bịp, bây giờ đi đâu cũng cứ kêu cốc cốc, bởi vậy mà thành cái tên là *Bìm-bịp cốc*.

CHUỘT, ONG ĐI TRƯỚC

Xưa có một người, con nhà giàu có, kết bạn với một con chuột và một con ong

Khi đi ra đường, thì người ấy nhường cho con chuột đi trước, con ong đi thứ hai, còn mình đi sau rốt.

Nửa đường, gặp một người học-trò hỏi rằng :

— Bác đường-hoàng một đấng trượng-phu, có sao lại chịu nhường cho con chuột, con ong đi trước ?

Người kia đáp rằng :

— Số là anh không biết. Hai con này, một con thì hay xốc-xáo, một con thì hay cắn đốt, tôi nhường hai con ấy đi trước, thì tôi đây đi sau mới bình-yên vô sự.

VUA THẾ-TỔ VÀ ÔNG LÃO NUÔI ONG

Khi vua Thế-tổ mở nước đã xong, một buổi ngự xe về làng chơi.

Trong làng có một ông lão ra quỳ tâu rằng :

— Tấu lạy Bề-Trên, chúng tôi có một việc muốn kêu Bề-Trên nhưng sợ đức Bề-Trên ban quở.

Đức Thế-tổ bảo :

— Có việc gì, cho lão cứ được phép tâu.

Ông lão bèn tâu rằng :

— Kẻ quê mùa này với Bề-Trên cùng sinh một năm, một tháng, một giờ. Đức Bề-Trên thì đánh đông, dẹp bắc, làm đến Thiên-tử, mà kẻ quê mùa này thì nghèo đói vẫn hoàn nghèo đói... không biết là tại duyên hay tại phận...

Đức Thế-tổ hỏi :

— Hiện nay lão làm nghề gì ?

Ông lão tâu :

— Tôi nay già yếu không làm được nghề gì cả. Hiện trong nhà, chỉ nuôi được mười tám cái tổ ong, suốt năm phải nhờ vào đó mà lần hồi kiếm ăn.

Đức Thế-tổ nói :

— Thế thì giới đãi hậu hơn ta nhiều. Ta đây chỉ làm vua có một nước. Chớ lão thì được coi những mười tám nước kia đó. Loài ong là một loài có nghĩa vua tôi. Mỗi tổ nó tức đã như một nước chư-hầu. Bây giờ mà một mình lão nuôi được những mười tám tổ ong thế tức là lão chăn được mười tám nước nhỏ đấy. Thôi, lão chớ phàn-nàn !

Nói xong vua truyền lấy cho ông lão một trăm quan tiền và dạy cứ nên giữ nghề nuôi ong mà kiếm ăn cho trọn.

VỊ THUỐC QUÝ HÓA

Xưa có một người nhờ độ đường, trong bụng đói quá, không biết làm thế nào, phải tìm vào một nhà kia, nói với bà chủ rằng :

— Tôi có một bài thuốc gia-truyền, ai gần chết cũng cứu cho sống lại được. Bài thuốc ấy thật là quý hóa, xưa nay tôi chưa truyền cho ai cả. Song bây giờ tôi không có ăn, tôi mà chết đói thì bài thuốc ấy cũng chết không được việc gì nữa. Nên tôi muốn nhờ bà cho tôi một bữa cơm, rồi tôi xin truyền bài thuốc lại cho bà để tạ ơn bà vậy.

Bà chủ nghe nói, lấy làm mừng lắm, vội vàng đi thổi cơm cho người kia ăn.

Người kia ăn no nê rồi, bà chủ đem giấy bút ra bảo rằng :

— Bài thuốc ấy thế nào, ông biên ra cho tôi.

Người kia nói.

Chà ! bài thuốc ấy quý lắm. Ta phải giữ kín đáo không nên biên ra làm gì. Bà cứ đi với tôi, đi gần thôi, tôi đưa bà đến tận nơi có vị thuốc ấy. Tôi chỉ bảo rõ ràng cho bà mới được.

Bà chủ vui lòng đi theo.

Đi một lúc lâu, không thấy người kia nói gì cả, bà ta nóng ruột hỏi giục rằng :

— Thế nào đã đến nơi chưa ? Hay có phải định đánh lừa tôi để kiếm một bữa thì bảo.

Người kia nói :

— Xin bà cố đi ít nữa. Tôi đưa đến chỗ có vị thuốc ấy tôi đưa tận tay bà rồi bà xem.

Khi hai người đi tới một thửa ruộng, lúa chín sắp gặt được, người kia đứng lại bứt một bông lúa, vừa chỉ vào ruộng lúa, vừa đưa bông lúa cho bà chủ mà rằng :

— Bấm đây, cái vị thuốc quý hóa cứu người sống được là cái vị này đây. Bà cứ xem ngay như tôi lúc này mà không có nó, thì có phải tôi đã chết quách rồi còn đâu đến bây giờ !... »

Bà chủ nghe nói, ngẩn người nhưng thấy người kia nói có lý, không bắt bẻ ra làm sao được.

Người kia lại nói thêm rằng :

— Bà không phải nghi-ngờ gì nữa. Thật vậy, vị thuốc này thật là quý hóa. Bà cứ tin như tôi, bà kiếm lấy nó cho nhiều để hong cứu lấy thiên-hạ. Còn phúc đức gì bằng !

ÂM ĐỨC

Xưa có một người học-trò học-hành rất thông minh chăm-chỉ.

Một hôm, anh ta đi qua nhà ông thầy tướng, ông thầy tướng liếc mắt coi, rồi đoán rằng :

— Tôi xem cái tướng thầy xấu lắm, nếu chẳng biết tu nhân, tích đức, thì cho thầy học-hành giỏi-giang thế nào, cũng luống công vô ích.

Cách đây ít lâu, anh ta lại đi qua trước cửa nhà ông thầy tướng. Ông thầy tướng vội gọi lại bảo rằng :

— Quái lạ ! cái tướng của thầy, tôi coi bây giờ khác hẳn xưa. Hình như thầy đã cứu sống được bao nhiêu sinh-linh, âm-đức đã hồi, phúc-tướng đã hiện, thầy đi thi khoa này, tôi chắc thầy đỗ, mà đỗ cao hơn người nhiều lắm. Thầy nói thật, tôi nghe, thầy có làm điều gì khác lạ chẳng ?

Người học-sinh nghĩ một lúc, rồi nói rằng :

— Tôi thực không làm điều gì khác lạ cả. Chỉ có một hôm, đi học, đang lúc giờ mưa, tôi thấy một đàn kiến sa xuống nước sắp nguy. Tôi nghĩ thương tình, bèn đứng lại chịu khó, bẻ một cành lau bắc cầu cho đàn kiến leo lên trên cạn. Tôi chỉ làm có thế mà thôi.

Thầy tướng bảo :

— Ấy đấy âm-đức của thầy ở đấy rồi.

Người học-trò cũng không nghĩ tới nhờ thầy tướng, cứ cố chăm học. Rồi đến khoa thi, quả nhiên đỗ đến Trạng-Nguyên.

Sau có người biết truyện, làm bài mừng quan Trạng mới rằng :

*Mười năm đặng hỏa biết bao công,
Nhảy bước đường mây chiếm bảg rồng,
Bởi đức bắc cầu qua kiến nhỏ,
Xin đem cây đức gặng vun giồng.*

LÀM LÀNH

Xưa có người học-trò cực kỳ hay chữ, mà đi thi luôn mấy khoa không đỗ. Sau thành phần-chí, anh ta không đi thi nữa.

Một đêm, nằm mơ thấy có vị Thần đến hỏi rằng :

— Người học-hành khá, thi thi tất đỗ, sao lại không thi nữa?

Người kia nói :

— Tôi thuở bé, có thầy đồ đoán : « *Nhật nguyệt lạc hãm* », số tôi không làm nên công-danh. Lại có thầy tướng đoán « *Hình hài đoản tiểu* », tướng tôi không thể sống lâu được. Tôi đi thi đã mấy khoa trật-vật mãi. Nên tôi nghĩ rằng tướng số đã đành như vậy, thì dù cho چرا-cây bao nhiêu, cũng chỉ nhọc thân mà vô ích. Nên chi tôi thôi không đi thi nữa.

Vị Thần bảo :

— Số tướng mình vốn cũng có. Nhưng người nào có tâm, thì giới cũng xoay vần lại cho không phải cứ nhất-định thế mãi. Nếu bây giờ người chịu chăm làm điều lành, thì sau giới cũng chứng giám cho người được sống lâu giàu sang không kém ai.

Người kia hỏi :

Biết làm những điều gì là điều lành ?

Vị Thần giảng :

— Việc gì làm phải đạo tức là điều lành, còn việc gì làm trái đạo tức là điều không lành. Như một hòn đá nằm giữa đường, người ta đi hay vấp phải, mà mình trừ đi được, thế là làm được một điều lành. Cứ như thế, tự ý suy ra, là tự khắc biết điều nào là điều lành nên làm, điều nào là điều không lành không nên làm.

Khi người học-trò tỉnh ra, cứ theo như nhời thần mách bảo, đặt lễ cầu-nguyện dâng sớ tâu với Giời Đất xin làm ba trăm điều lành.

Ba năm sau, người ấy tính lại, cứ mỗi một điều « *quá* », trừ đi một điều « *công* » thì còn được ba trăm điều lành.

Năm đó nhân có khoa thi, người ấy đi thi quả nhiên đỗ, mà đỗ cao.

Người ấy nghĩ bụng : « Đều giới thật không phụ ai ! Có cần có ứng, có làm điều lành, có hay »,

Rồi người ấy lại cầu-nguyện làm ba trăm điều lành nữa.

Một vài năm sau, công, quá trừ đi còn vừa ba trăm điều lành thì vừa gặp ngày được bổ đi làm quan.

Từ đó người ấy làm ăn mỗi ngày một giàu sang hơn và mạnh-khỏe sống lâu, con cháu, trong nhà đông-đức, thịnh vượng

Lúc giờ về già, người ấy chỉ chuyên làm điều lành và khuyên cả nhà, cả họ, cùng cả nhân-dân cũng làm điều lành.

Bởi truyện này mới có câu tục-ngữ rằng :

*Lòng giời chẳng phụ ai ngay,
Họa giao phúc thiện xưa nay nào nhầm.*

Mà trong sách tướng, có câu ca về tướng, thuật rằng :

*Hữu tâm vô tướng,
Tướng tự tâm sinh :
Hữu tướng vô tâm,
Tướng tòng tâm diệt (1).*

MÀI ĐAO DẠY VỢ

Xưa có một người nhà quê rất hiền-lành thuần hậu mà lấy phải một người vợ cực kỳ nanh-nọc độc-ác.

Nhà còn một mẹ già, cũng phải bà cụ hơi khắc-khở lắm điều.

Thành hai bên mẹ chồng, nàng dâu cứ lục đục xô-xát luôn, không mấy khi được vui vầy bình-tĩnh.

Người chồng lấy thế làm bực mình ngao ngán. Anh ta đã dụng tâm lắm, lúc vắng vợ, thì có nhờ phải chẳng nói với mẹ ; lúc vắng mẹ, thì hết sức dạy bảo khuyên răn vợ, những mong cho một nhin chín lành, trên kính dưới nhường, đôi bên có êm thấm hòa-hợp, thì mình mới được an-nhàn mà hưởng cái lạc-thú trong gia-đình.

Nào ngờ luống công mà vô-ích. Giời chẳng chịu dặt, thì dặt lại càng chẳng chịu giời, mẹ chồng nói một, thì con dâu nói mười. Trong nhà thật chẳng còn được chút gì là hòa khí, mà mỗi ngày lại càng thêm nhốn nháo khó chịu hơn lên.

Đôi bên xung-khắc chống-chọi kịch-liệt, rút lại chỉ một anh chồng ở giữa là khổ.

(1) Có lòng không có tướng, thì tướng tự lòng sinh ra ! — Có tướng không có lòng, thì tướng theo lòng mà mất đi.

Khỏ hay sinh kể, anh ta bèn nghĩ ra một kế rằng :

Một hôm anh ta ra chợ mua một con dao bầu thật to đem ra cứ mài-mài, liếc-liếc mãi.

Vợ lấy làm lạ hỏi. Anh ta chẳng nói chẳng rằng. Dao mài xong, lại cất đi.

Cách vài hôm lại đem dao ra mài nữa. Vợ hỏi, anh ta cũng nhất-định không nói.

Năm ba lần như thế, anh ta mới chịu nói rằng :

— Tôi mài dao đây là chỉ định đợi hễ có dịp, là thịt mẹ dấy thôi. Mình tính xem, mẹ bây giờ đã già, chẳng chết trước cũng chết sau, thế nào cũng một lần chết thì thôi. Nếu cứ để mẹ sống ở đời, nay to tiếng cùng mình, mai cãi cộ cùng mình, ngày kia bói-móc chửi-rủa mình, mình tuy phạt dẫu con, mình cũng chẳng chịu, sinh sự thì sự sinh, đôi bên thành ra bất-bình xô-xát với nhau để xòm diềng người ta sỉ-vả tôi. Tôi không sao chịu được. Tôi phải tính sửa mẹ thì tôi mới được yên vui cùng mình, vợ chồng ta hòng mới có lúc sung-sướng...

Chồng nói luôn một thôi như thế làm cho vợ phải lấy làm nghĩ. Nghĩ rồi hỏi. Hỏi rồi từ hôm đó, đổi cả tâm-tính, cả cách cư-xử với mẹ chồng không còn gì là ngang-nganh nữa.

Chồng thấy thế đã mừng lòng. Đợi ít lâu, chồng lại mang dao ra mài. Mài đi mài lại thật sắc, rồi thử đi thử lại đôi ba bận. Vợ thấy vậy trong lòng nôn-nao, người run lẩy-bẩy. Một chốc chồng gọi lại bảo :

— Hôm nay tao phải thịt mẹ đây.

Rồi sầm sầm đến gần chỗ mẹ làm bộ như định giết mẹ thật.

Chị chàng hốt-hoảng, vội-vàng chạy theo đỡ dao ngăn lại, nói rằng :

— Thôi tôi trăm lạy mình, nghìn lạy mình. Trăm tội, nghìn tội là ở như tôi cả, chớ không ở như mẹ già. Mình đừng làm thế mà oan uổng cho mẹ cả đôi ta. Từ giờ tôi xin tu-tĩnh lại và xin hứa rằng không còn một điều gì là to tiếng với mẹ nữa.

Rồi quả nhiên từ hôm đó, trong nhà hòa-thuận vui-vẻ nằng dẫu ăn ở với mẹ chồng quý hóa hơn là con gái đối với mẹ đẻ vậy.

GIẾT CHÓ KHUYÊN CHỒNG

Xưa một nhà có hai anh em, anh thì giàu có làm nên, em thì nghèo đói bán-túng. Thế mà tình-vó anh không nhìn nhận gì đến em cả.

Ngày ngày anh chỉ kết bạn với những ai ai, nay bọn này, mai bọn khác, hôm thì rượu chè linh-đinh, hôm thì cờ bạc tấp-nập; ai ưa muốn cái gì thì dâng, thì biếu, ai cần đến tiền bạc thì cho vay, cho mượn. Thế mà chính em thì thật không hề bao giờ được biết cái bát đòi đũa hay đồng tiền phân bạc của anh nó ra sao cả.

Người em cũng đành vậy, không may may phàn-nàn hay giận dữ gì anh.

Nhưng vợ người anh thấy thế lấy làm trái ngược, thường vẫn nói với chồng rằng :

— Cùng mẹ, cùng cha là ruột thịt, khác tông, khác giống là người dung, sao nhà chỉ chuộng người dung mà không thiết gì đến ruột thịt như thế ! Nhà không nghe thấy những câu thiên-hạ thường nói sao sao đấy à :

*Khi làm thì chẳng thấy ai,
Đến khi có cỗ thì ngồi trên.
Khi vui thì vỗ tay vào,
Đến khi hoạn-nạn thì nào thấy ai.*

Chồng nghe nói, cãi rằng :

— Đâu bà ngu dốt biết gì ! Đã khỏe ví-von, thì tất cũng biết câu :

Giàu vì bạn, sang vì vợ.

Cùng bao nhiêu câu, như câu :

*Anh em thật thạm là hiền,
Bởi một đồng tiền mà mất lòng nhau.
Người dung có ngãi thì đãi người dung
Anh em vô ngãi thì đừng anh em !*

Còn chú nó, thì mặc chú nó đấy, chứ tôi không cần. « Kiến giả nhất phạt », ai có thân thì người ấy lo. Chớ có phải là anh, thì cứ phải săn-sóc trông nom đến các em cả đâu... Bao nhiêu bạn tôi đây đều là người tốt bụng tử-tế cả.

Vợ biết can chồng không ăn thua, nhưng không biết làm cách nào cho chồng hồi tâm lại.

Nhân một hôm chồng đi đâu vắng, vợ ở nhà, đánh chết luôn một con chó đem chiếu bọc lại, rồi để ở xó vườn.

Tối đến chồng về, vợ giả cách làm ra sợ hãi, nói rằng :

Ban trưa, lúc mình đi vắng nhà, có một thằng bé ốm yếu vào xin ăn. Tôi mắc bận chưa kịp cho thì nó kêu gào chửi rủa ầm-ỹ. Tức mình, tôi lấy đòn gánh đập nó một cái. Không biết phải chỗ phạm làm sao, nó quay ra nó chết ngay lập tức. Tôi vội vàng lấy chiếu bó xác nó lại, còn để góc vườn đằng kia... Bây giờ không biết tinh mụn ai đem nó đi chôn cho làng xóm người ta khỏi biết.

Chồng nghe nói hốt-hoảng run-sợ, chạy đi tìm mấy người bạn rất thân xưa nay, nói chuyện thực tình như thế và xin đến giúp đem đi chôn hộ.

Thì ra hết người này đến người khác không nhờ được ai cả. Người thì chối từ việc này, kẻ thì thoái thác về việc nợ.

Chồng tiu-nghỉu giở về bảo vợ.

Vợ nói rằng :

— Thế thì mình sang gọi chú nó vậy, thử xem chú nó có đến không.

Chồng sang gọi em, thì em vội vàng đến ngay bảo rằng :

— Ta phải mau mau đem đem chôn đi, kéo chậm-trễ, trong làng ai biết, thì khốn.

Rồi sầm sầm ra chỗ bó chiếu, cùng với hai anh chị khiêng cái xác đi chôn.

Xong đâu đấy, về nhà, không hề kêu khó-nhọc chi cả.

Lúc em về rồi, vợ mới bảo chồng rằng :

— Đấy nhé ! Người ta nói : *Anh em như chân như tay* là phải lắm. Hôm nay may mà có chú nó sang giúp cho, không thì hai vợ chồng mình đến khốn. Nào mình có còn mong nhờ vào những « bạn làm nên giàu » cùng những « người đứng có nghĩa » nữa hay thôi. Chao ôi ! Câu thiên-hạ thật không sai ! Ở đời nay đã được :

Bạn bè mấy kẻ đá vàng.

Hòng khi mưa nắng nhờ nhau cạy nhau.

Bạn nhà đây chỉ toàn những quân :

Khi không lắm kẻ ra vào,

Đến khi hoạn-nạn thì nào thấy ai ? cả thôi !

Chồng nghe vợ nói, có ý hối-hận như dần dần tỉnh ra.

Sáng hôm sau, vừa dậy đã thấy mấy người bạn rủ nhau kéo đến đầy nhà. Họ cho là đánh chết người thật, nên họ giở mặt đòi ăn dứt tiền, dứt bạc.

Chồng sợ lắm, đã toan đưa bạc tiền ra lễ thật. Nhưng người vợ nhất định không nghe, bảo họ muốn làm chi thì làm.

Mà họ làm thật. Không bóp được tiền, họ tức giận, lúc trở ra về, bảo nhau iên cáo quan. Quan lập-tức cho trát bắt hai vợ chồng người kia lên. Chồng thì sợ thất thần. Vợ bảo cứ yên tâm.

Lúc quan tra hỏi, người vợ đứng dậy khai rõ đầu đuôi câu chuyện mình giết chó để thử bạn chồng và khuyên chồng như thế nào. Quan liền cho lính đến nhà khai quật cái xác chôn đem lại xem, thì quả-nhiên là một con chó kéch.

Quan liền thét mắng đánh đòn mấy tên bạn xấu bụng, và khen người vợ hiền, khéo biết cách khuyên chồng theo đạo phải chăng.

Rồi từ đó, người chồng mới từ những ông bạn qui-hóa kia đi và đỡ dần trông-nom đến em rất ân-cần tử-tế (1).

(1) Truyện này và truyện trên thường diễn ở các rạp Chèo cổ và chúng tôi cũng kê-cứu tự đấy ra,

KÈU MỘT VIỆC ĐƯỢC BA VIỆC

Xưa có người học-trò, học hay chữ lắm, ai cũng chịu là tài, nhưng đi thi bần nào cũng chỉ vào một hai kỳ là trượt.

Người học-trò ấy lại xấu-xa quá, đi hỏi vợ đâu, con gái đũa nào cũng hất-hủi không chịu lấy.

Tức giận lắm, anh ta không biết sao được. Sau nghe nói có một hòn núi cao, Giời, Đất thường hay giao-tế ở đấy để làm việc dân-gian.

Anh ta sắm-sửa lễ-vật để đi kêu.

Đi mãi đến tối, anh ta vào trọ một nhà kia. Người trong nhà dọn cơm nước cho ăn tươm-tất, rồi hỏi rằng :

— Thầy đi công việc gì, ở đâu mà đi tối thế ?

Người học-trò nói :

— Tôi học-hành không thua kém gì ai, mà thi mãi không đỗ. Và tôi năm nay tuổi cao, mà người xấu, đi hỏi vợ đâu cũng không đắt. Tôi định lên kêu với Giời để xem tại duyên hay tại phận mà long-dong đến thế.

Nhà kia nói :

— Tôi đây cũng có đứa con gái một thời, một lứa với con người ta, con người ta, thì chồng con có cả rồi, mà con tôi, thì không ai thèm ngó đến, vì nó không biết nói. Nếu có phải thầy đi kêu Giời việc của thầy, thì phiền thầy kêu luôn cả việc cho con cháu nữa.

Người ấy nhận nhời, rồi sáng mai dậy ra đi.

Đi mãi lại đến tối, lại vào xin trọ một nhà kia. Chủ nhà này cũng cơm nước tử-tế rồi hỏi đi đâu.

Người học-trò kể lại như trước.

Chủ nhà nghe rồi nói rằng :

— Nếu thầy đi kêu Giời việc của thầy, thì thầy kêu giúp tôi việc này với :

« Nguyên nhà tôi có giếng ba cây cam, một cây thì có quả, còn hai cây không. Chẳng biết tại sao, nhờ thầy bằm giời cho tôi nhân-thề ».

Người ấy nhận nhời, rồi sáng hôm sau lại dậy ra đi.

Đi mãi đến một nơi, thấy con sông mông-mênh ở trước mặt, mà không thuyền bè chi cả.

Người ấy đứng đợi lúc lâu, thì thấy ở giữa sông, nổi lên một con cá chép to như chiếc thuyền, vẩy vây đẹp lắm.

Cá chép hỏi rằng : Thầy đi đâu đứng đó ?

Người học-trò đem câu truyện đầu đuôi kể lại.

Cá chép nói :

— Như tôi đây to lớn thế này, không biết tại sao, mà đi thi mãi không hóa rồng. Bây giờ, tôi đưa thầy sang bên kia sông, thầy có kêu Giới việc của thầy, thì nhờ thầy kêu luôn hộ cả việc của tôi nhân thể.

Người ấy vui lòng nhận nhời, nhảy lên lưng cá ngồi.

Cá đưa sang bên kia sông.

Đi một hồi lâu nữa, mới đến hòn núi, đặt lễ xuống, khấn vái, rồi ngồi đó.

Phút chốc thấy trên giới có ba vị Tiên giáng hỏi rằng :

— Nhà ngươi kêu việc chi ?

Người ấy không dám thừa chính truyện của mình, đem chuyện cá chép ra thưa trước.

Ba ông kia bảo :

— Con cá ấy mà không hóa rồng được, là bởi trong răng nó có ngậm hòn ngọc, thành không bay nổi.

Anh ta lại đem chuyện hai cây cam thưa.

Ba ông kia bảo :

— Hai cây cam ấy không ra quả được, là bởi ở dưới gốc nó có hai chum vàng : kim phải khắc một.

Anh ta lại đem truyện người con gái thưa.

Ba ông kia bảo :

— Người con gái sỗ-dĩ không nói được là bởi chưa có bậc kẻ cả đến khai khẩu cho nó.

Anh ta chưa dám kêu truyện mình, thì ba ông Tiên đã biến đâu mất rồi.

Anh ta đành phải giở về, đi đến bờ sông.

Cá chép nổi lên hỏi :

— Việc tôi làm sao ?

Anh ta nói :

— Tại trong răng mày có hạt ngọc, bây giờ mày nhe răng để ta lấy hạt ngọc ra cho nhẹ mình, thì mày hóa rồng được ngay.

Khi về tới nhà có cam, chủ nhà hỏi :

— Việc hỏi cây cam của tôi làm sao ?

Anh ta nói :

— Tại dưới gốc cam có hai chum vàng, bây giờ đào lên chia cho tôi một chum thì nó có quả ngay.

Khi về tới nhà có cô con gái câm, chủ nhà chưa kịp tiếp hỏi tại làm sao thì cô con gái đã chạy ra chào chào nói 'nói mất cả câm.

Nhà kia thấy vậy, gả cô con gái cho anh ta làm vợ.

Nhờ có vại vàng, hai vợ chồng làm nên giàu có to.

Lại nhờ có hạt ngọc cá, khoa sau anh ta thi đỗ thủ-khoa và được bổ đi làm quan. Thành anh ta vừa được giàu, vừa được sang, lại vừa được cả vợ đẹp.

Bởi tích này mới có câu tục ngữ rằng :

Kêu một việc, được ra ba việc.

ÔNG TÚ VÀ NGƯỜI BUÔN MÈO

Xưa có một người đỗ Tú-tài, thiên-hạ quen gọi tắt là « Ông Tú » tính hay khôi-hài đùa bỡn người ta.

Một hôm ông vào trọ trong hàng quán, thấy một người buôn mèo đến trước, đã ngồi chễm-chệ trên giường trên, bên cạnh để một cái lồng vô số là mèo.

Ông Tú đành ngồi giường dưới.

Chủ quán vừa trọng người khoa-mục, vừa nể tuổi nhiều hơn, bảo người buôn mèo rằng :

— Ông ngồi xuống giường dưới để cụ Tú ngồi lên giường trên, kéo ông ngồi trên, có cái lồng mèo như thế, không được tiện.

Người buôn mèo không chịu, lý-sự nói rằng :

— Tôi tưởng cái phép ở hàng quán, ai đến trước thì ngồi trên, ai đến sau thì ngồi dưới. Tôi đã ngồi đây rồi, thì tôi cứ đây tôi ngồi.

Ông Tú thấy người kia cứng cồ, gạt chủ quán đi, bảo rằng :

— Ông lái mèo nói phải lắm. Ông cứ ngồi đấy, ông còn cả lồng mèo của ông ở đấy kia mà !

Đêm khuya, lúc người buôn mèo đang ngáy o-o, ông Tú sẽ dậy lên tháo mấy cái que gài trên miệng lồng vút đi. Bao nhiêu mèo chui ra hết sạch, và con nào con nấy được tự do đi lại ngoeo-ngoeo kêu rầm cả nhà.

Người buôn mèo bật dậy, vội gọi nhà hàng :

— Ối ông chủ ôi ! Mèo tôi ra hết cả rồi. Ông có mau đốt đèn lên để tôi bắt nó không.

Lúc đèn được thắp sáng rồi, người buôn mèo thấy con thì ở mặt đất, con thì ở giường dưới, con thì ở giường trên, có con lại leo chót vót lên tận xà nhà.

Người buôn mèo ngo-ngác kêu lên rằng :

— Những con phải gió kia ! Chúng mày mỗi con một nơi thì tao bắt bao giờ cho hết.

Ông Tú ngồi dưới giường dưới, trở vào lỗ mèo, vừa cười, vừa nói :

— Giống mèo nó cũng khôn và lý-sự lắm : con nào ra trước thì được ngồi trên, con nào ra sau thì phải ngồi dưới.

Người buôn mèo biết mắc mưu ông Tú, nhưng không dám nói gì, còn tiu-tít khốn-khở về việc đi bắt mèo.

BÁT CANH HÈ

Xưa có một người rất có hiếu, chẳng may, mắc tội vu oan, bị giam đã lâu ngày, không ai được thăm hỏi.

Một hôm, bà mẹ làm com canh, nhờ người chủ ngục đưa

Người kia trông thấy không ăn, nức nở khóc :

Chủ ngục hỏi sao không ăn lại khóc ?

Người kia nói rằng :

— Tôi ở nhà còn mẹ già, thường khi nấu canh hẹ, cứ lấy thước đo từng tấc một. Nay tôi thấy cơm với canh hẹ này, tôi chắc mẹ tôi đã lặn lội từ nhà đến đây, chăm nom đến tôi, mà tôi không được ra thăm mẹ tôi. Trong lòng xót-xa, ăn sao cho được!

Chủ ngục nghe rõ truyện, lấy làm thương tình, vào bầm với quan.

Quan nghĩ một đũa có hiểu như thế không nhẽ làm điều phi pháp, cho thăm cái án lại thì quả-nhiên người kia mắc tội oan mà được tha ngay.

Hai mẹ con lại được đoàn-viên tụ-hội, vui vầy tử-tế.

BÁT CANH HƯƠNG ÁN

Xưa có một người, một hôm đến nhà bạn chơi. Bạn thết cơm, có một bát canh kiệu ăn lấy làm thích miệng lắm.

Lúc về nhà nói với vợ rằng :

— Hôm nay, tao sang nhà bác ấy thết tao ăn một bát canh kiệu thật ngon.

Vợ chẳng biết *kiệu* là gì, nhưng cũng làm ra mặt thạo, nói rằng :

— Tưởng cái chi chớ canh kiệu thì khó gì !

Cách đó ít lâu, bạn sang chơi nhà, phải thết cơm giã.

Chồng ngồi nói chuyện với bạn ở trên nhà, vợ lúi húi dưới bếp tấp-tễnh cũng muốn bắt chước nấu canh kiệu.

Nhưng kiệu là cái chi ? Hay nó là cái kiệu thực ?

Chị chàng nghĩ vậy, cầm dao lon-ton chạy ra ngoài đình, định nạo ít kiệu đem về nấu canh.

Song ra đình chẳng thấy kiệu đâu, chỉ có mỗi cái hương-án, chị chàng bưng lại bảo dạ rằng :

— Hương-án thì cũng như kiệu chớ gì !

Rồi ra sức nạo ít mún hương-án đem về nấu canh, lấy làm đặc chí lắm.

Bát canh hương-án, chồng với bạn chồng nuốt sao trôi được.

Ngao ngán quá, đợi lúc bạn com nước về rồi, chồng hăm-hăm vào tra hỏi là bát canh gì rồi đánh vợ một trận nên thân.

Vợ đau quá, vừa khóc, vừa ví rằng :

*Người ta canh kiệu thì ngon,
Mụ canh hương-án thì đòn vào lưng.*

CÂY GÌ CƯA CHẲNG ĐƯỢC

Xưa có một người tinh hay tinh-nghịch, một hôm ra đứng trước cửa, thấy một bọn thợ cưa vác cưa đi qua, lại đèo thêm mấy quan tiền nữa.

Người ấy gọi lại, hỏi rằng :

— Các bác đi cưa thế, thì cây gì cưa cũng được cả chứ ?

Bọn thợ quả quyết nói :

— Chúng tôi đã làm nghề cưa xẻ thì cây gì cưa mà chẳng được !

Người kia bảo :

— Thế thì mời các bác vào trong nhà. Bây giờ giờ đã trưa, các bác hãy xơi com cho khoẻ đã. Rồi tôi nhờ các bác cưa cho tôi...

Lúc bọn thợ vào nhà, người ấy sai đầy-tớ làm com, sẽ bảo lấy thịt lợn đun cho thật chín, đổ mật vào nấu cho thật rừ, rồi lại tra bao nhiêu mắm muối ninh cho thật mặn.

Xong, dọn cho bọn thợ ăn.

Thịt bùi, com sốt, bọn thợ ăn thấy ngon miệng, tí-tí đánh mồi.

Com xong, anh nào anh nấy phè-phỡn không muốn làm. Lại được cái thấy nhà chủ không giục-giã gì, nên các anh nằm ngả nằm nghiêng để nghỉ xác.

Nhà chủ lần mặt, dặn đầy-tớ rằng :

— Hễ mà thấy chúng nó khát nước, đòi uống, thì cứ ních đủ mười đồng một bát hãy bán cho tao.

Quả-nhiên tối đến, bọn thợ khát nước quá, gọi nước uống. Thằng đầy-tớ cứ y như lời chủ dặn, bảo trong nhà không sẵn nước, có chịu mua thì nó mua cho, mà phải mười đồng một bát.

Bọn thợ đang khát, thấy nó nói thế nào cũng bảo nhau ừ.

Khi mỗi anh đánh một bát nước rồi, chẳng những không khỏi khát lại thấy càng khát thêm.

Khi đòi nước nữa, thằng đầy-tớ làm ra dáng ngần-ngừ.

Bọn thợ tức mình bảo :

— Thì anh cứ bán cho chúng tôi uống. Hết bao nhiêu tiền, sáng mai trừ vào tiền cửa sợ gì.

Thằng đầy tớ vừa đưa nước uống nữa, vừa bảo :

— Được rồi ! Tôi chẳng biết tiền cửa mai đâu cả. Các bác có tiền sẵn đây, rồi các bác tính giả tôi cũng được.

Bọn thợ uống nhiều nước quá, tính cả thấy đến mấy chục bát mà vẫn còn như thòm-thèm muốn uống mãi.

Sáng hôm sau đây, bọn thợ lại đòi nước uống nữa, rồi mới ra bảo nhà chủ :

— Nào, ông bảo cửa cây gì thì để anh em chúng tôi ra cửa.

Người kia lẳng-lẳng đưa bọn thợ ra vườn, trở vào một cây rau thơm, bảo rằng :

Đây này, tôi muốn thuê các bác cửa hộ tôi cái cây này.

Bọn thợ lấy làm lạ, nhao-nhao bảo :

— Cửa cây gì chớ cửa cây rau thơm thì cửa thế nào được ?

Người kia nói rằng :

— Thế sao hôm qua, lúc tôi hỏi các bác lại bảo tôi : « Cây gì cửa mà chẳng được ? » Thế có phải các bác nói bậy muốn đánh lừa tôi không.

Nói đoạn, người ấy lĩnh mặt vào nhà trong.

Bấy giờ thằng đầy tớ ra đòi tiền nước. Mấy bác thợ cửa không cãi sao được, phải ăng cổ tính tiền giả nó phân minh, không kém một đồng một chữ nào.

Thành cửa cây chẳng thấy đâu, bọn thợ có mấy quan tiền, lại bị hai thầy tớ nhà ấy nó cửa cho mất gần một nửa.

Bữa cơm sốt ăn với thịt mật kho rừ biết đời nào quên !

ĐẬU ĐEN CHUỒM ĐẦU

Xưa có một người, trong nhà giồng được nhiều đậu đen. Một hôm đình vợ đi vừa khỏi, chồng ở nhà đem đậu đen luộc đình ăn mừng.

Chẳng may thỉnh-linh vợ nó về. Không biết dấp đậu vào đầu, chồng vội-vàng đổ ngay lên đầu và kéo khăn kín lại. Rồi vờ chạy ra sân cầm chổi quét. Nào ngờ ! vừa cúi đầu xuống quét, nước đậu đen trên đầu giở giọt chảy xuống tong-tổng.

Vợ trông thấy, ví ngay rằng :

Năm nay mưa gió thuận-hòa.

Cha mày quét nhà, đổ máu than đen.

Chồng nghĩ vợ nó biết, vội-vàng chạt khăn ra, đậu vãi tung-tóc và hát luôn lại câu rằng :

Mẹ mày không biết khi hèn (1),

Đau đầu thì lấy đậu đen mà chườm (2).

NỒI KÊ ÔNG THỔ

Xưa một nhà có hai vợ chồng. Chồng thì thức khuya, dậy sớm, siêng-năng, cần-mẫn, luôn tay hết việc này sang việc khác. Còn vợ thì thật làm bơ, làm biếng, suốt ngày chỉ lo ăn lo chơi, không tưởng chi đến việc làm.

Một hôm chồng vừa ra đồng khỏi, vợ ở nhà liền đi lấy kê ra nấu, chực ăn vụng.

Nhưng chẳng may lúc kê chín tới, vừa bắc nồi ra thì nghe tiếng chồng đầu đã về đến trước cổng. Cuống-cuống, chị chàng không biết dấp nồi kê vào đầu. Chợt trông thấy trước sân có đồng cám, chị chàng vội đem vùi vào đấy.

(1) *Hèn* : cũng nghĩa như đau yếu, giở giò.

(2) Ta nhưc đầu thường hay lấy đậu đen bọc vào cái vải hơi nóng mà chườm hay có nơi gọi là *đồ*.

Nào ngờ khi chồng vừa vào đến sân, nghe chỗ cảm nồi kê đang sôi, hơi lên phì-phì, ngỡ là rắn phun, vội bảo vợ chạy đi tìm gậy ra để đập.

Gậy vừa đập xuống một cái thật mạnh, thì rắn chẳng thấy đâu, chỉ thấy nồi kê vỡ toang vọt bắn tung-tóe cả vào người.

Chồng lấy làm quái lạ, hỏi vợ rằng :

— Nồi kê của ai lại để đây ?

Không biết đồ cho ai được, vợ đáp rằng :

— Kê của ông Thổ chớ của ai ?

Chồng lại hỏi :

— Mà nói cái gì ! Kê của ông Thổ nào vậy ?

Vợ đáp :

— Nồi kê ở dưới đất, nó chẳng của ông Thổ địa thì còn của ai ?

VÙNG KHOAI LANG

Xưa có một nhà giàu có đưa con gái tuổi chừng mười tám, đôi mươi mà người rất đẹp. Trong làng, đôi ba nơi hỏi, song cô ả chưa thuận lấy ai cả.

Một hôm cô ả dắt bò vào ăn một nơi ruộng khoai. Đứa con gái nhà có khoai lang giở lại bắt bò, rồi nói đùa mấy câu. Cô ả trông thấy nó mặt mũi sáng sủa, lấy làm ưng lòng ngay, bèn chuyện trò với nó. Đôi bên bắt tình nhau tự đấy, rồi một hai gần bó lấy nhau.

Nhưng khốn đứa con gái kia là con nhà đời khó, dù cho người đến hỏi đôi ba lần cha mẹ đứa con gái cũng không chịu gả.

Còn cô ả thì cứ khăng-khăng một dạ nhất định đòi lấy nó, thề không lấy ai nữa.

Sau cha mẹ không biết làm thế nào, đành phải chịu gả vậy.

Hôm nhà gái dẫn đồ cưới, cả thấy chỉ có một ít giàu cau và một vùng khoai lang để làm tích mà thôi.

Cha mẹ đứa con gái thấy thế lấy làm thẹn lắm, bàn nhau bày ra một trò đùa, định làm cho con xấu hổ không dám lấy nữa.

Hai ông bà cho đi mời các người trong họ, trong làng đến ăn cưới. Ai nấy mỗi người được một miếng giầu. Rồi một chốc, cỗ bàn chẳng thấy gì, chỉ thấy lù-lũ bung ra một vùng khoai lang trắng để mời khách, chia mỗi người một củ. Người trong họ lấy những củ nhỏ, còn bao nhiêu củ lớn để nhường cho người làng.

Mọi người đều cười ồ, rồi giở ra về.

Tuy vậy, đứa con gái cũng không lấy làm xấu hổ, cứ nhất định lấy anh có vùng khoai lang ấy thôi. Cha mẹ không làm thế nào được, phải đành cho cưới vậy.

Bởi sự tích này, mới có câu hát rằng :

*Cò Nhiêu giữ bò quàng sừng,
Cậu Nhiêu đi dạm một vùng khoai lang.
Củ lớn thì để cho làng,
Bao nhiêu củ nhỏ họ hàng ta ăn.*

LÀM RẼ CHUÔNG-ĐÀI

Xưa có người dạm vợ, đến làm rể nhà vợ ba bốn năm, mà chưa được cưới.

Sau nhà vợ lại hình như ruồng-rẫy không muốn gả.

Nó về nhà, mượn người làm một lá thư đưa đến, kể cái nông-nôi đã làm rẽ đặng cay, khổ sở.

Trong thư có mấy câu nói với người vị hôn-thê của mình rằng :

.....
*Công anh làm rẽ chuông đài,
Ăn hết mười một, mười hai vại cà.
Giếng đâu, thì dắt anh ra,
Không thì anh chết với vại cà nhà em.*
.....

Ông bố vợ xem thơ bật cười, nhưng cho là có ý, nghĩ lại thương tình cho nó cưới ngay.

Hôm cười, lúc hai họ đang ăn uống linh-dinh nhân nhắc lại cái thư của chú rề, có người hiểu sự, xin đặt mấy câu ở trên ra chữ Hán rằng :

*Chương-đài chi tế.
Thực tận thập nhất, thập nhị gia,
Tĩnh tại hà phương, dữ tử dai hành,
Phủ tức, dư dữ gia câu tử hĩ (1).*

Hai họ nghe vỗ tay cười àm.

VỮ LÀ MƯA

Xưa có một nhà, cha chết sớm, chỉ còn mẹ ở với con giai. Tính người mẹ tham ăn, mà nhà thì nghèo, nên khi bắt được con cá, con tôm gì là ăn ngấu ăn nghiến lấy làm thêm thường lắm.

Một đêm, gặp buổi trời mưa, thằng con đốt đuốc soi ếch, khó nhọc bao lâu mới được mấy con đem về nấu ăn.

Chẳng ngờ lúc nấu xong, mẹ lắm tất-tật. Con tức giận nói nọ, nói kia.

Rồi thành hai mẹ con, trước còn cãi nhau om-xòm, sau đánh nhau ầm-ỹ, xóm giềng chẳng ai ngủ được.

Có người hàng xóm thấy vậy tức cười, mới làm cái án kết mấy câu rằng :

*VỮ là mưa, trên trời mưa xuống,
OA là ếch, nó nhảy ra coi,
CHÚC là đuốc vào soi thấy nó,
THỬ là tay bắt bỏ vào thòi.*

(1) Bài dịch hát cười là ở chỗ dịch thẳng từng chữ. Dịch thẳng lại ra nôm thì như thế này :

Chương-đài chung rề,
Ăn hết mười một mười hai cà.
Giếng ở phương nào cùng gã đều đi,
Không, thì ta cùng cả đều chết vậy » .

ĐAO là dao, ngồi chặt các các,
 DUẨN là măng, nấu đã ngon đời,
 MẪU là mẹ ngồi vợ tất cả.
 TỬ là con, ngồi khóc « ư. ư »
 Mỗi người mỗi hư,
 Cũng vì con ếch.

Sau lại có người vịnh một bài thơ giễu rằng :
 Nắng nắng, mưa mưa việc tại trời,
 OA là con ếch nhảy ra chơi,
 CHÚC là đũa, soi lên cho tỏ,
 THỦ là tay, bắt bỏ vào thời,
 ĐAO là dao, đâm kêu cục các,
 DUẨN là măng, nấu cho chặt nôi,
 MẪU là mẹ, ngồi vợ hết cả,
 TỬ là con đứng dậy kêu trời.

ĐỄO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

Xưa có một người thợ mộc bỏ ra ba trăm quan tiền về mua gỗ để làm cái nghề đễo cày mà bán.

Cửa hàng anh ta mở bên đường.

Ai qua đó cũng ghé vào coi.

Người này thì nói : « Phải đễo cho cao, cho to, thì mới đễ cày ».

Anh ta cho là phải, đễo cày vừa to vừa cao.

Người khác lại nói : « Có đễo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới đễ cày ».

Anh ta cho là phải, lại đễo cày vừa nhỏ, vừa thấp.

Sau lại có người bảo : « Nay ở trên ngàn, hiện có người đang phá hoang bao nhiêu đồng ruộng và cày tinh bằng voi cả. Nếu đễo cày cho thật cao, thật to gấp đôi gấp ba thế này để voi cày được, bày ra hàng bán thì chắc là bán được nhiều lắm, mà rồi lãi vô vàn ».

Người thợ mộc nghe nói, liền đẽo ngay một lúc bao nhiêu cày to gấp năm, gấp bảy thứ cày thường bày ra bán.

Nhưng qua bao nhiêu ngày tháng, chẳng thấy ai đến mua cho một cái nào, cũng chẳng thấy ai nói vâm đi cày ruộng cả.

Thành có bao nhiêu gỗ bỏ hỏng hết và bao nhiêu vốn liếng đi đòi nhà ma sạch.

Người thợ mộc bấy giờ mới biết dễ nghe người là đại. Nhưng quá muộn rồi, không sao chữa được nữa!

Bởi truyện này mới có câu tục-ngữ rằng :

Đẽo cày giữa đường

để nói những người hay đề tại nghe làm theo thiên-hạ đến nỗi mất cả cơ-nghiệp.

ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

(II)

Lại còn truyện «*Đẽo cày giữa đường*» nữa, nhưng người thợ trong truyện này trái ngược hẳn với người thợ trong truyện trước.

Truyện rằng :

Xưa có người thợ một hôm, đem gỗ ra giữa đường để đẽo cày.

Thoạt vừa đem gỗ ra, đã có người đi qua hỏi :

— Bác làm cái gì đấy?

Người thợ không ngoảnh ra nhìn, đáp :

— À, tôi đẽo cái cày.

Một chốc, mới đẽo được ít nhất, có người đi qua, hỏi :

— Bác làm cái gì đấy?

Người thợ không ngừng đầu lên, đáp :

— À, tôi đẽo cái chày.

Chốc nữa, đẽo được một phần ba, có người đi qua, hỏi :

— Bác làm cái gì đấy?

Người thợ đầu vẫn cúi, đáp :

— À, tôi đẽo chiếc dũa.

Chốc nữa, đẽo được nửa chừng, có người đi qua, hỏi :

— Bác làm cái gì đấy ?

Người thợ không ngừng tay, đáp :

— À, tôi đẽo cái chia vôi (1).

Lại chốc nữa, đẽo được ba phần, có người đi qua hỏi :

— Bác làm cái gì đấy ?

Người thợ hơi phát khùng, vừa làm, vừa đáp :

— À, tôi đẽo cái tằm xỉa răng.

Lại chốc nữa, đẽo đã gần xong, có chị đàn-bà đi qua cũng lon-ton lại hỏi :

— Bác làm gì đấy ?

Người thợ vừa nhìn, vừa nhoẻn miệng đáp :

— À, tôi đẽo cái « vừa do ».

Từ đó tít, kể qua người lại, không thấy ai hỏi làm gì nữa, mà người thợ được ngồi yên, làm chu-tất xong cái cày.

GIÒI TỐC, GIÓ RUNG

Xưa có bà sư, một hôm đi làm đám về gặp một cụ già bồng một đứa con gái độ hai ba tuổi. Bà sư mua đứa con gái về nuôi để sau nó hầu-hạ đỡ dần trong chùa.

Khi cò ả nhớn lên độ mười lăm, mười sáu, nhan-sắc đã hơn người, mà thông-minh cũng tuyệt vời không kém ai.

Trong làng có người học trò đi học, ngày ngày thường ngồi nghỉ mát dưới gốc hai cây gạo vừa to vừa cao ở trước cửa chùa.

Có một buổi, anh ta đang ngồi nghỉ mát thấy cô bé nhan-sắc kia ra hái hoa.

Anh ta nói đùa một đôi câu.

Cò con gái chẳng đáp sao, chỉ hát rằng :

Em như hoa gạo trên cây

Anh như cái đám cỏ may giữa đưng

(1) Đẽo chiếc đĩa, đẽo chia vôi, đẽo đến cả cái tằm xỉa răng, anh thợ đáp thế, mà thiên-hạ chưa nghe rõ, vẫn còn có người bói!

Người học-trò biết nó hát chọc, mới hát lại rằng :

Một mai giời tốc, gió rung

Hoa gạo nhầy xuống nằm cùng cỏ may.

Hát xong, anh học-trò giở về nhà, cô con gái giở vào chùa, hai bên từ đó không có tình ý gì với nhau cả.

Cách độ sáu bảy năm, người học-trò đi thi đỗ.

Bao nhiêu nhà giàu tấp-tềnh muốn đem con gái gởi gả.

Nhưng ông tân-khoa chưa quyết-định nơi nào cả, thì có một đêm, ông nằm chiêm-bao thấy một ông-lão vào nhà, đến tận đầu giường gọi mà bảo rằng :

Cây gạo ! Cây gạo !

Bách niên giai lão !

Ông chợt tỉnh dậy, ngồi suy nghĩ một chốc sực nhớ ngay đến lúc còn đang đi học, ngồi nghỉ dưới gốc hai cây gạo. Tại ông lại còn văng-vẳng như nghe thấy tiếng người con gái hái hoa trong chùa đối-đáp hát với ông khi xưa.

Sáng dậy, ông cho đi dò, thì người con gái vẫn còn ở chùa.

Ông liền vào thưa với cha mẹ đầu đuôi câu truyện và xin cho người đến dạm.

Bà sư bằng lòng ngay, mà cô ả lại càng bằng lòng lắm.

Hôm cười, trước đông đủ cả hai họ, bà sư có vịnh một bài thơ mừng rằng :

Cỏ nhờ đất cứng, êm chân tựa,

Hoa được mưa chan, mĩm miệng cười.

Cỏ xóm lòng hoa, hoa đợi cỏ,

Ba sinh âu hửn cũng duyên giời.

Hôm nhị-hỉ, bà sư đỡ tỉnh đỡ say, nói đùa rằng :

— Ai biết đâu chốn am thanh, cảnh vắng này mà lại có đầu đề về nhị hỉ.

Vợ ông tân-khoa nửa vui, nửa thẹn, nói rằng :

— Bạch thầy, cũng nhờ có giời tốc gió rung mà chúng con mới được có ngày nay.

NINH ĐỜI

Xưa có một anh có tính hay phò nịnh, đi đến đâu, gặp ai là tâng bốc người ấy lên tận trời xanh, mà đim người khác đến tận đáy biển.

Một hôm, trước anh ta vào hàng mật thì anh ta khen mật rằng :

*Mật này ngọt đã lạ đời,
So vào với mía gấp mười gấp trăm.*

Sau anh ta vào hàng mía thì anh ta lại tán mía rằng :

*Mật đâu dám sánh mía này,
Vừa ngon, vừa ngọt, vừa dai, vừa giòn.*

Có người nghe thấy, giễu anh ta rằng :

— Rõ cái nhà anh ! đi với mật thì mật ngọt, đi với mía thì mía ngon.

CON KHÁ HƠN THẦY

Xưa có ông thầy học lười-nhác có tiếng, đến nỗi không có một tên học-trò nào cả.

Nhưng quái lạ ! một hôm, lại có một anh đem giàu cau đến xin vào học.

Thầy bảo :

— Nhà ta không có án-thư, con xem nhà ai có, mượn tạm một cái đem về đây để ta làm lễ Thánh.

Anh học-trò trình lại thầy rằng :

— Con không biết mượn án-thư vào đâu bây giờ. Để con xin cúi khom lưng xuống làm cái án-thư, cho thầy đặt giàu cau lên, thầy khẩn Thánh cũng được.

Thầy nghe nói bật cười, chấp tay vái trò, bảo rằng :

— Thế thì con khá hơn thầy nhiều rồi. Con không cần phải học thầy làm gì nữa.

NGƯỜI HỌC TRÒ MUỐN ĐẬU

Xưa có người học-trò học thì dốt, mà đi thi, chỉ mong những đậu. Nhưng đậu sao được. Khoa này khoa khác, mong đậu mãi-mãi, mà khoa này khoa khác mãi-mãi cứ hỏng.

Người học-trò nghĩ mình sức học sánh với kẻ đậu, cũng có kẻ thua, mà sao người đậu, mình lại không đậu. Nghĩ rồi, giận lắm, người ấy làm sớ kiện tại Thiên-đình.

Ngọc-hoàng bèn cho đòi lên để khảo-khóa.

Lúc hỏi đến việc mây mưa, sấm sét thì anh ta ù-ù cạc-cạc chẳng biết tí gì.

Ngọc-hoàng phán rằng :

— Sức học như thế, muốn những đậu là có làm sao ?

Người học trò nại rằng :

— Hỏi những việc ấy, chẳng những tôi không biết, cho những kẻ đậu rồi cũng không thể nói được.

Ngọc-hoàng không tin, cho đòi những kẻ đã đậu lên hỏi, thì quả-nhiên cũng không ai nói chôi chẩy được cả.

Người học-trò thấy vậy, kêu rằng :

— Đấy, thế mà họ cũng đậu sao tôi đây không đậu ?

Ngọc-hoàng xét nhờ nó kêu, có phần oan thật, bèn phán rằng :

— Sự đã nhầm lẫn. Ở thời có phải mày muốn đậu thì để tao cho mày được đậu luôn.

Rồi Ngọc-hoàng liền hóa kiếp cho làm con chim.

Con chim sáng đậu nơi này, chiều đậu nơi khác, khi đậu cành nọ, lúc đậu cành kia, lúc nào cũng cứ đậu luôn mãi. Trước không được đậu tí nào, mà nay được đậu cả tháng, cả năm, hờn người học-trò uốn-éo nhỡn-nhờ, lấy làm vui sướng lắm. Thường ngày cứ đậu trên cây riu-rit mà hát rằng :

Đậu CỬ Tú, như chim đậu,

Rằng đậu thấp, hay đậu cao.

Chớ đậu cành tao mà cáo tha mất :

Nhưng lúc đặc chỉ đậu trên cây cao chim ta nhòm xuống, thấy bọn CỬ, Tú, Thám-hoa, Bàng-nhãn mà đậu, thì người ta

gieo tiền, vớt bạc ra mua thật là quý giá, đắt hơn tôm tươi. Mà nó đậu, thì chẳng thấy ma dai nào đưa tiền, đưa bạc lại mua nó cả. Nên nó nghĩ đậu như thế, chưa lấy gì làm thỏa.

Tức quá, nó lại làm sớ lên Thiên-đình kêu rằng :

— Đậu mà không có người mua thì cũng như không đậu. Xin Ngọc-hoàng hóa kiếp làm sao cho nó đậu mà có kẻ chuộng, người mua thì không mang tiếng rằng đậu mà không có giá.

Ngọc-hoàng theo nhời tâu lại hóa kiếp cho nó làm cây đậu.

Lúc cây đậu có quả chín, hái về, kẻ bán thì tìm khách rao : « Ai mua đậu ra mua ». Người mua thì tìm đến hỏi : « Tôi mua một đấu đậu, một thùng đậu ».

Cây đậu thấy kẻ bán, người mua tấp-nập, trao đi đổi lại luôn tay, lấy làm vui thú, lắm lúc nhờ luồng gió, mà reo lên rằng :

*Đậu Cử. Tú như cây đậu.
Rằng đậu như đậu tháng ba,
Người ta đậu trên bảng,
Như chim đậu trên cây,
Con phượng đậu cây ngó,
Con đạ đậu cành đạ.
Khác gì đậu Cử, đậu Tú,
Đậu Bảng-nhãn, đậu Thám-hoa.*

Nhưng được ít lâu, cây đậu nhận ra rằng :

— Người ta mua người đậu, thì kính trọng nhường bao, nào đón rước, nào lễ mừng, nào gả con, nào trao quyền, nào lại được ăn trên, ngồi trước, mà mình cũng đậu, thì cảnh người ta đem đốt, hột người ta đem nấu, bung rừ nát bét, nghĩ mà khổ thân. Cho nên thật cũng gọi là đậu, mà ta đậu khốn đậu khổ, chứ không phải đậu sung đậu sướng.

Nó nhận ra thế, lại làm sớ lên tâu với Thiên-đình. Nhưng quá lắm ! lần này Giời quở mắng đuổi đi, rồi Giời đóng cửa không cho vào nữa.

Thế là đành phải giữ cái kiếp cũng là được đậu, nhưng mà *đậu đen*, không còn biết phàn nàn kêu-ca vào đâu cho được.

HỌC VĂN HAY HỌC VÕ

Xưa có một người có hai vợ. Hai vợ sinh được mỗi người một đứa con gái, mà hai đứa cùng một tuổi.

Khi hai con cùng lên bảy, cha muốn cho đi học, nhưng còn do dự chưa biết nên cho đi học Văn hay học Võ.

Có một ngày, hai anh em đang cùng với cha đứng chơi ở trước cửa, chợt có con chích-chòe đậu trên cây gần đấy, riu ra riu rít kêu vui lắm.

Cha muốn thử hai con mới bảo rằng :

— Hai anh em mày ra lắng tai nghe xem chích-chòe nó nói gì thế ?

Rồi một chốc gọi vào, hỏi thẳng anh :

— Mày nghe thấy chích-chòe nó nói những gì ? »

Anh thưa rằng :

— Con nghe nó nói : *Chi mi ! chi mi ! lại đây ta đánh với mi ni* ».

Xong, lại hỏi thẳng em :

— Còn mày, mày nghe thấy chích-chòe nó nói gì ?

Em thưa rằng :

— Con nghe nó nói : « *Tri chi, vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri* » (1)

Hồi lâu, con chích-chòe vẫn còn chí-cha chí-choét kêu mãi.

Cha lại bảo rằng :

— Hai anh em mày lại thử ra xem chích-chòe nó còn kêu gì mãi thế ?

Hai anh em lại chạy ra nghe một lúc, mới giở vào.

Cha lại hỏi thẳng anh :

— Nào, bạn này, mày nghe chích-chòe nó nói gì nào ?

Anh thưa :

— Nó nói : « *Lếu láo ! đánh bễ óc. Lếu láo ! đánh bễ óc* ».

Xong, lại hỏi thẳng em.

(1) Câu trong Luận ngữ :

« *Biết đấy, làm biết đấy, không biết làm không biết, là biết vậy* ».

Em thưa :

— Nó nói : « Thiếu tiểu tu cần học ! Thiếu tiểu tu cần học ! (1) » .

Cha nghe đoạn, không còn nghi-ngờ, quyết chí cho thằng anh chuyên học nghề võ, thằng em chuyên học nghề văn.

Quả nhiên sau hai anh em nó học cùng thành nghề, cùng làm nên quan to, anh giỏi võ thì em giỏi văn, thật là một nhà văn võ kiêm-toàn vậy.

TAM ĐẠI CON GÀ

Xưa có anh học-trò học-hành dốt-nát, nhưng cái trò đời « xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ », đi đâu anh ta cũng khoe-khoang lên mặt chữ nghĩa tài giỏi lắm.

Có người tưởng anh ta hay chữ thật, đón về nhà để dạy trẻ.

Một hôm dạy thằng con nhà chủ học sách « *Tam thiên-tự* », sau chữ « tước » là sẻ, đến chữ « kê » là gà, thầy ta — đã lên mặt là thầy, — thấy cái chữ nhiều nét khó-khăn, ngắc lại không biết dạy ra chữ gì và nghĩa ra sao cả.

Trẻ nó hỏi gấp lắm. Thầy cuống-quýt dạy nó học liều : « Dủ-dỉ là con dù-dì ». Nhưng thầy đã khôn, sợ ai nghe tiếng, bảo trẻ học sè sễ tiếng thôi. Tuy vậy trong lòng vẫn thắc-thổm.

Tối hôm ấy, nhân nhà chủ có ban thờ Thổ-công, thầy đến khấn thầm xin ba đài âm-dương để quyết xem hai chữ ấy có thật là dù-dì hay chẳng.

Thổ-công cho ba đài được cả.

Thấy vậy, thầy lấy làm đắc sách, hôm sau bệ-vệ ngồi trên giường cao, bảo trẻ học cho to tiếng.

Được thế, trẻ nó gào lên thật to rằng :

« Dủ-dỉ là con dù-dì ! Dủ-dỉ là con dù-dì ».

Bố nó đang đào cuốc ngoài vườn, nghe thấy tiếng học lạ, bỏ cuốc chạy vào xem lại sách rồi hỏi thầy rằng :

(1) Câu trong ngữ ngôn thi : Bé nhỏ nên chăm học.

— Chết chưa, chữ ấy là chữ «*ké*» là gà sao thầy lại dạy cháu nó học đủ-dĩ là con dù-dĩ?

• Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm : «*Minh đã đốt, Thổ-công nhà nó cũng đốt nữa*».

Rồi nhanh trí khôn, thầy vội nói gỡ rằng :

— Ông tưởng tôi không biết chữ ấy là chữ «*ké*» mà *ké* nghĩa là gà hay sao ? Nhưng tôi dạy cháu thế, là dạy cho nó biết tận tam đại con gà kia đấy.

Nhà chủ ngạc-nhiên hỏi :

— Thầy bảo tam đại con gà là thế nào ? Ông bà gì vậy ?

Thầy cắt nghĩa rằng :

— Đây thế này nhớ :

Dủ-dĩ là chị con công

Con công là ông con gà.

Thế chẳng phải là tôi đã dạy nó đến ba đời con gà là gì ?

Nhà chủ không biết cãi sao, vẫn phải chịu thầy là hay chữ.

Và tự bấy giờ con công, con gà, thành có họ với nhau, công là ông mà gà là cháu.

THẦY ĐỒ ĂN BÁNH RÁN

Xưa có một thầy đồ ngồi dạy học nhà người ta, một hôm, trông thấy hàng bán bánh rán mật đi qua, lấy làm thèm lắm, nhưng không dám nói.

Thầy nghĩ mãi không biết làm thế nào cho có bánh rán ăn.

Một buổi kia, nhà chủ vừa đi khỏi, thầy mới lấy ớt giã nhỏ, bỏ vào trong nước, rồi bảo tên học-trò nhỏ của thầy lấy nước ấy mà tắm. Tên học trò ngoan-ngoãn, vâng nờn thầy, đi tắm ngay. Được một chốc, người nó phát nóng và lân-mần đỏ khắp mình-mẩy.

Khi cha mẹ về thấy con thế lấy làm lo sợ hỏi thầy đồ rằng :

— Không biết cháu nó làm sao mà người nó như sốt và đỏ mần lên cả thế ?

Thầy đồ làm bộ ngo-ngác bảo gọi đứa nhỏ vào xem như thầy lang xem bệnh, rồi bảo rằng :

– Không việc gì. Thằng này mắc cái bệnh Thần-Hòn làm quái đây. Bây giờ phải cho đi mua lấy bảy đĩa bánh rán mật để tôi cúng tống thần cho nó, thì nó khỏi ngay. Nhà chủ vâng theo lời thầy, vội vàng ra chợ mua đủ bảy đĩa bánh rán, lại kèm thêm cả giầu cau hương hoa đem về, đặt vào mâm tươm-lất, rồi nhờ thầy cúng hộ.

Thầy đồ khăn áo chỉnh-tề, làm bộ nghiêm-trang ra đứng trước ban thờ đặt giữa sân, lên giọng cầu nguyện rằng :

Thần Hòn ! Thần Hòn ! (1)

Cái mình tròn-tròn,

Cái da đo-đỏ,

Làm thằng nho-nhỏ,

Nóng đêm, nóng ngày.

Tao xẻ mày ngay,

Tao nuốt mày đi.

Mau đi mau đi.

Thần Hòn ! Thần Hòn !

Khấn xong câu ấy, thầy gọi lấy đĩa, thầy sẵn ngay đĩa bánh, rồi thầy bỏ vào mồm, thầy nuốt thực.

Nuốt hết đĩa ấy, thầy lại khấn, khấn xong lại nuốt, khấn bảy lần, nuốt hết bảy đĩa bánh.

Đoạn rồi, thầy bảo đứa nhỏ ra đằng sau nhà, thầy lấy nước lạnh tắm cho nó.

Chỉ một chốc đứa nhỏ khỏi sốt, khỏi mần.

Nhà chủ khen thầy là có phép tài, mà thầy được bữa bánh rán cũng thích miệng.

(1) Hòn tức là viên tròn, cũng có thứ bánh gọi là *bánh hòn* tròn mình mà to hơn bánh rán, nhưng không tằm mật.

CỜ GIAN BẠC LẠN

Xưa có hai người kết bạn với nhau, chuyên làm nghề gá bạc. Hết cách gian lận, ban ngày, thì hai người rủ nhau đi kiếm cho được mấy con giời, ban tối thì đem bốn đồng tiền xóc cái ra, lấy mặt ngựa xát vào con giời, thì ở những nơi tối trông thấy sáng rõ lắm.

Rồi hai anh, một anh vào làm cái, còn một anh vờ vĩnh giả vờ đánh vờ năm chơi ở ngoài.

Khi hai anh đem bốn đồng tiền cái ra trình làng ở dưới ngọn đèn, làng bạc cầm lấy tiền xem, thì không thấy hình tích chi khác cả. Đến lúc tiền bỏ vào đĩa, úp bát lại mà xóc, xóc rồi đặt ra giữa chiếu, thì anh cái sẽ day bát một cái hở ra tí chút. Anh nằm ngoài liếc mắt coi mau, trong bát tuy tối om, nhưng những tiền trước đã xát giời đều sáng cả, nên chắn lẽ thế nào, là anh ta biết rõ trước. Bấy giờ anh ta mới ra ám-hiệu cho anh cái biết mà dặt lẽ hay bán chắn.

Hai người cứ thông nhau làm gian như thế, mà thành trăm cái được cả trăm, hôm nào được hôm ấy, làng bạc ham-mê, đại-dột không ngờ vực gì cả.

Chẳng bao lâu, hai người cùng trở nên giàu có hách-dịch, không ai bằng.

Nhưng cũng chẳng bao lâu, hai người bỗng cùng mắc bệnh, một người thì đau tay, một người thì đau mắt, thuốc thang chạy chữa tốn kém bao nhiêu cũng không khỏi.

Vợ hai người lấy làm lo sợ, một hôm rủ nhau cùng đi xem bói.

Thầy bói gieo luôn hai quẻ, rồi đoán rằng :

— Hai người này, tuy hai bệnh khác nhau, nhưng cùng do một chứng mà ra.

Hai người vợ hỏi :

— Thưa thầy, chứng gì ?

Thầy nói rằng :

— Chứng ma !

Hỏi rằng :

Ma gì ?

Nói rằng :

— Thứ ma lạ lắm ! *Phi-lân, phi-huỳnh, xử ảm tự mình (1)* ».

Hỏi rằng :

— Có cúng vái được không ?

Thầy đáp rằng :

— Không.

Hai người lấy làm xót-xa ngao ngán, vì đều không ngờ là trước kia chồng đi làm nghề cờ gian bạc lận, làm cho nhiều người phải thất cơ lỡ vận.

Lúc về đến nhà, người nào người nấy kể chuyện đi bói lại cho chồng nghe.

Chồng nào chồng nấy nghe rồi, tự nghĩ bụng rằng :

« Cái của cờ gian bạc lận thật là cái của phi nghĩa không ra gì ! Chẳng những mình không được hưởng thụ, mà mình lại còn mang thêm tai thêm ách nữa. Nhưng tội mình làm, mình phải chịu, biết kêu cầu vào đâu bây giờ ! »

Rồi sau hai người bệnh cứ một ngày một trầm-trọng thêm, một người thì què tay, còn một người thì đui mắt và bao nhiêu gia-tài tiêu kỳ khánh-kiệt.

LỘC GIÒI HƠN LỘC NƯỚC

Xưa có một người, kể ra, cũng tài nghề giỏi giang, nhưng tinh hay khoác-lác lếu-láo. Lúc nhỏ, anh ta thường khoe với thiên-hạ rằng :

*Ta đây chí lớn tài cao,
Trong tay lộc nước mai sau chắc rồi.*

Có người hỏi :

— Quả được thế chẳng ?

Người ấy quyết thề rằng :

— Không được thế, thì ta làm giống vật.

(1) Không phải ma chơi, không phải đom-đóm, ở chỗ tối tự nó, nó sáng.

Đến sau, tuổi đã ngoài tám mươi mà người ấy cũng chưa làm nên nghề nông gì cả.

Thiên-hạ thấy vậy, thường hát diễu rằng :

*Hoa đâu, hoa nở mùa đông.
Lộc đâu có lộc mà trông tháng mười,
Xuân thu rày ngoài tám mươi,
Già rồi hết lộc, hỏi người biết chăng ?*

Người kia nghe hát, trước còn chửa thẹn, hát lại rằng :

*Càng già, càng dẻo, càng duyên.
Ăn nhờ lộc nước, còn hơn lộc gòi !*

Nhưng sau thấy thiên-hạ diễu quá, tức mình, đập đầu vào hòn đá chết đi mà hóa làm con dê để ăn lộc.

Hóa như thế, ấy là có ý bảo cho thiên-hạ hay : Không ăn lộc nước, thì ăn lộc gòi cũng đều là lộc cả,

Nhưng hóa như thế, lại còn là tự biết mình tài hèn, sức mọn không dám đại ngôn nữa, chỉ nỗ mồm kêu được « Bé-bé ... bé » mà thôi.

NGHĨA CŨ, TÌNH NAY.

Xưa có hai vợ chồng nhà kia, chẳng may một năm chạy giặc mỗi người lạc một ngã.

Người vợ chạy trốn lên rừng, nhịn đói khổ đã mấy hôm. May gặp được anh kiếm củi đem về nhà nuôi mới khỏi chết. Rồi sau, không biết nương nhờ vào đâu, đành phải ở lại với anh kiếm củi làm vợ làm chồng vậy.

Cách đó mấy năm, loạn yên, người chồng đi tìm mãi mới gặp.

Vợ thấy, nghĩ bụng rằng :

— Bây giờ ta không về với chồng thì là bất-nghĩa ; mà ta về với chồng, thì là bất-trình,

Trong lòng lưỡng-lự không biết thế nào là phải, nàng mới hát một câu để thử xem đôi bên nghĩa cũ, tình nay, xử với nhau ra thế nào.

Câu hát rằng :

*Muốn tắm mát, lên ngọn cái con sông Đào,
Muốn ăn xim chín, thì vào rừng xanh,
Đôi tay em vít cả đôi cành,
Quả chín thì hái, quả xanh không nhẽ đùng.
Ba bốn năm nay ăn ở trên rừng,
Chim kêu, vợ hứ, nửa mừng, nửa lo,
Em chót xa chân, nhờ bước xuống đò.*

Người kiếm củi nghe hát, nói với người chồng cũ rằng :

— Thôi, bây giờ bác đã tìm thấy bác gái, thì bác đem bác ấy về. Tôi bằng lòng.

Người chồng đưa tiền bạc ra để tạ ơn người kia, nhưng người kia nhất định không chịu nhận.

Rồi hai vợ chồng đem nhau về.

KHÔNG GIẾT GIÁN

Đời xưa có người học-trò có lòng nhân-đức lắm, phạm thấy vật gì, cũng không giết chết bao giờ cả.

Giờ sai ông Bụt xuống thử hóa làm con gián, cứ tối tối, lúc anh ta ngồi học, thì bò vào đĩa dầu mà uống. Người kia cứ ngồi yên học chẳng nói làm sao, thấy dầu cạn thì lại đi lấy đồ thêm vào.

Đến kỳ thi, người học-trò ấy làm văn bài khí kém.

Quan trường cầm bút, định phê « liệt » thì tự-nhiên thấy con gián đâu bay đến đậu vào ngòi bút không sao đuổi đi được. Quan trường nói với con gián :

— Hay tao phê « thứ » nhé ?

Thì thấy con gián bay ngay lập-tức.

Ba kỳ thi đều như thế cả. Quan trường lấy làm lạ, phải chăm cho người ấy ba chữ « Thứ » mà người ấy được đỗ hiệu-sinh.

TRỌNG NGHỀ

· Có một ông, hễ động chân bước xuống đất là ròn-rén giữ gìn từng tí. Ông còn nói nhất-sinh ông không có chạy và đạp xuống đất bao giờ.

Hoặc có người tò-mò hỏi :

— Sao lại thế ?

Ông bảo :

Tại cái nghề tôi nó bắt tôi như thế.

Người kia lại hỏi :

— Thế ông làm nghề gì ?

Ông đáp :

— Tôi làm nghề coi Đất. Tôi ở đời sống về Đất. mà lúc chết đi cũng vùi xuống Đất. Tôi quý Đất cũng như cha mẹ vậy. Cho nên tôi không dám giẫm mạnh xuống đất, sợ hoặc lỡ chạm vào vía Thổ-thần, Thổ địa hay động đến long-mạch của cả làng, cả nước.

**NGƯỜI HỌC-TRÒ VÀ
CON CHÓ ĐÁ**

Xưa có người học-trò, hôm nào đến nhà thầy cũng đi qua một nơi có con chó đá. Bao nhiêu học-trò khác qua đó, thì không sao ; chỉ khi người ấy qua đó, thì con chó đá nhồm dậy như lấy làm mừng-rỡ.

Người học-trò lấy làm lạ, một hôm đứng lại, hỏi con chó rằng :

— Anh em học-trò qua đây cũng đông, sao các người khác thì mày không mừng, lại chỉ mừng riêng có một mình tao ?

Con chó đáp rằng :

— Khoa này bao nhiêu người kia không ai đậu cả. Chỉ một mình thầy thi đậu mà thôi. Số Thiên-tào đã định, nên tôi phải kính-trọng không dám khinh-nhờn.

Người học-trò thấy nói vậy, lúc về nhà kể chuyện lại cho cha mẹ nghe.

Người cha, từ đó, tự lên mặt ta đây, hống-hách với cả mọi người.

Có hôm, ông ta dắt trâu ra đồng cày, ông cho trâu giẫm vào cả lúa của người ta. Người ta nói, ông ta không thèm đáp lại.

Hôm sau, lại đưa thêm trâu, thêm người, cứ ruộng lúa của người ta bước bừa xuống, giẫm be-bét không kiêng nể gì cả. Chủ ruộng thấy thế lại kêu, thì ông ta trừng mắt, nghiêng răng, dọa-dâm rằng :

— Khoa này con ông đỗ, rồi ông xem cho chúng mày !

Chủ ruộng thấy ông nói vậy, cũng có lòng sợ, không dám lời thôi gì nữa.

Hôm sau, người học-trò đi học, qua chỗ con chó, thì không thấy nó đứng dậy nữa. Lúc về cũng vậy, nó cũng không đứng. Người học trò lấy làm khác lạ, đến hỏi con chó rằng :

— Mọi buổi tao qua đây, mày vẫn đứng dậy không sai buổi nào. Hôm nay sao mày lại không đứng dậy nữa thế?

Con chó nói rằng :

— Tại cha thầy lên mặt hách-dịch với cả mọi người, rồi lại cho trâu giẫm hại ruộng lúa của người ta, cho nên trên Thiên-tào đã gạch tên thầy đi, khoa này thầy không đỗ nữa. Nên tôi không phải kính-trọng thầy, coi thầy cũng như mọi người học-trò khác thôi.

Người học-trò lúc về nhà, đem nhờ con chó kể lại với cha.

Người cha lấy làm hối. Từ đó dẹp hết thói khoe-khoang lên mặt, rồi lại đến từ tạ người chủ rất khiêm-tốn.

Khoa ấy, người học-trò đi thi đã vào lọt mấy kỳ, mà cũng không đỗ thật.

Tuy vậy người ấy không lấy làm nản, càng chăm chỉ học-hành, mà người cha ở nhà cũng không lấy làm oán hận, càng tu nhân tích-đức để sửa tội.

Cách đấy ít lâu, người học-trò đi qua chỗ con chó đá, lại thấy nó đứng dậy mừng-rỡ như trước. Người ấy chạy lại hỏi, thì con chó nói rằng :

— Nhà thầy tu-nhân tích-đức đã ba năm nay, đủ chuộc lại những lỗi trước rồi. Nên số Thiên-tào lại định cho thầy khoa này thi đỗ.

Người học-trò nghe nói, về nhà không kể lại chuyện cho cha nghe nữa chỉ biết gia công, gia sức, cố học cho mỗi ngày một tinh thông hơn lên.

Khoa ấy, quả nhiên đi thi đỗ, mà đỗ cao hơn người nhiều.

CHÓ ĐÁ ĐỔ MÁU

Xưa có người học-trò học hành hành kém quá. Anh em đồng học, bao nhiêu người đỗ, kẻ trước, người sau, kẻ cao, người thấp. Duy có anh ta lẳng-dẳng mãi bao nhiêu năm, học chẳng thấy nhê-nhích, còn bảo mong đỗ đạt gì nữa!

Bạn bè thấy thế, thường xúm nhau lại giễu cợt anh ta.

Một hôm có kẻ ngỗ-nghịch, trước đông đủ mọi người, đến hỏi đốp vào mặt anh ta rằng :

Anh học thông-minh quá thế, thì định đến năm nào, khoa nào anh mới đỗ.

Người học trò lấy làm tức mình nhân chỗ ấy có con chó đá, trở tay vào nói rằng.

— Tôi đỗ ấy à ? Bao giờ con chó đá kia đổ máu thì tôi đỗ... Các anh hỏi làm gì...

Bao nhiêu anh em thấy người ấy nói khùng, cười ầm-ầm ộ cả lên.

Ngay lúc ấy, lại có người học-trò khác tinh nghịch, lấy miếng giầu ăn, rồi lén ra nhổ một bãi quyết giầu tưng vào con chó đá.

Xong, lại giở lại chỉ con chó đá, gọi các anh em, mà bảo rằng :

— Kia các anh ! Các anh kia : Chó đá đã đổ máu kia kia, khoa này anh ấy đi thi, chắc đỗ mười mười.

Bao nhiêu anh em lại được một trận huyên-náo cả trường, ai nấy vừa cười vừa nói :

— Ừ mà thật con chó đá đổ máu, đổ máu thật! Khoa này anh ấy chẳng đỗ thì còn ai đỗ vào đấy!

Nào ngờ nhời nời chơi, nói đùa thế mà thiêng! Người học trò, khoa ấy vào thi cổ số đỗ thật. *do phần ai cũng phần*

Ba kỳ đầu vào, kỳ nào cũng gặp được bài cũ. Đến kỳ phúc-hạch, bài không làm được câu nào, tưởng đã hỏng cả mười phần. Nhưng may sao, bỗng ở lều bên, có ông Tú hỏi mượn quyển văn người ấy đưa cho mượn rồi nói với ông Tú làm gà hộ bài. Ông Tú vốn người hay chữ, vui lòng làm giúp. Thành người ấy vào lọt cả kỳ đệ tứ, và đến lúc sừng danh; được đỗ cử nhân thứ hai.

Bạn bè bấy giờ không ai chế nhạo nữa. Lắm anh thi hỏng thì thảo bảo nhau rằng:

« Học tài thi phận thật! Anh này thật nói ngáp mà gặp phiên chợ ».

DỐT HỌC CŨNG THÔNG

Xưa có hai người bạn thân với nhau: một người hay chữ, một người dốt đặc.

Hễ hai người đi chơi đâu, thì người hay chữ nói năng văn hoa, địa-lý ai cũng phải kinh, phải phục. Trái lại người dốt đặc không nói được câu gì, mà thấy ai nói gì, là cũng chịu tho trước.

Người hay chữ lấy thế làm then, nghĩ bụng « xấu chàng hồ ai », mới khuyên người kia nên đi học.

Người kia không chịu đi, thoái-thác rằng:

— Tôi đành phận hèn, vì trí tôi mờ, dạ tôi tối, học làm sao được!

Bạn nhất định không nghe, cứ đưa đi tìm thầy học.

Khi đi giữa đường, thấy một cái suối nước chảy rì-rì, người hay chữ mới trở tay hát một câu để dạy bạn rằng:

*Nước trong hòn đá chảy ra,
Ban đầu nhỏ-nhỏ dần dà lại to*

Bạn nghe hiểu ý, tự đó lập chí học hành. Rồi không bao lâu, võ ngu, mở trí, thông-thạo việc đời và trở nên một người giỏi có tiếng.

Ai bảo rằng có chí mà không nên !

SÁNG MẮT RA

Xưa có ông nhà giàu, có ba đứa con giai, đứa nào cũng ngu-si dốt-nát, chữ nhất là một cũng không hay.

Đến lúc gần về già, ông vận tiền bạc đi mua cả một bè sáng-lê về cất cho ba cậu, mỗi cậu một tòa nhà nguy nga lộng-lẫy.

Một hôm, có ông bạn đến chơi. Ông đem đi xem khắp cả ba tòa nhà, khoe đi khoe lại rằng đẹp, rằng làm tinh bằng gỗ sáng-lê cả.

Ông bạn lấy nhẽ phải chăng, bảo rằng :

« Chăng có gì đẹp, cũng chẳng có gì sáng !

Ông không nghe câu tục-ngữ người ta nói : « *Khôn con hơn khôn của* » hay sao ? Tôi xem như ba đứa con ông ngu-si, dốt nát là thế, thì tuy làm gỗ sáng-lê cũng chẳng được sáng đâu. Ông sao không kíp rước thầy về cho chúng nó học hành, sáng dạ nó ra, sáng mắt nó ra, sáng mắt nó ra, chẳng bằng mười, bằng trăm cái gỗ sáng-lê của ông ấy ru ! »

Ông kia nghe nói tỉnh-ngộ, liền đón thầy về cho con học.

TÀI VỚI HỌC

Xưa có hai người ở cùng làng với nhau.

Một người thì học-hành sáng láng, thuộc sách hay văn, mau tay, tốt chữ. Nhưng phải cái tính thường hay rượu chè hoang-đoàng, chơi nhiều học ít.

Còn người kia thì học rất ngu-dốt tối-tăm, nhưng được cái chuyên-cần không ai bằng, học ngày, học đêm, thật là canh một chưa năm, canh năm đã dầy.

Hai người thường lấy việc văn-chương ganh đua hơn kém, mà bất-bình với nhau luôn. Rồi cứ tức khí nhau mãi thành chẳng bao lâu hai người mắc bệnh cùng chết, hồn hóa lên trời.

Hồn người học tối lấy làm uất-ức hơn, liền làm cái đơn để kiện người học thông-minh tại trước Ngọc-hoàng. Đơn rằng :

« Tôi vốn học hành chuyên-cần, sao Trời không phú cho tôi cái khiếu thông-minh. Nó thường chơi-bời ít học, sao Trời lại phú cho nó cái khiếu thông-minh ? Xin Ngọc-hoàng lượng cả soi-xét cho tôi được nhờ bề nào chẳng ».

Ngọc-hoàng chấp đơn và cho đòi hồn người thông-minh đến.

Rồi Ngọc-hoàng truyền cho cùng ngồi và ra cho một câu, bảo hai người cùng vịnh, xem tài ai hơn kém.

Câu xuất-đề của Ngọc-hoàng rằng :

« Chúng tinh chi minh, bất như nhất nguyệt chi quang (1)

Người thông minh liền phú một câu, đưa lên nộp trước rằng :

« Trong vòng hơn với thiệt,

« Ngang vẻ nhỏ cùng to (2)

Người tối dạ phú một câu, đưa lên sau rằng :

« Kể chi ba vạn chiếc,

« Sánh lại một vòng tròn (3) ».

Ngọc-hoàng xem đi xem lại hai câu, rồi phán rằng :

— Ta cân nhắc văn của hai người, thì thật khó phân cho ai hơn, ai kém. Ta không riêng chỉ ai. Ta cho hai người văn cùng ngang nhau, nghe được cả. Một bên mà có tài tự nhiên, thì một bên cũng có học lồi-lạc. Thôi cho hai người lại giở về dương-gian, và từ giờ phải hội-họp cùng nhau và giúp đỡ bao bọc lấy nhau, không được lồi-thời gì nữa. Đừng có tài cậy tài, mà học cậy học. Có tài không học cũng hư, mà có học không tài cũng kém.

(1) Bao nhiêu sao tổ không bằng một mặt giăng sáng.

(2) Ý nói : hơn gì, thiệt chi cũng là ở trong vòng, cũng cùng sáng thì cùng ngang vẻ nhau.

(3) Ý nói : làm át cả đời, như mặt giăng làm át các ngôi sao vậy.

KHÔNG ĂN BÍ

Xưa có một nhà hai vợ chồng ngồi ăn cơm, có bát canh bí, người chồng nhất định không ăn.

Vợ lấy làm lạ, hỏi :

— Sao mà không ăn ?

Chồng nói :

— Quả ấy là tên húy cha ta trước, nên ta không ăn.

Vợ tạ rằng :

— Tôi không được biết, xin tha thứ.

Được ít lâu, một hôm, người chồng ra ngoài ruộng, sai đầy tớ giồng nhiều bí lắm.

Lúc về nhà, vợ hỏi :

— Hôm nay ra ruộng giồng cây gì thế ?

Chồng nói :

— Ta giồng bí !

Vợ lấy làm lạ, hỏi :

— Trước kiêng không ăn, thì giồng làm gì ?

Chồng đáp :

— Ăn thì không nỡ ăn. Nhưng ta giồng lấy quả bán cho người ta, thì có can gì. Vả chẳng, ta giồng cây ấy, khi thấy nó khai hoa, kết quả tốt tươi, thì ta coi cũng như cha ta phảng-phất vẫn còn sống vậy.

Vợ lại tạ rằng :

— Như thế thì có hiểu thật ! Xin giới chứng lòng cho.

Sau có người làm câu hát khen người ấy rằng :

*Ăn quả thì nhớ đến cha,
Giới xanh thầu đến, ắt là chứng tri.*

LUON NGẮN, CHẠCH DÀI

Xưa có một người dạm một đứa con gái trong làng đã hai ba năm mà chưa được cưới.

Sau nghe có một người làng khác cũng đến đám, và nhà gái ra giọng đậm-dà hơn, vì đám này có nhẽ giàu hơn đám trước.

Nhân một hôm, cha đưa con gái có tiệc mừng thọ, anh đám trước đem đến lễ mừng một sáu nửa chạch, nửa lươn.

Mọi người đều lấy làm lạ, hỏi nhau nó đem lươn, đem chạch đến mừng là có ý gì.

Sau có người trong họ, nói rằng :

— Nó đưa lươn, chạch đến là nó có ý bảo :

*Xin đừng ra dạ bắc nam,
Mà chê lươn ngắn, mà tham chạch dài.*

Lại có người nữa tán rằng :

— Hay nó bảo :

*Công anh bắt tép, nuôi lươn,
Lươn ăn cho béo, lươn truồn xuống sông.*

Rồi trong nhà, trong họ bàn nhau, khi tiệc hạ thọ xong, phải cho nó cưới, không dám để lòi-thôi nữa. Vì tay nó đã biết đem lễ thế không phải là tay vừa.

CON ĐẾ, CON NUÔI

Xưa có một ông tên tục gọi là ông *Chép*. Trước không có con, ông nuôi một đứa bé mồ-côi làm con nuôi.

Sau, nhờ giới, ông lại sinh được một đứa con gái.

Lúc hai ông bà mất thì hai đứa con đã khôn lớn cả. Nhưng đứa con nuôi tinh khôn hơn, thành xưa có bao nhiêu của-cải ruộng-nương là nó tranh phần lấy hầu hết, không để cho thằng con đẻ được mấy tí. Họ-hàng thì không còn ai để phân-xử, mà xóm-diềng cũng chẳng có ai để ý đến. Thằng con đẻ thấy anh làm quá nhất-định không chịu.

Hai anh em đem nhau lên quan kiện.

Quan hỏi :

— Chúng mày anh em một nhà, sao lại bất-hòa, bất-mục đem nhau đến chốn tụng-dình như thế ?

Thằng con đẻ khai rằng :

— Bẩm Quan lớn, anh ấy kể gọi là anh con, nhưng anh ấy chỉ là con nuôi, con đây mới thật là con đẻ. Đáng nhẽ cái phần con đẻ thì phải hơn con nuôi, mà bây giờ anh ấy lại tranh hết cả phần của con, thật là ức lắm. Xin quan lớn đèn giới soi-xét.

Thằng con nuôi khai rằng :

— Bẩm Quan lớn, con đây mới thật là con đầu lòng của ông con sinh ra. Chớ em nó chỉ là con nuôi thêm sau này thôi. Con là anh phải giữ giỗ tết nên phần hương-hỏa con lấy nhiều là phải.

Quan không rõ bên nào khai thực, chưa biết xử ra sao, hãy tạm đuổi cả ra ngoài, bảo rằng :

— Rồi ta sẽ xét.

Đoạn, Quan mật sai người ra dọn cơm cho hai anh em nó cùng ăn.

Trong mâm, so sẵn hai đôi đĩa, mà đôi nào cũng để lộn đầu lộn đuôi như nhau.

Lúc hai đĩa ngồi vào mâm, Quan đứng lên trông, thì thấy đĩa con đẻ giở đầu đĩa cẩn-thận rồi mới ăn, còn đĩa con nuôi chẳng kịp nhìn đến đĩa, cứ cầm gấp-gấp và-và luôn.

Quan trông thấy, nghĩ bụng : « Thằng biết giở đầu đĩa là đĩa ăn ở tiệm-tất, chắc là con đẻ ; còn thằng không biết giở đầu đĩa là đĩa tham tàn, chắc là con nuôi rồi.

Tuy vậy, quan vẫn làm thinh chưa nói gì, bắt đợi lại buổi nữa để hầu kiện.

Chiều đến, Quan lại mật sai người dọn một bữa cơm khác cho hai anh em nó ăn với nhau.

Trong mâm có hai đĩa cá : một đĩa cá chép ngon lành, và một đĩa mấy thứ cá vụn nhỏ, không lấy gì làm ngon.

Lúc hai đĩa ngồi ăn, Quan lại đứng lên xem, thì thấy thằng con nuôi vọc vào đĩa cá chép ăn mãi, còn thằng con đẻ, chỉ ăn đĩa cá vụn thôi.

Quan thấy thế lấy làm lạ, thằng ngay công đường, sai lính cho đòi cả hai anh em nó lên hỏi rằng :

— Tao thấy chúng mày ăn cơm có hai đĩa cá, mà mỗi đĩa lại ăn một đĩa, là nghĩa làm sao ?

Rồi Quan lại hỏi riêng thằng con đẻ rằng :

— Thằng kia sao mày không ăn cá chép ?

Nó thưa rằng :

— Bẩm lạy quan lớn, xưa nay con vẫn kiêng không ăn thứ cá ấy, vì tên tục cha con là Chép.

Còn thằng kia nin, không nói được ra sao cả.

Quan nghe xong, giảng-giải mọi điều phân minh, rồi sai lính đánh thằng nhớn tuổi bắt phải khai cho thực. Bấy giờ nó mới chịu thú nhận nó là con nuôi, chớ không phải con đẻ của ông cụ Chép.

MẮT GIỖ, BỒ CAU

Xưa có một anh thấy nhà bên láng-giềng có giỗ, mổ gà, mổ vịt linh-đình. Anh ta tưởng bụng thế nào nó cũng mời mình. Nhưng đợi lâu, chờ mãi cũng chẳng thấy nó sang mời.

Chắc nó quên, anh ta mới lập ra cái mẹo rằng :

Anh ta chặt một cây cau cho nó bỏ sang nhà ấy, rồi anh ta sang vác cau về, hoặc nó nhớ đến mà mời chẳng.

Cau đã chặt rồi, anh ta tất-tả chạy sang nhà láng giềng. Họ hỏi :

— Bác đi đâu ?

Anh ta nói :

— Tôi có cây cau nó bỏ sang bên này, tôi sang tôi xin.

Họ bảo :

— Vâng, bác cứ lấy về.

Rồi chỉ chào hỏi qua loa, anh kia tha hồ đà dận, cũng chẳng thấy họ mời giàu nước, cỗ bàn gì cả.

Nghĩ giận thân, anh kia vác cau ra về, vừa đi vừa phàn-nàn.

— Rõ thật : « *Đã mất đám giỗ, lại bỏ cây cau !* » Câu này sau thành câu tục-ngữ.

ĐI LỪA TIỀN CƠM

Xưa có hai người cùng nhau đi chơi xa, đến lúc giờ về, hết cả tiền, không biết làm thế nào cho có ăn.

Hai người bàn soạn, lập mẹo với nhau, rồi vào hai hàng cơm gần nhau, bảo dọn cơm ăn.

Một người ăn ở hàng bên, xong trước đứng dậy bảo :

« Á, tôi hãy sang bên này, xin anh kia một miếng giầu ». Rồi sang hàng bên kia, giả vờ xin giầu, cầm luôn khăn gói của anh kia cầm đầu chạy.

Anh kia thấy thế kêu ầm lên.

« Á mày giật khăn gói của ông, ông phải bắt mày cho được mới nghe ». Nói rồi, người kia giả ù-té đuổi theo.

Hai nhà hàng ra nói chuyện với nhau, chỉ trách một đứa cướp giật và một đứa bị cướp giật, chớ không nghĩ rằng chính mình bị hai người ấy nó lừa, nó không giả tiền cơm (1).

Đến lúc nghĩ ra, thì hai người kia đã mất hút tự đời nào không đào đầu cho thấy nữa.

VẠC, CỜ

Xưa có người học trò đói quá không biết lấy gì mà ăn.

Một hôm phải đến hỏi mượn hàng cơm một cái vạc, rồi đem đi bán quách lấy tiền để độ nhật.

Nhà hàng lâu không thấy mang vạc giả, cho người đến đòi.

Người học-trò liền đi kiếm hai con cò đưa đến, khất để cho ít nữa.

Nhà hàng sau đợi đến năm bảy tháng, cũng không thấy giả, mới đem việc lên kiện tại quan.

Quan cho đòi người học-trò đến hỏi. Anh ta thưa rằng :

— Tôi mượn bác ta có một vạc mà tôi đã giả đến hai cò rồi. Bác ấy còn đòi gì nữa.

(1) Cái trò văn thế : Việc người thi sáng, việc mình thi quáng.

Nhà hàng nói rằng :

— Nguyên vạc của chúng con là vạc *đồng* kia a ! .

Người học-trò nói :

— Thì cò của chúng tôi cũng không phải cò ở *trong nhà* !

BÁT VẠN LÀ QUẢ ỚT

Xưa có một người tính hay ăn ớt, bữa cơm nào, ít ra cũng phải có một quả ớt.

Một hôm người ấy đi đánh tổ-tôm mãi không ù. Sau được ván bài lên tay tốt lắm, chờ bạch thủ bát vạn lên, thì ù thập-hồng-lèo.

Nhưng bát vạn chờ mãi chẳng thấy đâu, nhà cuối cánh lại ù quân khác mất.

Uất quá, anh ta về nhà vẫn mơ tưởng luôn đến *bát vạn*.

Lúc vợ nó dọn cơm bung lên, anh ta vừa trông vào mâm, đã quát ầm cả lên rằng :

Ớt đâu ? Ớt đâu ? Sao không có ?

Vợ nói :

— Tưởng cái gì khó, chớ ớt thì « *bát vạn, bát vạn* »

Anh kia nghe nói *bát vạn* mừng quỳnh, miệng thì nói to : « *Phồng đấy !* », tay thì đập mạnh xuống như ném quân bài, thế nào trong mâm có cái gì vỡ đổ loảng soảng cả.

Thành anh ta mất cả ăn lại bị vợ nó mắng cho.

Và cũng thành từ đó, đánh tổ-tôm người ta hay gọi đùa quân bát vạn là « *Ớt hay quả ớt* ».

MÈO LẠI HOÀN MÈO

Xưa có một ông nuôi một con mèo, nghĩ con mèo của mình khôn ngoan, tài giỏi không ai có nữa, mới đặt tên cho nó là con « *Giời* »

Một hôm, có người đến chơi, thấy sự lạ, hỏi ông ấy rằng :

— Sao ông lại dám gọi nó là con Giời ?

Ông ta đáp :

— Con mèo của tôi quý hóa có một, gọi nó là con mèo không được. Phải gọi là con « Giời » mới xứng đáng, vì không ai hơn được Giời...

Người kia nói :

— Thế mây chẳng che được Giời là gì !

Ông ta bảo :

— Thì tôi gọi nó là con *Mây*.

Người kia lại nói :

— Thế nhưng gió lại đuổi được Mây !

Ông ta lại bảo :

— Thì tôi gọi nó là con *Gió*.

— Thế nhưng thành lại cản được gió !

— Thì tôi gọi nó là con *Thành*.

— Thế nhưng chuột lại khoét được thành !

— Thì tôi gọi là con *Chuột*

— Thế nhưng mèo lại bắt được chuột !

Ông kia nghĩ rồi bảo :

— Thì tôi lại cứ gọi nó là con *Mèo* như trước vậy.

Người kia vỗ tay, cười xòa :

— Thế có phải là : « *Mèo lại hoàn mèo* » « như câu tục ngữ ta vẫn thường nói không ? »

LÁ HÚNG ! LÁ HÚNG

Một hôm, có ông sư vào chơi một nhà giàu trong làng.

Mấy con chó trong nhà nó chạy ra, nó sủa ầm-ỹ.

Nhà sư giả làm không biết giống chi, hỏi nhà chủ rằng :

— Nhà ông nuôi giống chim gì mà nó hót nghe hay quá !

Nhà chủ tưởng nhà sư xưa nay chưa từng biết chó là gì thật, cũng nói chiều rằng :

— Bạch người, giống chim ấy ở đây nhiều lắm. Chúng tôi nuôi nó để lúc khách đến chơi, nó hát cho vui nhà.

Nhà sư ngồi chuyện-trò lúc lâu, rồi nói với nhà chủ rằng :

— Chúng tôi ở trên chùa am thanh cảnh vắng, xưa nay chưa có giống chim nào như giống chim của nhà ông ban nãy. Dám xin ông mở lòng từ-thiện cúng nhà chùa một con. Chúng tôi đem nó về, chúng tôi nuôi để nó hát cho vui chùa thì thực là quý hóa lắm.

Ông chủ nghĩ bụng, một con chó cũng chẳng bao nhiêu, không nhẽ chối từ, mới sai thằng đầy tớ lấy dây buộc một con chó dắt đi theo nhà sư.

Đi được một lúc, nhà sư bảo thằng đầy tớ rằng :

— Thôi cho anh về, kéo phiến lòng anh ra. Anh đưa con chim ấy đây, tôi dắt nó cũng được rồi.

Chó nó thấy người lạ, nó không chịu đi, cứ co dây giăng lại.

Nhà sư cố sức kéo dây đi, vừa đổ mặt tia tai, vừa mắng dõn con chó rằng :

— Có đi không thì... lá húng, lá húng !

Thằng đầy tớ nghe rõ, đem câu chuyện về kể lại với chủ.

HAI VỢ CHỒNG ANH THẦY BÓI

Xưa có người thầy bói chưa vợ, nghe thiên-hạ đồn trong làng kia có cô con gái đẹp, mà chưa chồng. Người thầy bói mới lần mò tìm đến tận nhà ấy, vào xin ở trọ một đêm. Thầy dụng tâm giở bói toán ra thế nào, mà lừa được người con gái ấy phải bùa mê hoa-nhài. Rồi người con gái đâm ra mê thầy và theo ngay thầy về làm vợ. Song giỏi làm người con gái, sắc tuy có đẹp, nhưng lại phải cái tật nặng tai nghe không được rõ. Chồng dui, vợ điếc, thật đã xứng đôi !

Có một hôm, hai vợ chồng đem nhau ra chợ bói.

Khi qua đường, gặp một đám ma ở đầu làng kia đi lại.

Vợ thấy, nói với chồng : « Ồi chao cái đám ma to ! biết bao nhiêu cò quạt ».

Chồng mắng : « Cờ quạt đầu mà cờ quạt ! chỉ có chuông trống đánh inh-ỏi ».

Vợ cãi : « Chuông trống đầu mà chuông trống ! cờ cầm nhan nhản như thế kia, không trông thấy lại còn nói láo ».

Chồng cãi lại : « Thì mặc cờ với quạt mây ! Tao nghe thấy chuông trống, thì chỉ có chuông trống thôi.. »

Hai vợ chồng cứ cãi nhau rồi đến đấm-dá nhau ầm-ỹ cả đường.

Có người qua đó, thấy thế vào can, rồi hỏi tại sao. Hai vợ chồng đem chuyện ra kể lại.

Người kia nghe rồi, bật cười bảo rằng :

— Thôi tôi xin cả hai bác. Câu chuyện này thật tại anh, tại ả, tại cả đôi bên. Bác gái tôi thì dui nên không trông thấy cờ. Bác gái tôi lại điếc nên không nghe thấy trống. Mà thực ra thì cái đàn ma kia có cả cờ lẫn trống, cờ bay phấp-phới, mà trống đánh inh ỏi, người sáng mắt, sáng tai ai cũng vừa trông, vừa nghe thấy cả... Thôi hai bác nghe tôi, hai bác đi bó đi, còn hơn là đứng đây mà cãi nhau, đánh nhau mất buổi chợ.

Bởi chuyện này, sau mới có câu hát rằng :

*Thăm thăm hoa nhài,
Chồng dui vợ điếc, kém ai trên đời.*

THẺNG BỌM CÓ CON NGỰA

Xưa có một thằng Bọm chỉ có một con ngựa, mà đi lừa hết người nọ, đến người kia.

Thoạt-tiên, một hôm nó cưỡi ngựa ra đường, thấy một người đàn bà đi chợ, nó đến nói với người ấy rằng :

— Chợ trưa, đường xa, chị đưa tôi một quan tiền, tôi cho mượn ngựa đi chóng tới, mà khỏi mỏi chân.

Người đàn bà thấy nói, bùi tai nghe.

Thằng Bọm lấy tiền xong, nhảy lên ngựa tể liền, để người đàn bà đứng trợ đẩy, tiền đành mất mà ngựa không được cưỡi.

Lại một hôm, Bọm ta giắt ngựa qua nhà ông bá-hộ, nghe lỏm thấy ông đang bàn với bà rằng :

— Ta bây giờ già-nua tuổi tác. Ước gì có ai bày cho ta được cách có ăn mà không phải làm, thì ta gả đứa con gái cấm cung của ta cho.

Bọm nghe rõ, về đi mượn một đĩnh vàng, rồi hôm sau, dắt ngựa qua vườn ông bá-hộ. Con ngựa hí ầm lên. Bọm làm ra bộ tìm lơ tìm láo như mất cái gì quý lắm.

Ông bá-hộ chạy ra hỏi :

— Anh kia tìm cái gì đấy ?

Nó thưa rằng :

Con ngựa của tôi hí ra vàng. Tôi tìm để tôi lấy.

Vừa nói, nó vừa giả đưa tay vào hàm thét ngựa lấy ra được một đĩnh vàng thật.

Thấy vàng đỏ mắt, ông bá-hộ mời nó vào nhà chơi, bảo rằng :

— Lão đây có một đứa con gái cấm cung. Lão thấy thầy có con ngựa quý hóa, lão muốn đổi với thầy, thầy có bằng lòng chẳng ?

Bọm thưa rằng :

— Ông lấy con ngựa thét ra vàng của tôi, mà ông lại gả con gái ông cho tôi, thì con ngựa vẫn là của cha con nhà ta cả, có phải ai đâu mà sợ thiệt... Tôi xin bằng lòng đổi.

Ông bá-hộ nghe nói, mừng lắm, liền dắt con ngựa vào nhà, rồi gọi con gái ra cho về với anh có ngựa.

Hôm sau, con ngựa hí ầm chuồng. Ông bá-hộ vội-vàng chạy ra để lấy vàng, nhưng chẳng thấy vàng đâu cả. Ông vào nói bà. Rồi hai ông bà cùng ra tìm, tìm mãi cũng chẳng thấy gì. Đang lúc ấy, con ngựa lỏng dây làm sao, lại lồng lên chạy tuột về nhà anh Bọm mất.

Ông bá ngạc-ngơ ngo-ngác. Bà bá đập đất kêu giời :

— Ồi thôi còn gì ! Con thì nó lấy, ngựa thì nó nuôi !

Thế là chỉ có một con ngựa, mà thẳng bọm trước đã lừa được một vụ đàn-bà, sau lại lừa được một ông bá-hộ.

Nhưng chữa thôi.

Một ngày kia, Bọm lại cưỡi ngựa đi sang huyện khác, tìm vào nhà một ông chánh-tổng nói rằng :

— Tôi có con ngựa rất hay, ông có mua tôi bán.

Ông chánh xem qua ngựa, bằng lòng mua.

Hai bên định giá, mua bán phân minh, nhưng Bọm vẫn rắp tâm đánh lừa, lúc lấy tiền rồi, lại nhảy phăng lên mình ngựa, ra roi : Ngựa chạy như bay, không thấy lộn lại.

Song mà ông chánh có phải người vừa. Ông liền sai đưa ở nhảy lên ngựa nhà đuổi theo cho kịp.

Khi đến cái quán, đưa ở thấy con ngựa mua cột ở gốc cây, còn thằng Bọm đang ngồi trong quán ngất-nguờng đưa chén, gật gù trò chuyện.

Đưa ở liền đi trình ông lý đấy, gọi tuần lại, trói thằng Bọm đưa về nhà ông chánh.

Ông chánh thấy mặt, giận lắm, mắng rằng :

— Thằng khốn kia ! xưa nay tao chưa mắc lừa ai, mà mày muốn lừa tao sao nỏi !

Rồi ông chánh cho điệu cả nó, cả ngựa lên thừa quan.

Khôn chẳng qua nhẽ, trước mặt quan, Bọm ta phải thú thật. Quan cho ông chánh đem ngựa về, rồi thét lính đánh cho Bọm ba chục roi và kết án giam ba tháng tù.

Bọm bấy giờ mới hối lại, nghĩ bụng rằng :

- Thật là quả báo không sai. Ta lừa người ba bận, bây giờ ta phải đòn ba chục và phải giam ba tháng, thật là đáng kiếp ta.

Lúc phải giam, vợ vào thăm, trở mặt mắng rằng :

— Tôi đã bảo mà : Lừa vợ dễ, lừa người ta khó (1).

Lúc hết hạn tù, về đến đầu làng, gặp người đàn bà bị lừa khi trước chỉ mặt hỏi rằng :

Bây giờ mất ngựa, hết lừa (2) chưa anh ?

(1) Câu này đã thành câu tục-ngữ.

(2) Lừa là lừa đảo, lại là lừa ngựa.

ĐỒI LÒNG LÀNH

Xưa có người thầy tu, tu đã lâu năm, mà mãi không thành Phật. Một hôm, thầy tu bỏ chùa đi, định sang bên Tây-trúc tu cho chóng đắc đạo.

Giữa đường, thầy gặp một người xin đi theo. Thầy hỏi rằng :
— Xưa nay anh làm những nghề gì ?

Người kia nói :

— Xưa nay, tôi chỉ làm có nghề đi ăn trộm.

Thầy rằng :

— Ta đây ở hiền ở lành mà tu còn chưa xong. Hướng chi người làm nghề bất-nhân độc ác, thì tu thế nào được. Người hãy nghe ta, giở về mà tu-nhân, tích-đức đi đã. Người ta tu-hành phải cốt ở cái lòng lành làm trước.

Người kia nói :

— Trước tôi có làm điều ác thật. Nhưng nay tôi đã đổi lòng lành. Xin thầy cứ cho tôi theo với.

Thầy tu nhất định không nghe.

Người kia năn-ni mãi không xong, ngẫm nghĩ một lúc, rồi van lạy rằng :

— Nếu cái thân này không được đi theo thầy, xin gửi thầy cái lòng lành này, dám nhờ thầy đem sang đất nhà Phật hộ.

Nói đoạn, người kia cầm dao dạch bụng, moi bộ lòng đưa cho thầy tu, rồi gục xuống đất chết liền.

Thầy tu không giám sai nhời ủy-thác, phải mang bộ lòng của người kia đi.

Nhưng được vài hôm, cỗ lòng thối-tha, khó chịu, thầy tu quăng bỏ lại, không đem đi nữa.

Có con quạ thấy bộ lòng, liền tha bay sang nước Phật, rồi đến đậu trên đầu cột phướn của nhà chùa. (1)

(1) Cái điển làm con quạ trên đầu ngọn phướn nhà chay là do truyện này và nhiều truyện khác nữa.

Có truyện cho rằng : bộ ruột ấy là bộ ruột của nhà sư đi cầu kinh bị quỷ-sư nó ăn hết thịt, bỏ ruột lại mà con quạ tha đi

Đến lúc thầy tu sang tới nước Phật, vào châu Phật, thì Phật trách rằng :

« Người ta trước kia vốn làm nghề bất-lương, mà đến khi đã biết cải tà qui chánh, cải ác vi thiện, thì là người có lòng tu được rồi. Còn như người trước kia vốn hiền lành, nhưng người ta ủy-thác lòng lành người ta cho người, mà người lại lỡ vứt lòng người ta đi thì chính người đã phạm một tội đại ác. Người không thành Phật được. Còn người kia có lòng có dạ, ta cho được thành Phật ».

Thầy tu ăn-năn không kịp, phàn-nàn rằng :

Ở độc, ở ác, thành Phật, thành Tiên,

Ở hiền, ở lành, câu liên, câu bát.

rồi đành lại giở về chốn chùa cũ.

HAI ANH EM VÀ

CON CHÓ ĐÁ

Xưa một nhà có hai anh em, người nào cũng đã có vợ và ở riêng ở tây.

Hai vợ chồng người anh giàu có dư tiền, dư bạc, nhưng phải cái tính keo-cúi, cay-nghiệt, chẳng những không giúp ai bao giờ, mà lại còn tham-lam vợ-vét của người nữa.

Hai vợ chồng người em thì không thế. Nhà tuy nghèo đói mà vẫn cứu giúp những người nghèo đói hơn mình, còn tính hạnh thì hiền-lành, tử-tế hay làm những việc phúc-đức.

Một hôm ông Bụt hóa làm lão ăn mày xuống thử.

Trước đến nhà người anh xin, thì hai vợ chồng nó chẳng những không cho gì, lại còn mắng nhiếc, đánh đuổi khỗ-sở.

Sau đến nhà người em, chưa kịp xin, thì hai vợ chồng nó đang ngồi ăn cháo, chạy ra vồn-vã mời vào cùng ngồi húp cháo.

Ăn xong, ông lão bảo hai vợ chồng nhà ấy rằng :

-- Các con đối đãi với lão thật là phúc đức. Vậy các con hãy đi theo lão, lão bảo cho cái này hay lắm.

Hai vợ chồng thật-thà chẳng biết là cái gì, nhưng ông lão đã bảo, thì cũng cứ đi.

Khi lên trên chỏm một quả núi, có con chó đá ngồi, ông lão cầm cái gậy đập vào miệng, thì thấy con chó há miệng ra. Rồi ông bảo hai vợ chồng người kia thò vào miệng con chó, muốn lấy bao nhiêu vàng bạc thì lấy.

Hai vợ chồng nó rụt-rè sợ-hãi, không dám đưa tay vào.

Ông bảo cứ thò vào, thì quả-nhiên thấy trong có bao nhiêu vàng bạc. Nhưng hai vợ chồng nó cũng chỉ lấy vừa mang thôi, không ôm-đồm tham lam nhiều quá. Đoạn rồi, ông lão lại đập cái gậy vào đầu con chó, thì con chó lại ngậm miệng lại như trước. Xong ông lão đi.

Hai vợ chồng người kia, nhân có vàng bạc, về tậu ruộng, tậu nhà, giàu có hơn anh nhiều lắm.

Anh thấy vậy, lấy làm lạ-lùng, hỏi em sao mà được chóng giàu như thế ?

Em đem truyện kể lại đầu đuôi để anh nghe.

Anh nghe xong, bảo rằng :

— Ta tưởng ai, chớ có phải cái ông lão ấy, thì hôm nọ cũng có đến ăn xin ở bên nhà. Rõ hoài của, thế mà ta không biết.

Rồi anh vội về nhà nói chuyện với vợ, và bảo làm một mâm cơm thật hậu để mình đi tìm cho thấy ông lão.

Mà tìm ông lão cũng chẳng mất công lâu-lai gì. Vừa đi một lúc, thì đã gặp ông lão đằng kia đi lại, vì Bụt biết truyện, đã hiện xuống làm ông lão ngay đấy rồi.

Người ấy mừng rỡ, lôi kéo ông lão mời về nhà, thết một bữa cơm thật no, rượu thật say, rồi nói với ông lão rằng :

-- Vợ chồng tôi cho ông ăn bữa này thật bằng mấy mươi bữa cháo của vợ chồng chú nó độ nọ. Vậy bây giờ ông đem vợ chồng chúng tôi đi, và cho chúng tôi thật nhiều vàng bạc hơn chú nó cho công bình.

Ông lão gật đầu.

Hai vợ chồng vui mừng, quây đi mỗi người một đôi thùng thật to.

Rồi cũng thấy ông lão đưa lên trên chỏm núi, ông lão cũng lấy gậy đập vào đầu con chó đá, con chó đá cũng há miệng ra.

Người chồng hí-hửng vội-vàng thò ngay cả cánh tay vào định khoắng cho thật nhiều. Nào ngờ, tay vừa vào lọt, thì con chó ngậm miệng lại, không rút ra được nữa. Người chồng sợ cuống, ngoảnh đi nhìn lại kêu ông lão, thì ôi thôi ! chẳng thấy tăm hơi ông đâu nữa.

Hai vợ chồng lúc ấy mới biết hối, bảo nhau rằng :

— Thôi ta mắc mưu ông lão này rồi ! Mà ông lão này chắc là But hiện xuống để thử lòng ta. Ta tham lắm thì ta chết...

Nhưng bây giờ hai vợ chồng dù có ăn-năn than khóc mấy, cũng vô-ích. Cái tay chồng cứ giữ chặt ở trong miệng con chó đá không làm thế nào rút ra được nữa.

Vợ đành phải để chồng nằm ở đó, rồi cứ ngày ngày hai bữa đem cơm lên cho chồng ăn.

Suốt ba năm như vậy. Vợ chồng không làm ăn gì được, bao nhiêu của-cải trong nhà mỗi ngày một dần mòn khánh-kiệt hết.

Vợ thấy tình-cảnh khốn-khở, than-thở với chồng rằng :

— Rõ đau-dớn cho hai vợ chồng nhà mình ! Người ta thường nói : « *No thì ra But, đói thì ra ma* » Nào hay vợ chồng nhà mình đã cho But ăn no, mà But lại ở với mình ra lòng ma, dạ quỷ.

Chồng thấy vợ than-thở, cũng ngùi-ngùi, nửa khóc, nửa mếu, nói với vợ rằng.

— Tưởng là chó đá có vàng, ai ngờ chó đá lại biết cắn ! Mình ơi ! hai vợ chồng ta không được ăn ở với nhau đã ba năm nay. Tao thật lấy làm buồn quá. Thôi mình hãy ngồi xuống đây cho ta vui đùa ít chút, kẻo khi người chết, của hết thì còn gì trở trống gì được nữa.

Vợ nghe chồng nói cũng vui lòng, ngồi luôn xuống ở bên. Không biết anh chồng nghịch ngợm vui đùa làm sao, mà con chó đá trông thấy phải bật cười, há to miệng, người chồng vội rút ngay tay ra được.

Hai vợ chồng vội đưa nhau chạy về, không còn dám ngoảnh lại trông con chó đá nó vẫn còn cười... (1)

(1) Tục ngữ có câu : « *Chó đá biết cười* »

Rồi tự đó thật chừa tiết được cái tính keo-cúi cay-nghiệt, tham-lam vợ-vét.

THI VẼ NHANH

Xưa có một viên quan Tàu sang chơi An-nam, cứ hay khoe là vẽ đã khéo mà lại rất nhanh không ai theo kịp.

Bấy giờ, có một người An-nam tên là Kinh thấy nói thế, một hôm, đến tận nhà người Tàu, thách thi vẽ, thử xem ai nhanh, ai chậm.

Người Tàu nói :

— Ngộ phải pảo : cứ tánh một tiếng trống mà vẽ xong tước một con vật, thì mới là mau.

Ông Kinh hỏi :

— Vẽ vật gì ?

Người Tàu nói :

— Cái này vẽ con gì cũng tước, không kỳ nhất-tịnh.

Ông Kinh bảo :

— Nếu rút một tiếng trống vẽ xong một con vật đã lấy gì làm mau. Xong một tiếng trống, ta vẽ đủ mười con vật cho mà xem.

Nói xong ông giục cho đem ra mỗi người một tờ giấy, một cái bút và một đĩa mực.

Ông bắt đem cho ông cái đĩa to và mài mực cho thật nhiều.

Trống vừa lên tiếng, ông nhúng cả mười đầu ngón tay vào đĩa mực rồi vạch vào giấy trắng mười nét quẩn-quèo.

Tiếng trống rút, người Tàu vẽ xong đủ bộ một con chim, ngoảnh lên trông thấy ông làm thế, hỏi :

— Cái nị làm cái gì tấy ?

Ông Kinh nói :

— Ta vẽ đủ mười con vật rồi đó.

Người Tàu nói :

— Cái con vật gì mà ngònng-ngoèò thế ?

Ông Kinh nói :

— Con rồng chớ con gì ?

Người Tàu ngạc-nhiên hỏi :

— Cái con rồng ? Nị nói cái gì ?

Ông Kinh bảo :

— Ừ thì cái con giun cũng được.

Người Tàu lại càng ngạc nhiên, giương mắt nhìn.

Ông Kinh mới giảng rằng :

— Thì cái con giun chẳng phải là con rồng đất mà người bên Bắc-quốc gọi là *Long-thổ* là gì ?

Người Tàu nghe nói, bỏ bút chấp tay vái, chụ ông Kinh là người vừa mau tay vừa mau trí.

Và tại có truyện này, sau người ta mới có câu thường nói rằng :

Mau như ông Kinh về giun.

VAN NHƯ VẠC

Xưa một nhà, có hai vợ chồng nằm ngủ với nhau.

Chồng thì không tài nào nhắm mắt được, còn vợ thì ngủ mê, ngủ mệt, chồng đánh thức làm sao cũng không dậy.

Chồng tức mình mới hát ví một câu rằng :

Năm đêm nghe vạc kêu canh,

Nghe chim tử-luận khuyên anh với nàng.

Vợ sức tỉnh dậy, nghe câu ví chập-chờn vặn lại rằng :

Ngủ thời không đề cho êm,

Thức dậy nửa đêm van như vạc tác.

TRI ÂM VỚI KHIẾU

Xưa có một người nuôi một con khướu hót thật hay, kêu đủ trăm tiếng không sót tiếng gì. Người ấy lấy làm trân-trọng

khướu lằm, gắp cào-cào, chấu-chấu dàu, là cũng bắt cho kỳ được để đem cho khướu ăn.

Người ân-cần trông nom, khướu cũng ra dạng quýển-luyến, đôi bên khăng-khít, không ngày nào là không kẻ hát cho nghe, người đem cho ăn.

Một hôm, người kia nằm ngủ giữa buổi trưa, treo con khướu ở trước cửa sổ. Lúc đang say giấc, bỗng phảng-phất thấy một người con gái da trắng nhà-trò, ăn mặc đồ thâm, đến đứng trước mình, du-dương hát một bài rằng :

*Gãm trần-thế, tri-âm là mấy kẻ,
Đã cam lòng với khách tương-tri,
Trước song nam, xem bóng hoa phi,
Sau hồ nguyệt, ngó làn ngư được.
Sớm cung thương, trưa quán thức,
Này lưu thủy, nọ hành-vân.
Lẳng tai tiên đã bấy nhiều lần,
Thân cá chấu, chim lồng nên dễ chuộc,
Lòng dưỡng-dục biết nghìn vàng khôn chuốc.
Song nước non cừu ước chí đầu lâm.
Trách người quân tử vô tâm.*

Người kia nghe hát tỉnh dậy, không thấy nhà-trò đâu cả, chỉ thấy con khướu đang réo rắt hát trong lồng... Nghĩ động thương, người ấy liền đem lồng ra mở, buông tha cho khướu bay về ngàn.

HAI THẮNG ĂN TRỘM VÀ CON NGỰA

Xưa có hai thằng kẻ trộm, một hôm, rủ nhau đi ăn trộm.

Chúng nó bàn định với nhau rằng :

— Bây giờ hai anh em ta đi ăn trộm bò.

Nhưng khi chúng nó vào một nhà kia, chẳng may có con chó sủa mãi, sủa hoài, người nhà nghe tiếng, bảo nhau rằng :

*Chó đâu có sủa chỗ không,
Chẳng thẳng ăn trộm, thì ông ăn mày.*

Rồi cầm sào cầm gậy ra đuổi đánh.

Hai thẳng kẻ trộm chạy chí chết. Lúc đã xa rồi, mới dám đứng lại bàn với nhau rằng :

— Hay bây giờ hai anh em ta đi ăn trộm trâu vậy.

Nhưng khi chúng nó vào nhà kia, chẳng may lại phải một nhà kín cổng cao tường và người nhà nó còn đang thức, canh gác rất cẩn-thận.

Hai thẳng biết đợi lâu vô-ích, rủ nhau ra đi, vừa than, vừa bàn định với nhau rằng :

— Đầu thì trộm bò, sau thì tha trâu, mà ra bò không được, trâu cũng không xong. Hai anh em ta thật hôm nay ra ngõ gặp gái. Bây giờ đi một nơi nữa, nếu không được gì, thì đành phải mau-mau giở về, kéo sáng đến nơi rồi.

Hai thẳng bèn đưa nhau vào một nhà kia, thì, phúc đâu, thấy một con ngựa buộc ngay ở ngoài gốc cây, mà chẳng thấy bóng vía người nào, cũng chẳng thấy tăm-hơi con khuyển nào cả.

Hai thẳng sẽ bảo nhau vào cởi con ngựa ra, rồi cứ tự-do thế dắt đi không e sợ gì cả.

Khi ra tới ngoài đồng, hai thẳng bàn nhau chia cửa. Nhưng ngựa chỉ có một con, mà ăn trộm những hai kẻ, biết ai lấy, ai đùng ? Hay chẳng nhẽ lại bỏ đôi con ngựa ra ! Thành hai đứa tranh nhau, đứa này nhận là : « Cửa tao », thì đứa kia cũng nhận là « Cửa tớ », đứa này muốn giữ lấy một mình, thì đứa kia cũng muốn giật lấy cả ngựa. Trước hai đứa còn cãi nhau, chửi nhau, sau đến đấm đá nhau, vật lộn nhau, không đứa nào nghĩ đến con ngựa nó đang tho-thần ở dưới ruộng.

Bất-giác ngay lúc ấy, có một anh ăn trộm khác vừa qua đến đó, biết rõ câu truyện, lên đến cưỡi ngay lên mình ngựa, ra roi chạy một mạch.

Hai thẳng trộm kia nghe tiếng chân ngựa mới vội bỏ nhau ra, bảo nhau đi đuổi. Nhưng ngựa chạy đang được nước (1) đuổi

(1). Tục ngữ : « Chạy như ngựa được nước ».

sao cho kịp, hai thằng đành phải đứng lại nhìn nhau và tần-ngần than-thở với nhau rằng :

*Trộm bò không được,
Trộm trâu chẳng xong.
Trộm được con ngựa,
Tướng đã bỏ công.
Ngựa lại mất trộm,
Tay không, hoàn không.
Ôi công không !
Ôi công không !*

QUÂN-TỬ RUỒI

Xưa có một người tài-bộ khá, học-hành cách-vật nhiều, cái tính lại hay ăn chơi và thường tự xưng là « quân-tử ».

Quân-tử được cái khác hẳn người ta một điều là : thấy ruồi đậu, chẳng những không hề đánh đập bao giờ, lại còn ân-cần trọng hậu với ruồi, mời ruồi ăn uống rất tử-tế.

Thời bấy giờ, vua kén phò-mã. Quân-tử ta cũng đi dự cuộc.

Tới nơi, thấy nhà vua làm một cái cung chín gian, y như nhau, cửa đóng then cài rất cẩn-mật.

Vua truyền cho thiên-hạ chỉ được vào từng người một, và ai mở ngay gian có công-chúa, thì vua gả công chúa cho.

Bao nhiêu người trước vào mở nhằm, đều bị đòn, đuổi ra cả.

Đến lượt Quân-tử kia vào, bỡ-ngỡ đang tìm, sức nhớ đến ruồi, mới lằm-bằm khẩn rằng :

— Bấy lâu, tôi thết-đãi các bác tươm-tất. Bấy giờ tôi mới dám nhờ giúp hộ một việc. Các bác chui vào dò xem công-chúa ở gian nhà nào, thời các bác bay ra cho tôi biết.

Ruồi rằng :

— Được, chúng tôi báo ơn cho anh.

Ruồi bay vào chín gian cung, dò được gian thứ ba là gian công-chúa ở, mới từ đó từ-từ bay chui ra. Quân-tử cứ gian ấy mà

gỗ, quả nhằm gian công-chúa ở, bèn vào lạy vua xin gả công-chúa cho.

Nhưng vua chưa nghe, lại truyền bày ra chín cỗ yến y nhau, rồi viết tên Quân-tử dán dấu vào dưới một cỗ, bảo tìm được đúng cỗ ấy ngay, thì mới gả công-chúa,

Quân-tử không biết làm thế nào, lại khẩn ruồi rằng :

Các bác đã thương tôi, thì thương cho trót. Tôi cạy các bác vào xem cỗ nào có tên tôi dán ở dưới, thì đậu lên đấy để tôi vào, tôi tìm.

Ruồi nghe khẩn, vù vù hát rằng :

*Có ơn có nghĩa với nhau
Ơn sâu, phải giả nghĩa sâu cho vừa.*

Rồi, bay vào chín cỗ yến, bay đi bay lại xem được cỗ thứ năm có tên Quân-tử, bèn đậu lên trên.

Quân-tử vào thấy ruồi đậu đó, liền ra ngồi ăn, rồi lật mâm lên, thì quả có tên mình dán ở dưới thật.

Vua thấy vậy cười rằng :

*Ai ngờ Giời định duyên hài,
Bệ Rồng mà lấy người ngoài Cửu-Châu.*

Rồi, vua vui lòng gả công-chúa cho Quân-tử.

Quân-tử lấy làm cảm-động quá, khẩn tạ ơn ruồi, và vui mừng hát rằng :

*Nghĩ mình « Quân-tử » chẳng vu,
Giai tài sánh với gái vua cũng vừa.*

Lúc vua cho đưa công-chúa về theo, người ấy lại hát với công-chúa rằng :

*Vinh hoa bõ lúc phong trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.*

Sau thiên hạ biết truyện, đặt tên phò-mã ấy là phò-mã « Quân-tử ruồi ».

NGƯỜI ĂN MÍA VÀ NGƯỜI CHỦ VƯỜN

Xưa có một người đi đường, vừa đói, vừa khát, trong mình nhọc lả như muốn rụi xuống.

Bỗng thấy một cái vườn mía, không ai canh giữ cả. Người ấy muốn mua một cây ăn, không biết hỏi ai mà mua. Làm thế nào được? Người ấy cứ vào trong vườn, bẻ liền một cây mía ăn cho đỡ khát.

Ăn xong người ấy lấy tiền buộc vào cây mía ở bên cạnh.

Một chốc, người chủ vườn ra xem vườn, thấy mất một cây mía. Nhìn kỹ, lại thấy một xâu tiền treo vào cây mía ở bên. Người chủ vườn đem tiền ra đếm, thì thấy bội hơn giá cây mía nhiều lắm.

Ông ta biết ngay là có người ăn cây mía, để tiền lại giả mà giả nhiều quá, mau mau theo gót chân người kia, cố tìm cho được, để giả lại chỗ tiền thừa. (1)

Đi mãi lúc lâu, mới tìm thấy người kia. Nhưng người kia đói quá, đã chết còng-queo bên đường rồi.

Người chủ vườn thấy vậy xót-xa trong lòng, nhân thấy có cái chùa gần đấy, vội-vàng chạy vào cầu vói nhà sư ra tay tế-độ.

Nhà sư cho tiểu ra khiêng thây người kia vào chùa rồi lấy mía, buộc tiền vào, đặt lên đàn làm lễ, gọi là lễ « Chiêu hồn ».

Ít lâu người kia dần dần tỉnh-ra và sống lại.

Vì truyện này, mà từ đó, hễ làm lễ triệu linh, các thầy chùa và thầy phù-thủy hay dùng cây mía có buộc một xâu tiền vào.

(1) Truyện này kể thật có thú-vị : người ăn mía thật-thà gặp được người chủ vườn thật-thà cũng chẳng kém — Về sự ăn mía giữa đường ta còn nhiều câu tin nghiệm như câu : « Làm lễ chữa hoang không bằng đi đàng ăn mía ». « Đi thẳng đường, thấy mía chớ có bẻ, người không bắt, thì ma cũng bắt ».

HAI THỨ MỘT KHÁC NHAU

Xưa có một người chỉ chuyên những nghề tàn-nhãn lừa tiền, cướp của của thiên-hạ mà làm nên giàu nên có.

Sau người ấy mua cả một bè gỗ, đem chìm xuống nước ba bốn tháng, rồi mới đem lên làm một tòa nhà rất trang hoàng, lịch-sự.

Một hôm có một người bạn đến chơi, người kia đưa đi xem cả tòa nhà, rồi khoe-khoang rằng :

— Bác tính bao nhiêu gỗ làm vào cái nhà này là tôi đã ngâm dưới nước hàng ba, bốn tháng. Bác cho như vậy thì có còn đời nào một được nữa không !

Người bạn ung-dung nói :

— Bác tưởng gỗ chìm dưới nước ba, bốn tháng đã là nhiều à ? Cho chìm đến trăm năm dưới nước vẫn còn một đấy bác ạ !

Người kia hỏi :

— Bác nói gì lạ thế ?

Người bạn nói :

— Thế để tôi cắt nghĩa cho bác nghe : Có thứ một chìm xuống nước, chết, lại có thứ một chìm xuống nước, không chết. Có thứ một đốt cháy, chết ; lại có thứ một đốt cháy, cũng không chết. Thứ một chìm chết được, đốt chết được là thứ một ở ngoài. Còn thứ một chìm chẳng chết, đốt chẳng chết, là thứ một ở trong bụng...

Người kia hỏi :

— Một trong bụng là thế nào ?

Người bạn nói :

— À ! Bác không biết thứ một trong bụng là một « tham » ấy à. Nay, một tham là thấy người ta có con trâu béo, có mẫu ruộng tốt là sinh cách lừa đảo, cướp của người để làm của mình. Lúc giàu có lên rồi, mới có tiền có bạc, mua gỗ làm nhà làm cửa. Nhưng nhà cửa không được bền, vì trước mình là một đực của người, thì rồi lại có người khác làm một đẽ đực của mình... Bụng mình có một, thì nhà mình cũng có một liền... Thứ một như thế, rồi bác xem, chìm sao chết được và đốt sao cháy được !

Người kia nghe bạn nói, biết bạn cho mình là một, tỉnh-ngộ ngay ra, tạ tội bạn.

Rồi từ đó về sau không dám khoe cửa, khoe nhà, cũng không dám làm những điều tàn-ác để cướp tiền, cướp của của thiên-hạ nữa.

CÔ LÔ GỐC MÍT

Xưa có hai cô cháu, cô thì nhà có nhiều mít, nhưng phải cái tinh keo bủn.

Còn cháu thì có tinh hay ăn mít, nhưng lại phải cái không tiền mà mua.

Một hôm, cháu sang nhà cô chơi.

Cô đã biết cháu, sợ cháu ăn mất nhiều mít, nói gióng lên bảo người nhà rằng :

— Đi thôi com cho cháu nó ăn đi.

Cháu đã để ý đến tụt trước, nhanh miệng đỡ rằng :

— Thôi cô ạ, đừng com-com *mít-mít* chi nữa cho nó phiền.

Cháu không nói com-com nước-nước, lại nói com-com *mít-mít*, tức là như nói rõ cho cô biết cháu muốn ăn mít, thì thế nào cô cũng phải cho ăn.

Quả-nhiên, bắt-đắc-dĩ cô phải ra vườn để lấy mít. Nhưng cô đi hết cây này sang cây nọ, xem hết quả này sang quả khác mãi, sau thấy một quả vừa nhỏ vừa sâu, mới bảo chặt xuống, đem về bỗ cho cháu ăn.

Cháu ăn, khó nuốt chôi miệng, mới cẩu-nhẩu phàn-nản rằng :

Cô gì mà cô ! Cô lô gốc mít.

Câu này hiện thành một câu tục-ngữ, cháu vẫn thường nói để giễu bà cô hư.

THÊM .

Xưa, một nhà có hai vợ chồng : ông chồng thì hay chữ, nhưng phải bà vợ được cái tính chỉ hay xoi quạ.

Một hôm, mới sáng sớm dậy, vợ đã vác mấy quan tiền bảo đi chợ.

Mãi đến quá trưa mới về, tiền thì hết cả, mà chẳng thấy mua được cái gì.

Chồng lấy làm lạ hỏi, thì vợ bảo là mất cặp cả rồi.

Nhưng sau chồng dò được, mới biết bao nhiêu tiền đều vào hàng quạ, hàng bánh hết.

Chồng tức cười, từ đó, bao giờ thấy vợ nói đi chợ, thì cũng đọc một bài thơ yết hậu để tiễn rằng :

*Sớm tới hàng kê, đỡ,
Trưa vào quán chả, nem,
Chuối dài, chuối ngắn hết,
Thêm.*

SỢ SÉT BÀ

Xưa có một thầy đồ ngồi dạy học ở nhà một người đàn bà hóa.

Bữa nào, cơm ăn, người đàn bà cũng chỉ cho thầy ăn vừa sét bát thì thôi.

Có một hôm, giời mưa, sấm sét dữ lắm.

Người đàn bà sợ run cầm-cập. Còn thầy đồ thì thản-nhiên như không.

Người đàn bà thấy vậy, hỏi :

— Thầy không sợ sét ư?

Thầy đồ đáp :

Tôi không sợ sét của Giời, tôi chỉ sợ sét của bà thôi. Cứ mỗi ngày bà sét ba lượt thì tôi chết đói mất!

CUA CẤP THẦY VƯỜN

Xưa có người thầy vườn, thuốc men chẳng biết chi, chỉ giỏi nghề đi dối chúng.

Một hôm, thầy vườn đi qua trước cửa một người thợ cày, thấy vợ nó có thai, giả vào xin nước uống, rồi, tay thì bấm, miệng thì lầm bầm rằng :

— Chị này có thai, nhưng tôi tính, chị sắp phải cái hạn nặng.

Chồng nghe nói có hạn, kinh hoảng, van lạy thầy, đã biết thì cứu giúp. Rồi hai vợ chồng cố lưu thầy ở lại thết một bữa cơm để nhờ thầy chỉ bảo hộ.

Cơm xong, thầy làm ra bộ thông thạo, nói rằng :

— Muốn giải cái hạn này, thì phải cúng Nam-tào, Bắc-đầu mới được. Phải sắm cho đủ giàu rượu, hương, hoa, xôi, gà, cá một cặp, của năm con.

Vợ người thợ cày nghe nói, vội vàng đi chợ để sắm sửa đồ lễ.

Lúc về đến nhà, chẳng may có con cua nó sỏ, nó bò lên người, rồi nó cắn ngay vào giữa vú. Người kia một mình gỡ không ra, mà đau-đớn quá, không sao đi được nữa.

Thầy vườn ở nhà đợi, thấy mãi chưa về, ra ngoài ngõ, đứng trông.

Vợ người thợ cày nom thấy, vội kêu lên rằng :

— Thầy cứu giúp tôi ! Mau mau ! Thầy cứu giúp tôi !

Thầy vội chạy lại, thấy sự tình như thế, ghé miệng vào thổi định làm cho con cua phải nhả. Con cua nhả thật, nhưng nó lại bám ngay vào miệng thầy và cắn chặt lấy môi thầy, không sao gỡ được. Thầy cứ chịu đứng đó, nhăn-nhăn nhó-nhó, xit xa với cua. Trẻ con, người nhón rủ nhau ra xem, ai nấy cười ồ làm cho thầy vườn hồ thẹn trăm chiều... Lúc gỡ được cua ra, máu chảy ròng-ròng, cái môi sưng vếu, thầy lủi thủi lảng mắt, không dám giở lại làm trò cúng vái con hươu nữa.

CHÙA ĐẾN TẬN GIÀ

Xưa có người đàn bà, một hôm đi chợ, mua một con cua bể, định bụng đem về luộc ăn giầu chồng.

Lúc về đến đầu làng, sợ để trong thùng thì chồng nó biết, người đàn bà mới đem cắp con cua vào trong mình.

Chẳng may, vừa đi đến cửa chùa, con cua nó sỗ càng nó cắp ngay vào vú.

Không tài nào gỡ được, người đàn bà đau quá phải nằm trước cửa chùa mà khóc.

Sư ông trong chùa nghe thấy tiếng khóc, chạy ra, thấy sự tình thế, mới chấp tay, đọc một câu rằng :

— Na-mô Phật ! Cứu nhất nhân, đặc vạn phúc. Rồi ghé xuống lấy miệng định gỡ con cua ra.

Ai ngờ vừa ghé đầu vào, con cua nó giờ cái càng bên này, nó cắp ngay lấy miệng.

Gỡ cho người không xong, lại buộc thêm mình vào, sư ông ta đau quá, cũng đành phải nằm xuống đó, mà cùng người đàn giọt ngấn giọt dài.

Một chốc, đưa con người đàn bà, mong mẹ về chợ, lâu không thấy, mới thùng-thỉnh ra chùa chơi. Nó thấy mẹ nó đang nằm với sư, hai người cùng khóc, nó lon ton chạy về mách với cha rằng :

— Cha này cha ! U con đang nằm ngoài chùa cho nhà sư bú.

Nghe nói sự lạ, người chồng vội vàng chạy ra, thấy tình hình làm vậy, nực cười, rồi cầm cái dùi đập mãi con cua nó mới chịu nhả.

Hai người bấy giờ mới dậy được, cái vú người đàn bà thì sưng vù, cái môi sư ông cũng vều trướng.

Sư ông vừa đau, vừa thẹn, chấp tay, bĩu miệng nói rằng :

Na-mô phật !

Từ rày chùa tận già,

Mặc ai cướp ra miệng vào.

ANH CHĂN DÊ VÀ ANH XÁCH NGÕNG

Xưa có một người, một hôm, đem đàn dê đi ăn, đang lúc ngồi nghỉ giữa đồng, thì thấy một người xách cái lồng, trong lồng có con ngỗng, cũng đến ngồi đó nghỉ chân.

Hai người ngồi chuyện gẫu với nhau.

Người chăn dê hỏi người xách ngỗng rằng :

— Con ngỗng anh mua bao nhiêu? Tôi tưởng con ngỗng, một năm, sinh lợi chẳng được là mấy. Ấu là anh về đem bán quách con ngỗng này đi. Anh lấy tiền mua lấy một đôi dê anh nuôi, chắc được lợi hơn nhiều...

Người xách ngỗng nói lại với người chăn dê rằng :

— Hai nghề ta đây cũng là nghề làm ăn cả. Nhưng tôi thiết nghĩ như cái nghề săn-sóc đàn dê kia, khi chăn bờ bụi, khi chăn bãi bễ, khi gặp nắng dữ, khi gặp mưa to, thì tôi tưởng công phu vất vả khó nhọc nhiều lắm. Mà cái lợi thật có được là bao! Ấu là anh nghe tôi, anh về bán phứt đàn dê này đi, anh lấy tiền mua một đôi ngỗng về mà nuôi, anh không phải khó nhọc nữa mà lại được lợi biết bao nhiêu... Nay nhớ, đôi ngỗng mỗi năm nở ra đôi ba lứa, bán được rất nhiều tiền, đôi ngỗng lại dũi cho trong vườn sạch cỏ, không phải quét tước mấy. Quí nữa là đêm đến anh ngủ được yên giấc, vì đã có ngỗng nó giữ nhà cho anh...

Người chăn dê nghe nói đến đấy, lấy làm lạ hỏi :

— Anh nói cái gì? Ngỗng mà giữ nhà...

— Ừ, ngỗng giữ nhà... Thế anh không nghe nói truyện, xưa có ông quan trong nhà nuôi một đôi ngỗng nó sinh nở nhiều, khi thì bán trứng, khi thì bán con, chẳng bao lâu làm ăn trở nên giàu có ư? Ấy tại giàu có, mà một đêm kẻ trộm nó vào rình nhà ông, nó định lấy cửa, nhưng vừa vào đến nơi, đàn ngỗng trong nhà coác-coác kêu ầm lên, người nhà chạy ra theo bắt được kẻ trộm. Đấy có phải là nhờ có ngỗng mà không mất không? Tôi cho ngỗng giữ nhà thật tốt hơn...

Anh chẵn dê nghe câu truyện lấy làm phải, trong bụng phân vân chưa biết có nên đổi nghề chẵn dê làm nghề chẵn ngỗng không.

Rồi hai anh đứng dậy chào nhau về, một anh theo đàn dê đi trước, một anh xách lồng ngỗng đi sau.

Lúc đi, hai anh gặp quan Chánh-sứ với quan Phó-sứ đi sứ Tàu vừa kéo quân qua đó.

Quan Chánh-sứ thì mít đặc, còn quan Phó-sứ rất hay chữ.

Nên khi quan Phó-sứ trông thấy cái cảnh hai người đi như thế, mới đọc một câu rằng :

*Nhất nhân khu quân dương,
Lung sơ, nga cảnh trường.*

Rồi hai quan Sứ lại kéo quân đi.

Một chốc gặp nhà hàng, hai quan Sứ vào nghỉ ăn cơm. Đang lúc ăn, quan Phó-sứ nói rằng :

Diêm tận, canh vô vị.

Quan Chánh-sứ lại nhớ câu ấy làm lòng cả với hai câu trước.

Khi hai quan Sứ sang đến Tàu, vào yết kiến vua Tàu, công việc ứng đối xong xuôi, lúc về, quan Chánh-sứ bèn làm bài thơ để bái tạ vua Tàu.

Thơ rằng :

*Nhất nhân khu quân dương,
Lung sơ, nga cảnh trường
Diêm tận, canh vô vị,
Kim nhật tạ quân-vương. (1)*

Vua Tàu xem bài thơ, khen lấy khen để và phong chức cho hai quan Sứ.

Mà bài thơ ấy hay chăng là do tự hai anh chẵn dê, xách ngỗng kia mà thành sao ?

(1) Mọi người đuổi đàn dê, Lồng thưa, cổ ngỗng dài, Muối hết, canh không vị. Ngày nay ta đứng Vua.

CHIÊM BAO THỊT CHÓ

Xưa có người học-trò gần đến kỳ thi, một đêm, nằm chiêm-bao thấy có ông cụ già chống gậy đem đến cho một miếng thịt chó ; người ấy cầm lấy ăn ngay.

Lúc tỉnh dậy, người học trò nói chuyện với vợ rằng :

— Tôi vừa nằm chiêm-bao thấy có ông cụ cho miếng thịt chó, tôi ăn liền. Cái điềm này tất là cái điềm gỗ, xấu lắm. Thật là :

*Bấy lâu đèn sách gia công,
Điềm này chưa dễ mấy, rờng gặp nhau.*

Vợ nghe rồi, cười mà nói rằng :

*Chiêm-bao điềm ấy tốt lành,
Bổ công ao ước học-hành bấy lâu.*

*Khoa này, chàng ắt đỗ đầu,
Hắn như điềm ấy, mới hầu trông mong.*

Chồng hỏi :

— Cao đoán làm sao mà dám quả-quyết như vậy ?

Vợ nói :

— Cứ lấy ý ngu tôi, tôi đoán, thì một miếng tức là chữ *Phiến* 片, thịt chó ắt là chữ *khuyển* 犬, hai chữ ghép với nhau thành ra chữ *Trạng* 狀 (1). Thì khoa này có nhẽ chàng đỗ đến *Trạng-nguyên*.

Khoa ấy, quả-nhiên người học-trò vào kỳ nào cũng được văn hay chữ tốt, lỗi-lạc hơn chúng nhiều, nhà vua chấm cho đỗ *Trạng-nguyên*.

Bởi chuyện này mới có câu tục-ngữ rằng :

Ăn thịt chó, đỗ Trạng-nguyên.

(1) Chữ *Trạng* thuộc về bộ *khuyển* thật mà bên cạnh có chữ *tương* 𠂔. Muốn cho chữ *tương* 𠂔 thành chữ *phiến* 片 là ý bà vợ xoay lại như thế để giải mộng cho ra chữ « miếng ».

NU CÀ, HOA MƯỚP

Xưa có đứa con gái, một hôm, đi chầy mướp, lúc đang đứng cỏi yếm ra khều, thì có đứa con giai đi qua trông thấy, lên giọng hát rằng :

*Vú em như quả mướp hương.
Tay anh phật-thủ, đôi đường lấy nhau.*
Đứa con gái vội-vàng mặc yếm, rồi hát lại rằng :

*Minh em như mướp nở hoa,
Minh anh như bướm bay qua trên ngành.*

Đứa con giai hát lại :

*Em như hoa mướp trên ngành,
Đáy anh như bướm tung hoành càng vui.*

Đứa con gái hát lại

*Anh hùng vi biết thuyền quyên,
Xin đưa quả mướp làm tin gọi là.*

Rồi đứa con gái đưa cành hoa mướp cho đứa con giai, đứa con giai đưa cành nụ cà cho đứa con gái.

Sau hai đứa lấy nhau.

Nên tục-ngữ mới có câu : « *Nụ cà, hoa mướp* » để nói đôi bên giai gái còn môn-mỏn thanh-tân.

KHÔNG HOA, KHÔNG CHỒNG

Xưa có một cô-ả trước thì kén chồng, không lấy ai, sau lại thành luống tuổi, nhờ thời không ai lấy.

Khi cha mẹ còn, cha mẹ giữ-gìn, thì cô ả không việc gì. Nhưng đến lúc cha mẹ mất, không ai kiểm thúc, cô-ả thấy cái bụng phình-phình mỗi ngày một nhớn.

Gần đến kỳ sinh, cô ả không chịu ở nhà, cứ ra gốc cây sung năm ngày, năm đêm. Anh em, họ hàng bảo cô-ả về làm sao, cô-ả cũng không về, lại nói rằng :

— Tôi đây cũng như cây sung, tôi cứ ở đây với cây sung, sống chết với cây sung.

Mọi người đều lấy làm lạ hỏi :

— Như cây sung là thế nào ? Sống chết với cây sung là làm sao ?

Cô ả không đáp. Rồi một chốc cô ả giả điên giả dại, nghêu-ngao hát rằng :

*Không hoa mà quả mới kỳ,
Có hoa, có quả cây gì là không (1) ?*

Cũng như tôi đây này :

*Không chồng mà chữa mới ngoan,
Có chồng mà chữa, thế-gian sự thường.*

Mọi người đều nực cười, nhưng nhất định không để cho cô ở với sung, đem cô về nhà cho sinh nở, và bắt cô phải chịu nộp tiền khoán cho làng.

DỪNG ĐĨA TRÁ TỘI

Xưa có một người đàn-bà tính hay sợ đĩa, hễ thấy đĩa đâu, là kêu inh làng nước.

Sau người đàn-bà ấy chữa hoang. Làng mang ra tra-khảo, thế nào cũng nhất-định không xung.

Có người mách với làng :

— Tính nó hay sợ đĩa. Bây giờ làng cứ bắt đĩa ra cho bám vào nó, xem nó có xung không ?

Quả nhiên khi làng bắt mấy con-đẻ vào mình người ấy, thì người ấy sợ rụng rời phải thú thật ngay.

Bởi vậy mới có câu nói rằng :

*Chẳng ngoan, chẳng khôn,
Thấy đĩa phải nói càn.*

(1) Xưa nay ta vẫn cho cây sung là không có hoa.

NGƯỜI HỌC-TRÒ VỚI CON RÙA

Xưa có người học-trò, một hôm, đi học về, đi ngang qua bờ sông, thấy mấy người thuyền-chài bắt được một con rùa, đang bần nhau đem về làm thịt để đánh chén.

Người học-trò đến nói rằng :

— Có phải các ông muốn uống rượu, tôi có quan tiền đây, xin đưa hầu các ông, và xin các ông làm phúc đừng giết chết con rùa.

Những người kia bằng lòng nhận quan tiền, rồi trao con rùa cho người học trò.

Người học-trò đem con rùa về nhà, coi-sóc nuôi-nấng ân cần quý-hóa lắm.

Quái lạ, mấy hôm sau cứ buổi đi học về, thì người học-trò đã thấy một mâm cơm để phần rất tử-tế, không biết ai thổi nấu mà ngon lành như thế.

Một hôm, người học-trò giả dạng vuốt-ve con rùa, nói rằng :

— Em ở nhà ngoan nhé ! Hôm nay anh đi có chút việc cần đến đêm mới về.

Rồi anh ta đi một chốc là lộn về ngay. Anh ta sẽ đứng nhòm vào trong nhà, thì thấy một người con gái rất đẹp đang ngồi thổi cơm. Anh ta vội chạy lên vào, nắm chặt lấy cổ tay người con gái, hỏi rằng :

— Nàng là ai ? Ở đâu mà đến đây ?

— Người con gái nói : Tôi xin thú thật cùng thầy, tôi là con rùa đây. Tôi có nhờ thầy cứu khỏi mới thoát tay bọn thuyền-chài. Ông thầy bao giờ dám quên, nên tôi định gắng ở lại đây ít lâu để nuôi-nấng cho thầy ăn học, chờ khi thầy làm nên công-danh rồi, thì tôi lại giở về thủy-phủ.

Người học-trò bảo :

— Nếu quả thật như vậy, thì âu cũng là túc trái tiền duyên gì đây. Dám xin gá nghĩa vợ chồng.

Người con gái gạt đi nói rằng :

— Không xong. Tôi với thầy kẻ dương gian, người thủy phủ, âm dương cách biệt, không thể lấy được nhau. Bây giờ thiên

cơ đã lộ, thì tôi phải về, chớ không ở được với thầy một ngày nào nữa.

Người học-trò nghe nói, sụt-sùi gạt nước mắt. Người con gái phải yên-ủi dỗ-dành bảo đưa chỗ cho đi học.

Rồi lại đội lốt rùa vào mà đưa người học-trò xuống học dưới thủy-phủ.

Đến kỳ thi, lại đưa lên mặt đất giả thi người học-trò đi thi đỗ Trạng-nguyên.

Lúc về vinh qui, đi ngang qua con sông trước, người học-trò nhớ đến truyện xưa, làm mấy câu hát chơi rằng :

*Nước lênh đênh thấy rùa trôi nổi,
Mưa đem về nuôi bầy lâu nay,
Năm-năm tháng-tháng ngày-ngày,
Cơm ăn còn nhớ, nghĩa này ở đâu,
Tưởng những nên nghĩa Trần-Châu,
Nào hay chữa dụng dịp cầu sông Ngân.
Tưởng những nên nghĩa Tấn Tần,
Nào hay giới đất chẳng vắn lại cho.*

CÂY ĐA BIẾT NÓI

Xưa có một người mang bạc đi đường. Đi đến gốc cây đa, ngồi đó nghỉ mát. Lúc đứng dậy đi thì bỗng thấy mất một bao bạc. Không biết hỏi vào đâu, người ấy mới nằm lăn bên gốc cây đa mà làm vạ.

Dân trong làng thấy vậy, bàn với nhau rằng :

— Cây đa ấy thuộc về địa-phận làng ta, một mai có sinh ra chuyện gì, thì cả làng phải cứu.

Rồi lên trình quan.

Quan cho đòi người kia đến, hỏi :

— Tại sao ngươi nằm vạ ở đó ?

Người kia nói rằng :

— Bầm Quan-lớn, con ngồi nghỉ mát dưới gốc cây đa mà mất một bao bạc. Con không biết hỏi ai, nên phải nằm dưới gốc cây ấy mà kêu van.

Quan bèn truyền cho dân chặt một cành đa lên để quan khảo.

Rồi quan sai người đào cái hố trước, cho một tên lính nằm phục sẵn đấy, và dặn nó hễ thấy trên tra hỏi, thì dưới phải nói rằng :

— Bầm lay Quan-lớn, xin Quan-lớn hãy khoan tay để con xem đũa nào lấy bạc, con xin xưng.

Khi làng chặt cành đa đem đến, quan cho đề phủ lên trên chỗ hố người lính nằm, rồi sai lấy vồ khảo mãi vào cành đa.

Người lính ở dưới hố, cứ nói đi nói lại câu quan đã dặn trước.

Bấy giờ từ trong dinh quan tiếng đồn ra khắp mọi nơi rằng :

— Cây đa biết nói, sắp xưng tên lấy bạc.

Có tật giật mình, trong làng có một đũa gian đã lấy bạc của người kia, nghe đồn lo quá, sợ cây đa nói, xưng tên mình ra thì chết.

Tiên năng tự thú, nó vội-vàng ra lấy bạc đem đến trước quan thú tội và xin dong thứ (1). Thế là quan lấy mẹo xử, mà quân gian mắc mẹo thật.

BA CON TRÁU ĐỤC

THÀNH CHÍN CON

Xưa có một ông vua, một hôm, sai một ông quan đi dò khắp nước xem có những ai là người tài giỏi.

Ông quan đi đã nhiều nơi, mà chưa thấy người nào thật vào bực lỗi-lạc.

Mãi một buổi, ông lang-thang đi đến đầu làng kia, thấy hai cha con nhà nọ đang đánh trâu cày ruộng, mà ở trên đầu có một đám mây che rất đẹp. Ông bèn dừng ngựa lại, hỏi rằng :

(1) Tích này phường Chèo thường vẫn diễn.

— Nhà ông kia ! Trâu ông cày một ngày được mấy đường ?
 Người cha chưa kịp nói, thì đứa con đã hỏi vặn lại ông quan rằng :

— Thế xin dám hỏi ngựa ông đi một ngày được mấy bước ?

Ông quan nghe hỏi, không đáp được ra sao cũng như người kia trước không đáp được câu hỏi của ông. Ông khen thầm trong bụng : « Thằng bé này thông minh ».

Rồi ông quay ngựa về tàu với vua sự thể ông tìm được kẻ hiền tài như thế.

Vua lấy làm mừng. Nhưng muốn thử tài lại, vua bèn sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp và ba con trâu đực, và có nhời chiếu rằng : « Phải nuôi làm sao cho ba con trâu đực ấy thành ra chín con, và năm sau phải đem vào nộp đủ. Không thì cả làng phải tội ».

Khi dân làng nhận được gạo, được trâu và được chiếu của nhà vua, ai nấy đều lấy làm lạ-lùng, lo-lắng, không biết làm ra thế nào. Nay làng họp, mai làng họp, họp đã đến mười ngày, cụ nào, bô ấy, chẳng ai nghĩ ra được mưu-mẹo gì cả.

Con người thợ cày thấy cha đi họp việc làng luôn, mà hôm nào về, cũng ra dáng lo buồn nghĩ ngợi, mới hỏi cha rằng :

— Cha đi họp việc làng có việc gì thế ?

Cha bèn đem truyện vua ban trâu, ban gạo kể lại tổ tường cho con nghe. Rồi nói :

— Việc thật khó quá... Có lẽ rồi vua bắt tội cả làng chớ chẳng chơi.

Con bảo rằng :

— Việc ấy con cho thật dễ như không. Can gì mà làng phải lo. Để đến mai con xin theo cha ra họp việc làng, con nói hầu làng nghe.

Hôm sau, hai cha con bảo nhau đi họp thật. Khi dân đến đã đông đủ, người con đứng dậy thưa với làng rằng :

— Cái việc này xin làng cứ giao cho tôi một con trâu với một thúng gạo. Còn hai con trâu và hai thúng gạo, xin làng cho đem ra làm thịt, ta ăn mừng với nhau. Khi nào đến kỳ nộp trâu

giả nhà vua, làng cứ để mặc mình tôi lo liệu được xong-xuôi mọi-việc.

Làng nghe nói, kẻ bàn ra, người bàn vào, không ai dám tin thằng bé nó nói đùa. Nhưng thằng bé nó quả-quyết xin làm giấy cam-đoan với làng, cả cha nó cũng ký-kết vào đấy.

Bấy giờ làng mới chịu tin. Làng bắt làm giấy má cẩn thận xong rồi, mới cho làm thịt trâu ăn uống với nhau thật.

Cách vài hôm, hai cha con người thợ cày đưa nhau đến chỗ vua đóng. Con dặn cha đứng đợi ngoài. Còn một mình can đảm đi thẳng đến trước mặt vua, quì xuống lạy, rồi khóc âm cả điện.

Vua bắt không được khóc nữa và phán hỏi rằng :

— Thằng bé kia có việc gì? Sao dám đến đây mà khóc?

Thằng bé liền cất nhờ tâu mình bạch rằng :

— Tâu lạy Đức Vua muôn tuổi, mẹ tôi chết sớm, tôi chỉ còn cha tôi. Ngày đêm tôi thường cầu nguyện cho cha sinh thêm lấy vài chút em bé để nó chơi với tôi cho vui, kẻo tôi có một mình buồn lắm. Nhưng mấy năm nay, tôi mong đợi mãi mà chẳng thấy cha tôi sinh ra cho tôi được đứa em nào nữa... Cho nên tôi càng buồn, tôi phải khóc. Dám xin nhà vua là Đức sáng suốt trên Trần, phân-xử cho tôi được nhờ.

Vua nghe nói, bật cười, phán rằng :

— Mày muốn có em, thì phải dạm vợ bé cho cha mày, chớ một mình cha mày thì làm gì được?

Thằng bé bắt ngay câu ấy, tâu lại rằng :

— Đức vua phán thế, chúng tôi cũng biết. Phàm sự sinh nở phải có đủ đực, cái mới được... Song ngày nọ, Đức vua có ban về cho dân làng chúng tôi ba con trâu đực, không cho con trâu cái nào, mà lại hẹn rằng phải làm sao cho ba con trâu ấy sinh được chín con để đem nộp nhà vua. Dân chúng tôi thật đang lúng-túng, chưa biết làm thế nào.

Vua cười phán rằng :

— Ta thử đấy thôi... Thế sao không đem trâu ấy ra làm thịt mà ăn với nhau?

Thằng bé tâu :

— Đức vua đại-xá. Dân chúng tôi thật đã làm thịt trâu. Thôi xôi ăn mừng với nhau rồi.

Vua chịu thẳng bé ấy là thông minh tài giỏi, liền phong cho làm Trạng-nguyên.

CỦ KHOAI VÀ CÁI CẦU

Xưa có một người bên Hà-tây nghe nói bên Hà-đông có củ khoai to lắm, mới đi xem khoai.

Lại có một người bên Hà-đông nghe nói bên Hà-tây có cái cầu cao lắm, cũng đi xem cầu.

Hai người gặp nhau ở giữa đường, mời nhau vào hàng uống nước, để hỏi thăm truyện nhau.

Người Hà-đông hỏi người Hà-tây rằng :

Bác đi đâu, công truyện gì ?

Người Hà-tây nói :

— Tôi sang xem củ khoai to bên Hà-đông.

Người Hà-đông bảo :

— Bác không phải đi nữa. Tôi xin nói để bác nghe : Củ khoai bên Hà-đông tôi thực to, không gì sánh kịp. Một vạn quân chỉ ăn củ khoai ấy đã hơn một tháng nay mà mới hết có non một góc.

Người Hà-tây nghe rồi, hỏi :

— Thế bác đi đâu, công truyện gì ?

Người Hà-đông nói :

— Tôi sang xem cái cầu cao bên Hà-tây.

Người Hà-tây bảo :

— Thế thì bác cũng không phải đi nữa. Tôi ở bên ấy biết cái cầu ấy rồi.

Người Hà-đông vội hỏi :

— Thế cái cầu ấy cao thế nào ?

Người Hà-tây thủng thẳng đáp :

— Ôi ! cái cầu ấy thật cao, cao không lấy gì mà đo cho được...

Trước có một người bồng một đứa con lên chơi trên cầu, nhờ

tay đánh rơi con xuống sông, lấy làm thương tiếc, giở về đóng chiếc thuyền đã hơn một tháng, chèo ra đó để cứu con, mà đứa con vẫn còn chưa rơi tới mặt nước... Hai cha con họ gặp nhau rất vui sướng.

Người Hà-đông bảo :

— Thôi, thế thì tôi không phải sang bên Hà-tây nhà bác xem cầu nữa, mà bác cũng chẳng phải sang bên Hà-đông nhà tôi xem khoai làm gì.

Người Hà-tây bảo :

— Phải đấy, tai ta nghe nói thế cũng đã đủ. Hà-tất cứ phải mắt trông thấy mới được.

Câu truyện xong, hai người sắp từ giã nhau, mời mời nhau ăn giầu.

Song không biết người nào nhiều tuổi hơn mà ăn trước.

Người Hà-đông mới hỏi người Hà-tây rằng :

— Bác năm nay bao nhiêu tuổi ?

Người Hà-tây nói :

— Lâu nay tôi cũng quên. Tôi chỉ mang-máng nhớ trước mẹ tôi có thai tôi, ăn quả đào lấy trộm trên vườn bà Tây-Vương-Mẫu, ba nghìn năm mới nở hoa, ba nghìn năm mới kết quả, mà cái hạt đào mẹ tôi bỏ ra đem giồng đã thành cây, cây ấy đã kết quả thành cây khác, mà hiện nay thứ đào ấy lên chiu-chít đã như rừng rồi... Thế còn bác năm nay bao nhiêu tuổi ?

Người Hà-đông nói :

— Tôi cũng không có trí nhớ như bác. Tôi chỉ biết rằng tuổi tôi cứ mỗi năm biên vào một cái thẻ bằng cái tấm que, mà số thẻ bây giờ chất đầy bấy gian nhà chưa đủ, còn phải xếp nhờ ra cả ngoài đình, ngoài chùa nữa. Tôi mắc nhiều công việc, nên chưa lúc nào tính được, mà cho tính cũng không xuê...

Người Hà-tây nói :

— Như thế thì biết ai nhiều tuổi hơn ai ? Hay ta thử hỏi mục hàng xem mục nay xuân-thu đã bao nhiêu rồi.

Lúc hỏi mục hàng, thì mục này nói rằng :

Tôi đàn-bà không biết chữ, cho nên không biết tuổi. Nhưng có thằng em tôi nó biết.

Hai người hỏi :

— Thế ông em ở đâu ?

Mụ hàng nói :

— Nào tôi cũng chẳng biết nó ở đâu bây giờ... Tôi chỉ biết tên nó là thằng Bàn.

Hai người nói :

— Em mụ là thằng Bàn (1) ? Thế thì mụ nhiều tuổi hơn hai anh em chúng tôi rồi, phải xin mời cụ xơi giầu trước.

KÉO CÂY LÚA LÊN

Xưa có một người, đang khi đại hạn, ra đồng coi lúa, thấy lúa người tốt, mà lúa mình xấu, bèn lấy tay kéo cây lúa của mình cho bằng lúa của người.

Lúc về nhà, người ấy khoe với vợ con rằng,

— Lúa của ta bây giờ xem có tốt hơn lúa của người rồi không !

Vợ con không tin.

Anh ta tại nói rằng :

— Không tin, ra mà xem.

Khi vợ con ra đồng xem thật, thì bao nhiêu lúa đã khô héo rũ cả ra rồi. (2)

THẦY DẠY HỌC-TRÒ

Xưa có ông thầy dạy học, một hôm dạy học-trò rằng :

— Các con có học, thì học làm con sống, chớ làm con mái.
Học-trò hỏi tại sao.

(1) Thằng Bàn là thằng Bàn-cổ nó sinh ra tự lúc mới có người, thì ai còn nhiều tuổi hơn được nó nữa. Để chỉ có mụ bán nước xưng là chị nó thôi.

(2) Truyện này trong kinh « Bách-dụ » cũng có ghi chép.

Ông giảng rằng.

— Trò đòi giống được bao giờ cũng có chí lớn hơn giống cái.

Hôm khác, ông lại dạy rằng :

— Các con có học, thì học làm con chim cốc.

Học-trò hỏi tại sao.

Ông giảng rằng :

— Cốc là giống có chí cao và bay xa được nghìn dặm.

Hôm khác nữa, ông lại dạy :

— Các con có học vẽ, thì cũng học vẽ con chim cốc.

Học-trò hỏi tại sao.

Ông giảng rằng :

— Các con vẽ con cốc, nên ra, thì được hết như con cốc, mà không nên ra nữa, thì cũng còn ra được con cò... Chớ nếu các con học vẽ con cò, nếu không nên con cò, thì rồi hóa ra con chó mất.

THANH-YÊN SO VỚI PHẬT-THỦ

Xưa có một người tìm đến học một ông thầy ở làng xa.

Học được vài ba năm, người ấy đã tự nghĩ là sức học ngang ngang với thầy, xin về nhà để học lấy, không ở theo thầy nữa.

Cách đó hai năm, trong vườn anh ta, có cây thanh-yên được năm, sáu quả, mà có một quả nhón lằm, anh ta rất lấy làm trân-trọng.

Tháng chạp, anh ta cho hái quả thanh-yên ấy để đem đi lễ thầy cũ, và nhân tiện để xem sức thầy một thể.

Lúc đến nhà thầy, chưa kịp thưa bày gì, thì chợt anh ta trông thấy trong vườn thầy, bao nhiêu cây Phật-thủ, quả nhón có, quả nhỏ có, quả chín có, quả chưa chín có, xanh vàng tươi đẹp, vị hương thơm nức, càng lâu, càng xa, càng dày, càng thắm...

Anh ta thấy thế tần-ngần có ý thẹn.

Thầy trông mặt, biết lòng, gọi lại hỏi.

Anh ta lấy sự thực, thưa với thầy rằng :

— Thưa thầy, quả thanh-yên ở nhà tôi, tôi tưởng trân-trọng là thế. Đến đây thấy vườn phật-thủ nhà thầy, tôi mới hay trân-trọng khác xa.

Rồi lại thưa rằng :

— Từ nay về sau, tôi mới biết cách đi học. Thật là : Xem vườn dạng bằng xem sách, mùi quả khác chi mùi văn. Người ta càng học, lại càng biết mình là dốt.

Thầy nghe nói, đỡ nhời bảo rằng :

— Có xem bề, mới biết nước ao không mấy nổi ; có lên núi, mới biết đá cống chẳng bao nhiêu ; có qua rừng, mới biết cây vườn không mấy chút... Đi học có biết thế, học mới tiến-ích được.

Anh kia nghe nói, cúi đầu bái tạ.

Rồi tự đó, lại xin đến ở với thầy, cố chuyên-tập học-hành. Không bao lâu, nhờ thầy dạy bảo, học mỗi ngày một cao, một rộng, và lúc đi thi, đỗ đầu trong thiên-hạ.

NA-MÔ CHUỖNH

Xưa có ba anh học-trò, một hôm ăn canh lươn, lấy làm ngon lắm.

Ba anh hứng chữ, bàn với nhau rằng :

— Lươn là giống quý thế này mà xưa nay, chưa có chữ gì để đặt tên cho nó cả. Chi bằng đang lúc ngon miệng, ba anh em ta nghĩ đặt cho nó một chữ thật đẹp để họa sau này thiên-hạ ghi chép vào sử sách chẳng.

Một anh nói rằng :

— Con lươn vốn là giống ở dưới nước, tôi đặt cho nó có « Ba chấm thủy » (𩺰).

Anh nữa nói rằng :

— Con lươn vốn có tính chúi dưới bùn, tôi đặt cho nó một chữ « Thổ » (𡗗) nữa,

Anh thứ ba nói rằng :

— Con lươn vốn có cái đuôi uốn khúc cong cong, tôi đặt cho nó thêm một chữ cong cong là chữ « Tư » (𠃉).

Nói xong, ba anh ghép ba chữ lại, thành ra một chữ là : « 法 »

Ba anh lại bàn nhau :

— Chữ đã đủ nét rồi Nhưng không biết gọi là chữ gì, đọc ra âm gì cho nó giòn, thì thiên-hạ mới chịu theo.

Bàn tán mãi, sau ba anh cùng đồng ý đặt cho cái chữ 法 ấy âm là « *Chuỳnh* »

Con lươn qui-hóa bây giờ có chữ viết là 法 lại có âm gọi là « *Chuỳnh* ». Đủ cả chữ, chữ có nghĩa sâu-xa, đủ cả âm, âm đọc giòn sang-sảng, ba anh đắc chí vỗ tay cười xòe.

Nhưng chợt một anh giật mình bảo hai anh kia rằng :

— Chết rồi ! Ba anh em ta nay đặt được một chữ hay đến như thế, là có bao nhiêu tinh-hoa trong mình, nó bốc ra hết cả. Anh em đến chết mất, không gì cứu được nữa.

Rồi ba anh sụt-sịt ngồi khóc với nhau.

Chợt có ông sư đi ngang đó, thấy ba người đang khóc, lấy làm lạ, ghé vào hỏi.

Ba anh kia đem đầu đuôi câu chuyện kể lại.

Thì lúc kể xong, ba anh thấy ông sư cũng giọt ngấn, giọt dài như khổ-não lắm. Ngạc-nhiên, ba anh hỏi ông sư :

— Kia sao mà nhà chùa cũng khóc thế ?

Ông sư nói rằng :

— Nào có gì đâu ! Bần-tăng ăn mày Phật đã hơn ba mươi năm, xưa nay kinh-kệ vẫn chỉ biết có tụng niệm rằng : « *Na-mô Pháp* » hay *Phật Pháp tinh-thông*... mà thôi... Đến bây giờ, nhờ được ba thầy dạy cho mới biết không phải là *Na-mô Pháp*, *Phật Pháp tinh-thông*... mà là *Na-mô Chuỳnh*, *Phật Chuỳnh tinh-thông*... Vậy A-di đà Phật ! *Na-mô Phật*. *Na-mô chuỳnh* hay *Na-mô lươn*, *Na-mô tãng*, *Phật Chuỳnh tinh thông* hay *Phật lươn tinh thông*... Tôi cũng đến chết mất !... Nèn tôi khóc với các thầy là phải.

ANH THỢ RÈN BỪA

Xưa có một anh thợ rèn nhất-thiết từ cái cuốc, cái thuổng đến con dao, cái kéo, không rèn cái gì cả. Anh ta chỉ chuyên rèn có một giống bừa thôi.

Một hôm, đi chợ mua sắt gánh về, giờ đã nhà-nhém tối, anh ta đi ngang qua một đám cỏ, nghe thấy xì-xào như có tiếng nói chuyện. Đã tưởng là ma quỷ, anh ta sợ run cả người, không dám bước chân đi nữa. Nhưng lắng tai nghe rõ, thì thấy một cây cỏ hỏi những cây cỏ kia rằng :

— Các anh có sợ cái cuốc không ?

Một cây cỏ đáp :

— Cuốc chỉ cuốc từng khu một. Ta không sợ.

— Thế các anh có sợ cái thuổng không ?

Một cây cỏ khác đáp :

— Thuổng chỉ đào sâu từng hố một. Ta không sợ.

— Thế các anh có sợ cái lưỡi cày không ?

Một cây cỏ nữa đáp :

— Lưỡi cày chỉ bầy lên từng đường một. Ta không sợ.

— Thế các anh có sợ cái lưỡi liềm không ?

Một cây cỏ thứ tư đáp :

— Liềm chỉ vợ được từng năm một. Ta không sợ.

— Những cái ấy đều là những cái làm hại mình hết cả, mà các anh không sợ, thì các anh sợ cái gì ? Nói cho tôi biết thử...

Cả đám cỏ nhao-nhao lên nói một dịp rằng :

— Chúng ta đây chỉ sợ có một *thằng bừa*. Nó mà đưa vài cái, thì rằng nó vợ *bừa bừa* hết cả đám ta, không còn sót một mống nào.

Người thợ rèn nghe nói, trong bụng hồi hộp nghĩ rằng :

— Như thế thì những bừa xưa nay ta làm chẳng là hại lắm sao ! Mà ta đây làm nghề rèn bừa, bán bừa cũng chẳng là độc-ác lắm ru ?

Nghĩ vậy, anh ta liền quăng miếng sắt đã mua xuống đám ruộng sâu, rồi vội chạy về nhà.

Về tới nhà vợ nó hỏi :

— Chớ sắt mua đâu ?

Anh ta nói :

— Sắt ta không mua.

Vợ lại hỏi :

— Sắt không mua thì tiền đâu ?

Anh ta nói :

— Tiền đánh bạc thua hết cả rồi.

Vợ nghe nói, nổi giận ùng-ùng, đánh cho kỳ thừa sống thiếu chết.

Bấy giờ anh ta mới thú thật với nó rằng :

— Tao đi chợ mua sắt về, khi đi qua đám cỏ, nghe thấy cỏ bàn chuyện nhau không sợ chi cả, chỉ sợ có cái bừa. Tao nghĩ tao làm việc thất-đức nên tao quăng sắt đi, tao thề từ rày không rên bừa nữa.. Tao làm nghề khác, kéo mà mang tội...

Vợ hỏi rằng :

— Ừ thế bây giờ làm nghề gì ?

Chồng đáp :

— Nợ thiếu chi nghề ! Tao làm nghề kiếm củi tao ăn.

Vợ mắng rằng :

— Sao mà ngu thế ! Thôi nghề làm hại cỏ mà lại làm nghề chặt cây, thì cây cũng như cỏ là giống giời đất sinh ra cả, có khác gì.

Chồng nói :

— Ừ mày nói phải. Hay ta làm nghề đi cày.

Vợ lại mắng :

— Rõ đồ ngược ! Làm nghề đi cày tức lại là làm nghề bới đất, lật cỏ. Đã chừa hại cỏ cách này, sao lại còn tìm hại cỏ cách khác.

Chồng gãi đầu, gãi tai bảo :

— Thế thì tao đi học vậy.

Vợ nghe nói đi học, lấy làm mừng lắm, nhảy cõn mãi chân lên. Vô phúc thế nào chân vấp phải răng một cái bừa gần đấy, máu chảy ra lèng-láng.

Vợ vừa ôm chân lu-loa khóc, vừa hỏi gặng chồng rằng :

— Thế thì mình định lại rên bừa hay đi học thật nào ?...

CUỐC, CÀY, BỪA
TRANH CÔNG

Xưa có một nhà khai hoang một thửa ruộng, thuê một người đi cuốc, hai người đi cày và một người đi bừa.

Bốn người ra đồng tự sáng sớm tinh sương.

Người cuốc thì cuốc chung quanh ruộng. Hai người cày thì cày luôn hết đường nọ sang đường kia. Duy có người bừa là không có việc gì, chỉ cưỡi trâu chơi, và nghêu-ngáo những câu phong-dao cổ, nào lúc thì :

Mồng chín, tháng chín không mưa.

Cha con ta gác cày bừa đi buôn.

Nào lúc lại :

Mồng chín, tháng chín có mưa,

Đề cho thiên-hạ cày bừa làm ăn.

Đến nửa buổi, nhà chủ đi ra thăm ruộng, hỏi những người kia rằng :

— Thế nào, các bác làm những công việc gì ? Có chăm-chỉ không ?

Người cuốc nói rằng :

— Tôi giữ việc cuốc, thì tôi chăm lắm.

Hai người cày nói rằng :

— Chúng tôi giữ việc cày, cũng chăm lắm.

Nhà chủ hỏi :

— Thế còn người nữa làm việc gì ?

Ba người đồng thanh nói :

— Anh ấy chỉ chơi với hát, chưa bừa được tí nào cả.

Nhà chủ mắng người bừa rằng :

— Rõ đồ toi cơm !

Người bừa giận lắm, không nói không rằng, vác bừa đi.

Ra đến đường, vừa gặp có ông quan đi tới, người ấy liền đến thưa rằng :

— Tôi cùng hai người cày, một người cuốc. Ba anh ấy làm chưa xong việc, tôi biết lấy đất đầu mà bừa. Mà ba anh ấy lại

tặng công với nhà chủ, nói tôi không làm gì, để nhà chủ mắng tôi. Dám xin quan lớn soi xét.

Ông quan cho đòi ba người kia lại, quở rằng :

— Ba đưa chúng mày cày cuốc chưa xong, thì lấy đất đâu cho thẳng này nó bừa ? Sao chúng mày khoe công lại nói không hay cho nó, để nhà chủ mắng nó ? Tội chúng mày để đâu, đét cho mỗi đứa mười roi.

Khi hai anh bị đòn xong rồi, ông quan đem người kia ra cho nó bừa.

Nó bừa chỉ một chốc, thì bao nhiêu ruộng sạch cỏ hết cả.

Ông quan khen rằng :

— Cày, cuốc có công, mà không có bừa, cũng chẳng làm gì. Chúng mày làm già nửa buổi không xong. Nó mới làm có một lúc xong ngay. Thế thì công cái bừa to hơn công cái cuốc, cái cày nhiều.

Chủ nhà đứng đấy, vỗ-về người bừa rằng :

— Bây giờ tôi mới biết công anh. Thôi anh bằng lòng vậy. Tôi biết sức cái bừa của anh rồi, thật là bừa-bừa cả, cây cỏ nào mà còn mọc lên được !

COM VỚI CÀ

Xưa có một người trong nhà kẻ cũng vào bậc khá giàu, nhưng tính hay tần-tiện, không hề phao-phí đi đâu một tí gì.

Bữa cơm, người ấy thường chỉ ăn một dùm muối với một đôi quả cà, vừa đủ no thì thôi.

Thiên-hạ, có kẻ thấy thế cười mà bảo rằng :

— Ta nghĩ người sinh ra trong giờ đất, nay mưa, mai gió, chẳng lấy gì làm chắc, cho nên lúc ăn, lúc uống, tưởng cũng nên tìm sao cho vui thích, chớ nhịn miệng làm chi cho tội cái thân.

Người kia nghe nói, mắng lại rằng :

— Anh biết một, mà chẳng biết mười : Con người ta ở đời không phải một ngày một phút gì, nhưng còn lâu dài mãi. Vậy

mà cứ chua ăn chua mặc, không liệu tính việc gì, thì dần-dà của hết, người còn, mình đã chẳng có mà ăn, mà con cháu mình rồi cũng vì mình mà đói rách khổ-sở. Nếu mình để lại cái tiếng : « Cha ăn mặn, con khát nước » thì mình còn ra gì nữa chẳng ?

Rồi sau mặc tiếng khen chê. Người ấy cứ giữ thói tần tiện. Chẳng bao lâu trong nhà mỗi ngày một giàu có, thịnh-vượng mãi lên, mà đàn con, đồng cháu cũng được đề-huê sung túc.

Thiên hạ thấy vậy đều khen rằng :

Cơm với cà, là nhà có phúc.

Câu ấy nay thành câu tục-ngữ.

THỊT NGÓE, CANH CÀ

Xưa có người giồng một vườn cà rất tốt.

Một hôm, có bạn đến chơi giễu rằng :

— Bác giồng cà làm gì nhiều thế ? bác không nghe người ta có câu hát rằng :

*Thịt ngóe mà nấu canh cà,
Ba đời cháu ngoại đưa bà về quê.*

đấy sao !

— Người kia đáp lại rằng :

— Anh nói cái gì lạ-lùng ! Thế anh lại không biết cũng có câu tục-ngữ rằng :

« Cơm với cà, là nhà có phúc » ư ?

Vả-chẳng cà tôi đây bán chợ nào ai cũng mua, khách nào đến nhà, ai cũng ăn... Thôi, hay nhân tiện đây, tôi xin thết anh một bữa cơm với cà để anh nếm thử xem.

Người bạn bằng lòng.

Lúc ăn cơm, lại ngỏ nhời khen :

— Cơm với cà thật đã nên ngon !

Người kia bẻ lại rằng :

— Lúc nãy anh vừa ghét cà, bây giờ anh lại khen cà ngay, sao anh lắm điều thế ?

Bạn nói :

— Bác đây thế. Chớ tôi khen chê mà khác nhau, là bởi quả cà nó khác nhau. Trước kia, tôi chỉ biết có một thứ cà quả tròn là *cà táo*, hay quả dẹt là *cà dứa*, *cà ghém* mà thôi...

Người kia nói :

— Cà nó có nhiều loài, nhưng vị nó cũng không khác gì nhau. Thế anh có biết thứ cà tôi thết anh đây gọi là cà gì không ?

— Không ! Thật quả tôi không biết...

— Thế thì anh còn ngu thật. Đây thứ cà dài mà nhỏ quả này gọi là *cà soan* hay *cà vú trâu*, còn thứ cà dài mà to quả mà anh vừa xoi vừa khen ngon hơn cả, chính nó tên gọi là — xin thất lỗi — *cà dái dê* đấy anh a...

Bạn biết bị mắc lỡm, nhưng chót đã ăn, không dám dỉ rằng khen chê nhiều nhời nữa.

ME HIỀN CON THẢO

Xưa một nhà có hai mẹ con, mẹ thì tinh hay ăn thịt gà, mà con thì hết lòng chiều mẹ

Phải khi giờ giờ, bà mẹ mệt-nhọc trong mình, không muốn ăn gì, chỉ ước-ao thịt gà. Chẳng may bấy giờ láng giềng hàng xóm không ai có gà mà lại chợ thì xa, giờ thì mưa gió, không làm thế nào kiếm cho ra gà.

Ở nhà cũng có một con gà mái, nhưng nó lên ổ, mới nở được mười hai con gà con.

Người con không biết tìm đâu cho có gà, mới thưa với mẹ, xin làm thịt con gà mái để mẹ ăn.

Bà mẹ gạt đi bảo rằng :

— Con gà mái, con nó còn nhỏ. Hãy để nó nuôi con nó cho nhớn, trước là biết thương loài vật, sau nữa bán được lấy tiền. Con không nghe người ta thường nói : « *Như gà mất mẹ* » hay sao ? Thôi con đừng làm thịt nó, tội nghiệp !

Con thưa rằng :

— Mẹ dạy thế cũng phải. Song gà rồi lại đẻ ra gà được, cha mẹ không ai đẻ ra được nữa ! Mẹ cứ cho phép con làm đẻ mẹ xơi.

Bà mẹ nhất-định không chịu. Người con phải chiều ý mẹ.

Làng nước, ai biết truyện cũng khen rằng : « Thật là mẹ hiền, con thảo : Con thì biết thương mẹ, mà mẹ thì biết thương gà »

CÂY TÁO VÀ NHÀ LÁNG - GIỀNG

Xưa có một nhà có cây táo, cành mọc trở sang cả nhà láng-giềng.

Đến mùa cây táo có quả, vợ người láng-giềng thấy vừa chín đến nơi, nghĩ rằng ngon-ngọt, ra bứt một ít đem vào đưa chồng ăn.

Chồng hỏi, biết là táo vợ đi lấy trộm của nhà người ta, lấy làm giận lắm, cho vợ là đưa không ra gì, có ý muốn bỏ.

Nhà có cây táo, biết truyện, cho là tại cây táo của mình mà đến nỗi vợ chồng người ta phải bỏ nhau, lấy làm không phải, định chặt cây táo đi.

Nhưng có ông lão biết rõ đầu đuôi việc này, đến khuyên người có táo đừng chặt cây đi. Rồi lại cùng người có táo đến khuyên người kia đừng bỏ vợ mà tội-nghiệp.

Trong làng thấy vậy, có người làm mấy câu hát rằng :

« Nhà đông-lân giồng cây táo,

« Nhà tây-lân người vợ bỏ (1)

« Nhà đông-lân bỏ cây táo,

« Nhà tây-lân người vợ về » (2)

(1) Như ta nói bây giờ thì là vợ bị bỏ.

(2) Truyện này Tàu cũng có, nhưng không giống hẳn.

*HAI VỢ, CHỒNG NGƯỜI
THUYỀN CHÀI VÀ THẦY TU*

Xưa có người thuyền-chài ở dưới sông lấy được một người vợ rất đẹp, thật là má phấn, môi son, da ngà, tóc phượng, tiếng đồn gần xa, ai nấy cùng biết.

Một hôm có một người thầy tu ở tự xa đến, nhác trông thấy nàng, lòng xuân phơi-phới, muốn bắt nhân-tình. Rồi thầy tu tìm cách lui tới nhà ấy cứng vái luôn. Người vợ cũng có tình ý. Chỉ người chồng là không ngờ-vực chi cả.

Nhân một hôm, người chồng đi vắng, thầy tu đến nhà giờ hẵn cái mặt chim-chuột, mới hát ve một câu rằng :

*Na-mô xa cũng như nên gần,
Na-mô kết nghĩa Châu, Trần với nhau.*

Chị chàng động lòng, hát đáp lại rằng :

*Thầy ôi ! tôi muốn lấy thầy,
Cho cao tiếng đọc, cho đầy mâm xôi.*

Rồi hai bên cười cợt, ôm-ấp nhau cho thỏa.

Vô-phúc, ngay lúc đó, người chồng ở đâu đột-ngột về.

Thầy tu và vợ người kia sợ-hãi quá chừng, không biết trốn đâu, nhảy tòm cả xuống sông.

Giời đọa kiếp, người vợ thì hóa ra cây hoa sen, thầy tu thì hóa ra con cá hòa-thượng.

Người chồng đang cơn giận, cũng nhảy xuống sông định bắt thầy tu, nhưng không bắt được, liền hóa ngay ra con cóc để theo mò bắt con cá hòa-thượng.

Bởi truyện này mới có câu hát rằng :

*Cóc mò vì cá thầy tu,
Không nhưng, lên cạn xuống sâu làm gì.*

BUÔN VỊT GIÒI

Xưa có anh chàng siêng ăn, biếng làm.

Vợ nó thấy thế, một hôm mắng rằng :

— Người ta thì có công, có việc, làm cho vợ con được nhờ, như mình, thì chẳng công việc gì, chỉ nằm mà ăn nhờ vào vợ.

Chồng hỏi :

— Thế mà bảo tao làm việc gì bây giờ ?

Vợ nói :

— Người ta đi buôn, đi bán, nuôi vịt, nuôi gà. Trông người ta đấy, muốn bắt-chước làm nghề gì thì làm.

Chồng bảo :

— Ừ thì mà đưa cho tao năm quan tiền để tao đi mua vịt về tao nuôi.

Vợ nghe nói, vui lòng đưa năm quan tiền.

Sáng hôm sau anh chàng vác tiền đi.

Đi mãi, lúc lâu, thấy một nơi có đàn vịt đang ăn giữa đồng, không ai canh giữ cả.

Anh ta lên tiếng hỏi lũ trẻ ehăn trâu gần đấy rằng :

— Vịt ai ăn đó ?

Lũ trẻ nhận láo :

— Vịt của chúng tôi.

Hỏi :

— Chúng mà có bán không ?

Lũ trẻ nói liền :

— Có bán.

Hỏi :

— Bán giá bao nhiêu ?

Lũ trẻ nói thách :

— Mười quan.

Anh chàng mà-cả :

— Đây ta chỉ có năm quan ; có bán thì ta mua.

Lũ trẻ bằng lòng :

— Ừ thì bán rẻ cho bác để bác về bác nuôi mà sinh lợi.

Rồi chúng nó lại khôn-ngoan dặn rằng :

— Bác giả tiền ngay chúng tôi, để cho chúng tôi đi khỏi đây, rồi hãy đuổi vịt về, kéo bác đuổi ngay bây giờ, sợ vịt nó quen lối cũ lại theo gót chúng tôi về chằng.

Anh chàng y theo như nhời, đưa tiền ngay cho lũ trẻ. Chúng nó tâu-tán lên đi hết.

Còn anh ta cứ đứng trên đường, đợi cho vịt nó ăn no.

Một lúc lâu, anh ta nóng ruột, xuống đuổi vịt về.

Nào hay nó là một đàn vịt giời, thấy người đuổi, nó vù-vù bay đi hết.

Anh chàng đứng ngẩn, đợi mãi đến chiều tối, không thấy nó giở lại, mới đành tay không mà về nhà.

Vợ nó thấy, nó hỏi :

— Nào, đi buôn vịt, thì vịt đâu ?

Anh ta đáp tự-nhiên rằng :

— Vịt nó bay lên giời cả rồi. Nó còn ở trên giời ấy.

Vợ nghe nói, vỗ đùi bảo rằng :

— Thôi chết rồi ! Lại đi mua vịt giời hử ! Con người đại đâu mà đại thế ! Để người ta lừa cho. Nào tiền mất rồi, bây giờ làm thế nào thì làm.

Nói xong, nó dim đầu, nó mắng, nó đánh cho một trận.

Anh chàng giận quá, nghĩ không biết làm thế nào để có được năm quan tiền giả nó mới định đi ăn trộm.

Ngày tối hôm ấy, anh ta lẻn vào một nhà trong làng, chui xuống gậm giường nằm.

Một chốc, thấy hai vợ chồng nhà ấy đem nhau lên giường ngủ. Hai người nó chuyện-trò đùa cợt với nhau, rồi không biết thẳng chồng nó bảo với vợ nó rằng :

— Chao ôi ! Tao sướng, tao sướng ! Tao lên đến giời, đến tận giời xanh mây ạ.

Anh chàng thấy nó nói, vội vàng ở gậm giường chui ra, hỏi rằng :

— Anh này anh ! Anh lên trên giời, thế anh có thấy đàn vịt của tôi nó bay lên trên ấy, nó ở vào đâu không ?

Hai vợ chồng nhà kia, thấy có người, vừa sợ, vừa thẹn. Nhưng nó cũng vùng dậy nó đuổi, nó đánh.

Anh chàng ù-té chạy.

Từ đó không dám nói đến vịt nữa, mà vợ nó cũng không dám mượn đi buôn vịt nữa (1).

BỮA RƯỢU CHÁY NHÀ

Xưa có người làm bếp trong nhà, lại làm ngay giữa chỗ cửa mở thẳng vào, và ở bên chỗ chứa củi.

Một hôm, có người khách đến chơi, thấy vậy, bảo rằng :

— Ông nên cho xoay cái cửa đi hướng khác và dịch đồng củi đi chỗ khác, kéo như thế này, tôi e có ngày cháy nhà mất.

Người chủ nhà không nghe.

Chẳng bao lâu, quả-nhiên một hôm, lửa ở bếp bén vào đồng củi, lại nhờ luồng gió ở chỗ cửa thổi mạnh, ngọn lửa bốc lên to : nhà cháy.

Làng xóm đổ đến chữa. Nhờ giới, lửa không lan ra to và tồn hại cũng không mấy.

Nhờ ơn cứu giúp, mấy hôm sau, người chủ nhà làm rượu mời làng xóm. Lúc mọi người đến đã đông đủ, chủ nhà đứng dậy, thưa rằng :

— Bữa hôm nay là bữa tôi mừng đã tránh được cái vạ cháy nhà. Vậy dám xin các ông đã có lòng cứu chữa cho chúng tôi, ai cháy đầu, sém râu, hay phải bỏng, phải thương tích gì, thì xin mời ngồi lên chiếu trên...

Trong đám, có một người biết rõ truyện từ khi người chủ mới bắt đầu làm bếp, lên tiếng hỏi rằng :

— Ông còn nhớ cái người trước bảo ông không nên làm bếp ở chỗ cửa mở thẳng vào và liền bên chỗ bếp củi không ?

Nhà chủ nói :

— Có, tôi có nhớ...

(1) Có truyện cho là buôn le-le, mà le-le cũng thế, cũng là một giống vịt nhưng nhỏ hơn. Nếu là le-le, thì có câu người ta thường ví rằng :

*Mua le-le giữa giới,
 Mất tiền ta rồi đó.*

Người kia lại hỏi :

— Nếu ông biết sớm nghe người ấy, thì làm gì ông phải cái va cháy nhà, lại phải tốn tiền về bữa rượu hôm nay !... Mà sao hôm nay tôi lại không thấy người ấy có mặt ở đây ? Tôi thiết nghĩ ông nên cho mời người ấy đến, rồi chúng tôi đây xin nhường người ấy ngồi mâm trên nhất cả mới là phải.

Người chủ vừa cười vừa nói :

— Vâng, ông nói nhằm nhẽ lắm ! Nhưng cốt ý bữa rượu tôi đãi hôm nay chỉ là để đền ơn các cụ, các ông, đã cất công chữa-chạy hộ lúc nhà tôi bị cháy mà thôi. Vả chẳng nếu nhà tôi không cháy, thì sao lại có bữa rượu hôm nay để mời nhà ông kia được ?

Thôi xin mời các cụ, các ông ngồi vào mâm cho... Còn ông kia, xin để hôm khác vậy »...

Cái hôm khác ấy sau không biết có chẳng ! (1)

CHIÊM BAO THẤY LỢN KÊU

Xưa có một người đoán chiêm-bao hay có tiếng.

Một hôm, có người làng khác muốn hỏi thử, mới tìm đến đặt điều ra nói rằng :

— Đêm qua tôi nằm chiêm-bao thấy lợn kêu, thầy thử đoán hộ xem điềm gì,

Người kia đoán rằng :

— Tất rồi có ai đem miếng ăn đến cho.

Quả-nhiên, hôm sau có người làng đem xôi thịt cho anh ta thật.

Cách mấy hôm, anh ta lại tìm đến người kia, bảo rằng :

(1) Ta có thể kết luận câu truyện này rằng : Những cái ơn nhỏ-nhỏ nhưng nó liền ngay trước mắt, mà thiết đến thân ta, thì ta nhớ mà ta báo lại. Chớ cái ơn to, nhưng vì nó xa thành nó lu không rõ mà không mấy ai biết đến. Thi-dụ : mình mắc bệnh, ông lang chữa khỏi mình lễ tạ ngay, nhưng mình có bao giờ nhớ ơn những ông lang bảo mình cách phòng bị trước khi mắc cái bệnh ấy.

— Thầy đoán tài lắm ! Nhưng đêm qua, tôi lại chiêm-bao thấy lợn kêu. Thầy đoán hộ xem...

Người kia đoán rằng :

— Tất rồi có ai đem cho cái khăn, cái áo gì.

Cách một vài ngày, quả nhiên có người làng đem cho anh ta cái khăn thật.

Ít lâu, anh ta lại tìm đến người kia, bảo rằng :

— Thầy đoán giỏi quá ! Song mà đêm qua, tôi lại chiêm-bao thấy lợn kêu nữa. Thầy thử đoán xem...

Người kia đoán rằng :

— Ngày mai thì phải giữ mình cho khéo, chớ có đi đâu, kẻo có người nó đánh đập xấu hổ.

Anh ta nghe thấy, lấy làm lo sợ, nghĩ bụng rằng :

— Hai lần trước hẳn đoán đã nhầm, thì lần này không nhẽ sai được.

Rồi cả ngày hôm sau, anh ta run sợ cứ ro-ró ở trong nhà, không dám bước chân đi đâu.

Đến lúc nhá nhem tối, anh ta mót đi đại-tiện, không sao nhìn được. Vả chẳng nghĩ ngày cũng đã gần qua rồi, mới liều bước chân ra ngoài ngõ. Nhưng mót quá, không kịp đi xa, anh ta vội ngồi bên nhà hàng xóm phịch một bãi to tướng. Bỗng thấy người trong nhà nó vác gậy ra nó choảng cho mấy cái nên thân. Đau quá, anh ta ôm quần chạy bán mạng.

Về nhà, càng nghĩ, càng phục người đoán chiêm-bao giỏi, nhưng không hiểu đoán về cái nhẽ làm sao.

Tình sương hôm sau, anh ta sang hỏi lại người kia rằng :

— Ba bận, tôi nằm chiêm-bao đều thấy lợn kêu, thầy đoán ra ba việc khác nhau, mà sao cũng đều đúng cả ?

Người kia bảo rằng :

— Nào có khó gì đâu, để tôi giải cho mà nghe : Kẻ nuôi lợn, nghe thấy lợn kêu, nghĩ rằng nó đói, thì cho nó ăn ; đã cho ăn rồi nó lại còn kêu, nghĩ rằng nó rét, thì cho nó ấm. Ăn đã no, ở đã ấm, mà nó vẫn còn kêu, thì nghĩ rằng nó làm phiền mình, tất phải đập phải đánh cho nó chừa kêu đi. Lấy cái nhẽ đó mà

suy, nên chú năm chiêm-bao thấy lợn kêu lần đầu, tôi cho là được ăn, lần thứ hai, tôi cho là mặc, đến lần thứ ba, quá lắm, tôi cho là phải đòn. Nào có phải tôi cao đoán gì đâu ?

SỢ MA BAO GIỜ

Xưa có người làm nghề phù-thủy, một hôm ngồi ăn cơm với vợ, vợ nó hỏi đùa rằng :

— Minh có sợ ma quỷ không ?

Chồng nói :

— Mà y hỏi lạ ! Tao đây làm nghề trừ ma, trừ quỷ, ma quỷ nó sợ tao thì có, chớ đời nào tao lại sợ nó bao giờ !

Một hôm, thầy phù-thủy đi đám đêm về khuya, con vợ nó rình, nó nấp một bên đường, và đem theo hòn than cháy đỏ hồng. Thầy đang xách một cái dây dầy những thủ, xôi, oản, chuối về qua tới bụi cây, thì còn vợ nó cầm hòn than nó sẽ giơ cao lên dần-dần.

Thầy phù-thủy đã sợ, nhưng còn tin phép màu của thầy, bèn bỏ dây xuống, vừa bắt quyết, vừa đọc câu thần-chú rằng :

— Yêm, thiên lý thu lai, vạn lý thu lai (1).

Vợ nó thấy vậy, cố nhịn cười và cầm hòn than, hoa đi hoa lại mấy cái, rồi tung tung cao lại gần thầy, lập-lòe như ma chơi. Bấy giờ thầy mất hết hồn vía, cuống-cờng chặt cả khăn, bỏ cả dây, vừa ù-té chạy, vừa nói như kêu lên mà cầu cứu rằng :

— Yêm, thiên lý cha ôi ! Yêm, vạn lý cha ôi !

Con vợ thủng-thỉnh lại lấy cái dây đem về nhà, thầy không ngờ-vực chi cả.

Sáng hôm sau, đến bữa, vợ nó đem những đồ lấy ở trong dây dọn cho ăn.

Thầy phù-thủy thấy cơm dọn, lấy làm ngạc-nhiên, vừa nhìn, vừa lăm-bắm một mình :

— Thủ.., giống thủ, xôi... giống xôi !...

(1) Yêm, nghìn dặm thu lai, muôn dặm thu lai.

Con vợ nó bật cười, nó bảo :

- Thủ chẳng giống thủ, xôi chẳng giống xôi thì giống cái gì ? Hay giống cái con ma chơi tối hôm qua !...

Thầy biết mắc mưu vợ, ngồi cầm đầu xuống, không dám ngừng lên nữa.

Bởi chuyện này, người ta mới có câu giễu thầy rằng :

*Đom-đóm, thầy ngộ là ma,
Thầy bỏ thầy chạy,
Rơi khăn, rơi đẩy.
Rơi cả cục xôi,
Thầy ngồi thầy réo,
Ma bắt thầy đi,
Kim nhật, kim thi,
Kim dương thỉnh giải.*

LÀM GIƯỜNG CHO VỢ ĐỂ

Xưa có một người, vợ gần đến ngày sinh-nở, không biết lấy gì để làm giường cho vợ đẻ.

Người ấy mới biện cái lễ đem ra đình để xin tre về làm giường. Khấn xong, xin âm-dương, thì thấy hai đồng tiền cùng dựng đứng.

Người ấy bụng bảo dạ :

— Thần lại cho một cây đằng trước và một cây đằng sau đây.

Rồi liền về nhà lấy dao ra đẵn luôn bốn cây tre ngoài đình, đem về đóng giường.

Đóng xong, quái lạ cái giường! Cái giường nó đi-đi lại-lại được như người.

Vợ sợ quá, hỏi chồng.

Chồng bảo :

— May chỉ có hai chân còn hay đi, huống hồ cái giường, nó những bốn chân !

Thế là thôi, cái giường không dám đi nữa.

Thần bèn sai con dù-dì đến đậu trước nhà người ấy mà kêu.

Vợ lại sợ, nói với chồng :

— Nhà ta sắp có chuyện gì mà dù-dì lại đến trước ngõ, kêu như thế kia ?

Chồng bảo :

Dù-dì kêu chi ?

Tiền-sĩ, Trạng-nguyên !

Thế là thôi, dù-dì lại bay đi, không dám kêu nữa.

Thần bèn sai con át-ma đến kêu.

Vợ lại sợ, nói với chồng.

Chồng bảo :

Át-ma kêu à ?

Đa điền, đa cốc !

Thế là thôi, át-ma lại bay ngay, không dám kêu nữa.

Thần thấy dù-dì, át-ma cũng không làm chi nổi nó, mới sai quan quân đến rình bắt vợ chồng nó.

Ngay lúc quan quân vừa kéo tới, vợ người kia đang đi trong nhà, không biết vướng phải cái gì như muốn ngã. Chồng nó trông thấy, bảo rằng :

Loàng-quàng như Thành-hoàng mắc bẫy.

Quan quân nghe nó nói, tưởng nó định đánh bẫy bắt Thần, sợ mất vía, ù-té chạy về không dám ngoảnh cổ lại.

Thế là anh kia trong nhà yên. Mà ông Thần đành mất mấy cây tre để nó làm giường cho vợ nó đẻ.

TÙ-LÌ TÁM TIỀN

Xưa có một anh chàng ngu-dại quá mà yêu-thương vợ cũng quá.

Gặp khi vợ đang nằm bếp, anh cứ lại luôn bên giường, hỏi :

— Mình ăn gì ? Mình ăn gì để tôi mua.

Đang lúc mệt không buồn nói, lại được ông chồng cứ kè-kè hỏi đi, hỏi lại mãi, vợ tức mình, khùng lên đáp rằng :

— Ăn gì ? Ăn gì ? Ăn cái con tù-li:

Chồng nghe nói, ngỡ thật, vội-vàng đi kiếm được tám tiền, sắm-sắm ra chợ để mua tù-li.

Đi khắp chợ dưới, chợ trên, chợ đông, chợ đoài, thấy ai bán con gì cũng hỏi, nhưng không thấy ai nói là bán tù-li cả.

Chiều đã xế bóng, trong bụng đang bấn-khoăn, không biết mua dầu cho ra tù-li, thì chợt nó trông thấy, bên đường có một con sông nước trong leo-lẻo. Nó liền cỡi khố để trên bờ, rồi nhảy xuống sông tắm.

Lúc tắm xong lên, thì cái khố không cánh đã bay đi đằng nào mất. Nó hốt-hoảng cứ tồng-ngồng thế đi tìm khố. Đi vào làng kia, nó thấy một người đang cầm cái cờ đi dẫn đám ma. Hoáng mắt, nó tưởng cái khố của nó, nó mới rảo cẳng chạy lại kêu to lên rằng :

— Cha tổ bay ! Oí bay ! Sao dám lấy khố của ông mà dẫn người chết ?

Nhà đám thấy thẳng láo-xược, bảo nhau đánh nó, nó ù-té chạy về nhà, vừa khóc, vừa mếu, kể-lễ với vợ rằng :

— Tôi đem tiền đi mua tù-li về cho u nó ăn. Tù-li mua chẳng được, tôi cỡi khố xuống sông, tôi tắm mát. Thì đến lúc lên, cái khố của tôi nó mất biến đi đâu mất. Tôi vào làng kia, tìm khố thì chẳng may bị người một nhà đám nó đánh tôi đau lắm...

Vợ hỏi :

— Khố chưa ! Sao lại để nó đánh cho ?

Chồng vừa quệt nước mắt, vừa nói :

Tôi tưởng nó lấy khố của tôi, nó làm cờ để dẫn ma, nên tôi chửi nó, tôi đòi lại.

Vợ bảo :

— Khốn không ! Ai nào người ta lấy khố của mình mà làm cờ ! Người ta đang cất đám mà lại chửi người ta, người ta đánh cho là phải. Phải chi, mình gặp đám như thế, thì mình vào mình khóc « Ô hô ! ô hô ! ô hô ! » ba tiếng, xem người ta có mời-mọc ăn uống tử-tế không nào.

Bấy giờ chồng mới hối lại, rồi cứ nhắm đi, nhắm lại mấy tiếng mới lạ vợ nó vừa bảo.

Hôm sau, anh chàng lại dậy thật sớm để đi mua tù-li.

Đi mãi cũng lại không mua được. Lúc sắp về, giữa đường gặp một đám rước dâu. Sự nhớ lại câu vợ dặn hôm trước, nó liền đi vào giữa đám, cất lên kêu : « Ô hô ! Ô hô ! Ô hô ! » ba tiếng thật to.

Nhà đám thấy nó làm vậy, tưởng nó điên-dại, xúm nhau lại dợt nó một trận ra dáng.

Đau quá, nó ôm đầu chạy về nhà, vừa kêu, vừa kể chuyện lại cho vợ nghe :

— Hôm nay tôi đi mua tù-li, gặp một đám đưa dâu, tôi nhớ câu mình dặn, tôi vào ô-hô mấy tiếng, tôi chẳng thấy nó mời-mọc gì cả, nó lại đánh tôi xung cả đầu, nên tôi chạy về đây.

Vợ vừa cười, vừa bảo :

— Người ta cười xin mà đến ô-hô, người ta đánh cho là phải lắm. Phải chi gặp đám cưới như thế, thì ta kiếm giàu cau, ta vào ta mừng, ta nói rằng : « Mừng cho anh chị tốt đôi », xem người ta có mời-mọc về nhà cô bàn không.

Nó nghe vậy, lấy làm hối-hận. Rồi lại nhắm đi, nhắm lại, câu vợ vừa dạy.

Hôm sau, nó lại dậy thật sớm để đi mua tù-li.

Đi mãi, mua cũng chẳng được, về đến giữa đường thì gặp một đám chày nhà.

Nhớ luôn câu vợ dặn hôm trước, nó vội đi kiếm coi giàu đem vào chỗ người đang chày, khúm-núm nói rằng : « Mừng cho anh chị tốt đôi. »

Khổ-chủ đang lúc cuống-cuồng, thấy nó nói, cho nó là thằng dốt nhà, mới đánh nó một mẻ rừ-từ, rồi lại định trời lại đem lên nộp quan. Nhưng nó van lạy mãi người ta biết nó dại-dột mới tha cho về.

Về nhà, nó lại vừa sụt-sùi khóc-lóc với vợ, vừa kể chuyện lại rằng :

— Hôm nay tôi lại đi mua tù-li, tôi gặp một đám chày nhà, tôi theo như câu mình dặn hôm qua, tôi đưa giàu cau vào mừng,

họ chẳng mời-mọc gì cả. Họ lại bảo « tốt đôi » là « tội đốt ». Rồi nó đánh cho rù cả người ra đây.

Vợ nghe nói, cười bảo :

— Người ta cháy nhà mà lại mừng, người ta đánh cho rất phải. Phải chi, thấy một đám như thế, thì ta đem cào cuốc ra mà cào cuốc giúp người ta xem có được người ta mời-mọc từ-tế không.

Nó nhớ nhời dặn thế.

Hôm sau, nó lại dậy sớm, đi mua tù-lì nữa.

Vừa ra đến đồng, thấy hai người đang đánh nhau túi-bụi, nhớ nhời vợ dặn hôm trước, sẵn thấy cào cuốc đấy, nó lấy nó cào cuốc cả hai người.

Hai người kia thấy vậy, bỏ nhau ra, rồi cùng nhau đánh nó một hồi túi-bụi.

Đau quá, nó vội chạy về nhà, nó kể truyện lại cho vợ nghe.

Vợ nó cười bảo rằng :

— Người ta đang choảng nhau mà mình cào cuốc người ta, chẳng trách người ta đập cho là phải. Phải chi gặp đám đánh nhau như thế, thì ta tìm đường mà lánh cho mau, kẻo có khi mang họa vào mình có hay gì.

Nó nghe nói biết vậy.

Sáng hôm sau, nó lại dậy sớm để đi mua tù-lì.

Đi một chốc nó thấy hai con cu-cu đang chọi nhau. Nó đứng nó nhìn một chốc, chợt nghĩ đến nhời vợ dặn, sợ mang vạ vào mình, nó ù-té cắm đầu chạy một mạch về nhà hít-hơ hít-hải bảo vợ rằng :

— Gớm, hôm nay tôi đi mua tù-lì, tôi gặp hai con cu-cu nó chọi nhau, tôi sợ rồi lại mang vạ vào mình như nhà nói hôm qua, nên tôi phải chạy về đây.

Vợ nó cười bảo :

— Đời nhà ai thấy cu-cu chọi nhau mà lại sợ mang vạ vào mình được. Phải chi gặp một đôi chọi nhau như thế, thì ta bắt

cả đôi đem về, ta làm thịt nấu măng ăn uống với nhau xem có ngon không.

Nó nghe nói thế, nghĩ lại tiếc quá, chạy ra đi tìm xem có còn cu-cu không. Thì cu-cu chẳng thấy đâu nữa rồi. Nó tho-thần đi đến chỗ chân núi, bỗng thấy một con cọp mẹ đang ròn với con cọp con. Nhớ lại nhờ vợ dặn, nó lấy làm mừng quá, vừa chạy lại vừa nói :

— Tao bắt cả đôi, tao đem về làm thịt nấu măng ăn xem có ngon không.

Cọp gầm lên nhảy lại vồ, nó cuồng-cuống ngã bở nhào, phúc bầy mười đời có bọn thợ săn ùa đến, cọp sợ cọp chạy, không thì còn gì là mạng nó. (1)

Ngã cái ấy đã đau lại thêm hết hồn hết vía, nó nằm mất hai ba hôm mới dậy được.

Dậy được, là nó lại liền tìm đi mua tù-li cho vợ nó ăn.

Đi mãi, hỏi đâu cũng không thấy có bán tù-li cả.

Đang lúc nóng ruột, nó bắt gặp một người ế hàng, bán con mèo từ sáng đến lúc ấy mà không thấy ma đại nào thềm hỏi đến.

Người kia đang tức mình, mau bước về nhà, thì thấy nó cũng bước mau lại nó hỏi :

— Bác bán con gì mà xách đấy ?

Đang tức mình, thấy hỏi lại càng tức thêm, người kia nói như gắt lên rằng :

— Tù-li, Tù-li. Bán cái con tù-li...

Nó nghe nói mừng quá, nhảy cõn lên, đưa ngay cả tám tiền nó vẫn đem theo cho người kia để đổi lấy con tù-li.

Được món hời bất ngờ, người kia vừa đem tiền về nhà, vừa nghĩ bụng cười thầm.

Còn anh nọ hí-hửng ôm tù-li về nhà.

(1) Truyện này có người kể đến đây là hết, vì thằng kia bị cọp tha về rừng.

Nhưng đi giữa đường, thấy một cái ao vừa trong, vừa sạch, nó lại muốn xuống nó tắm.

Không biết để con tù-li quý-hóa kia vào đâu, nó mới cỡi khố buộc lại để trên bờ, rồi nhảy xuống ao.

Lúc tắm xong lên, thì ối thôi ! cả tù-li, cả khố mất mẹ nó đâu tự bao giờ rồi.

Không bạn nào sợ hơn bạn này, nó gào, nó kêu, nó mếu, nó khóc, nó tìm hết bờ nọ, bụi kia như thẳng điên, thẳng đại.

Khách qua đường thấy vậy lấy làm lạ, đứng lại hỏi, thì chẳng thấy nó nói gì, chỉ thấy nó hung-hăng những tù-li, tù-li là tù-li.

Ai nấy bảo nhau :

— Nó giận gì mình mà nó văng tù-li ra với mình.

Rồi bảo nhau đi hết.

Còn nó cứ quanh-quẩn tìm mãi, vừa tìm vừa kêu : « Tù-li, tù-li, ối tù-li ơi ! »

Chợt nó trông xuống dưới ao, thấy thấp-thoáng cái bóng con tù-li của nó. Nó đứng, nó ngấm, nó hăm-hăm hỏ-hỏ như muốn bắt tù-li cho được. Nhưng tù-li đâu ? Rập-rờn chỉ có cái bóng tù-li đấy thôi.

May lúc bấy giờ, có một thằng bé thấy con mèo ngồi trên cây, vừa trở, vừa bảo đùa :

— Cái gì ở trên cây kia kia !

Nó ngừng trông cây, thấy con mèo đấy, nó mừng rú lên rồi vội trèo lên cây bắt con mèo vẫn còn lòng thòng buộc cái khố, cứ thế ôm chặt, chạy thẳng một hơi về nhà, không còn biết giò dất là gì nữa.

Lúc vừa về đến cổng, nó đã vội réo vợ nó reo lên rằng :

— Bu nó ơi ! Bu nó ơi ! Đây rồi tù-li. Tù-li đây rồi. Xem tôi có mua được tù-li đem về cho bu nó ăn không nào !

Cả nhà nghe nói, nhìn ra trông thấy con mèo, cười ầm cả lên bảo rằng : « Ớ con mèo ! Con mèo ! »

Vợ đang nằm, tức cười bật dậy, vừa giận chồng là đưa ngu dại, xấu-hồ với chị em, lại vừa thương chồng là người yêu quý mình quá, trong lòng rất vui. Vợ mới có câu như vừa phàn-nản, vừa vui-thú rằng :

Ăn chi đó nọ ăn chi ?

Hay là ăn một tù-li tám tiền.

Bởi truyện này, mới thành có câu :

« *Tù-li tám tiền* » và người ta mới thường gọi đùa con mèo là con *tù-li* (1).



HẾT QUYỂN I

(1) Khi ta đang bận rộn nhiều việc, hay bực mình cái gì, mà có người cứ đến kê kê bên cạnh, hỏi cái nọ, cái kia, làm cho ta bực thêm, thì ta thường phát gắt lên, ta dờn rằng : « *Cái gì ? Cái con tù-li* » *Tù-li* hay *tù-li* hay *tù-li*, hay *dù-di* (đù-di leng-beng) cũng là một, mà mỗi nơi nói trạnh một khác. Riêng đối với người Bắc, tiếng *đá-di* thông-dụng hơn, nhưng có vẻ như hơi tục, nên trong truyện, chúng tôi để hai chữ « *tù li* » vậy.

MỤC LỤC

	Trang
Mào đầu	II
Chum vàng bắt được	11
Kéo cày giả nợ	13
Cái cân thủy-ngân	15
Cây tre trăm mắt	16
Cá rô rạch ngược.	19
Cà cuống với người tịt mũi	19
Ngánh mặt bên nào ?	20
o Giả chết bắt quạ	21
Sinh con rồi mới sinh cha	24
o Ăn mày đánh đồ cầu ao	27
Cái gì ơn to hơn	29
Mười voi.	29
Nem công, chả phượng, râu rồng	30
Trang Éch	31
Có ai làm chứng?	33
Câu đố nên vợ, nên chồng	36
Có vú, không đầu	37
Quít làm, Cam chịu	37
Chú linh ăn khoai	39
Bắt tép nuôi cò.	41
Chừa đánh, đánh được.	41
o Mặc áo tơ mà chết	42
Bà chủ và người đi cấy	43
Vợ hai, vợ cả	44
Vân-Mai và Thị-Mật	46
Một hạt giới cho	47
o Thịt bò, lộc sắn	48
o Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng tổng	50
Anh cầm bát nói	52
o Tay què mặc tay	52

	Trang
Chú Chích, cô Chèo	53
Có nọ thì có kia	54
Phượng-hoàng đậu cây khế	54
x Thăng Bịp-cốc.	55
Chuột, ong đi trước	59
Vua Thế-tổ và ông lão nuôi ong	59
Vị thuốc quý-hóa	60
Âm-đức	61
Làm lành	62
Mài dao dạy vợ	64
Giết chó khuyển chồng	66
Kêu một việc được ra ba việc	69
Ông Tú và người buôn mèo	71
Bát canh hẹ	72
Bát canh hương-án	73
Cây gì cửa chẳng được	74
Đậu đen chườm đầu	76
Nồi kê ông Thổ	76
Vùng khoai lang	77
Làm rề chương dài	78
Vũ là mưa	79
Đẽo cây giữa đường I	80
Đẽo cây giữa đường II	81
Giời tốc, gió rung	82
Nịnh đời	84
Con khá hơn thầy	84
Người học trò muốn đậu	85
Học văn hay học võ	87
⁵ Tam đại con gà	88
Thầy đồ ăn bánh rán	89
Cờ gian bạc lận	91
Lộc giời hơn lộc nước	92
Nghĩa cũ tình nay	93
Không giết gián.	94
Trọng nghề	95

Người học trò và con chó đá	95
Chó đá đổ máu	97
Dốt học cũng thông	98
Sáng mắt ra	99
Tài với học.	99
Không ăn bí.	101
Lươn ngắn chạch dài	101
Con đẻ con nuôi	102
Mất giỗ bỏ cau	104
Đi lừa tiền cơm	105
Vạc, cò	105
Bát-vạn là quả ớt	106
Mèo lại hoàn mèo	106
Lá húng ! Lá húng !	107
Hai vợ chồng anh thầy bói	108
Thằng Bọm có con ngựa	109
Đổi lòng lành	112
Hai anh em và con chó đá	113
Thi vẽ nhanh	116
Van như vạc	117
Tri-âm với khướu	117
Hai thằng ăn trộm và con ngựa	118
Quân-tử « Ruồi »	120
Người ăn mía và người chủ vườn	122
Hai thứ mọt khác nhau	123
Cô lô gốc mít	124
Thèm	125
Sợ sét bà	125
Cua cặp thầy vườn	126
Chùa đến tận già	127
Anh chăn dê và anh xách ngỗng	128
Chiêm bao thịt chó	130
Nụ cà, họa mướp	131
Không hoa không chồng	131
Dùng đĩa tra tội	132

	Trang
Người học trò với con rùa	133
Cây đa biết nói	134
Ba con trâu đực thành chín con	135
Củ khoai và cái cầu	138
Kéo cây lúa lên	140
Thầy dạy học trò	140
Thanh-yên so với phật-thủ	141
Na-mô « Chuỳnh »	142
Anh thợ rèn bừa	144
Cuốc, cày, bừa tranh công	146
Cơm với cà	147
Thịt ngóe, canh cà	148
Mẹ hiền con thảo	149
Cây táo và nhà lán giếng	150
Hai vợ chồng người thuyền chài và thầy tu	151
Buôn vịt giời	152
Bữa rượu cháy nhà	154
Chiêm bao thấy lợn kêu	155
Sợ ma bao giờ	157
Làm giường cho vợ đẻ	158
Tù-li làm tiền	159